



VINAMILK

NGUỒN **DINH DƯỠNG**
THUẦN KHIẾT
TIẾP BƯỚC TƯƠNG LAI XANH



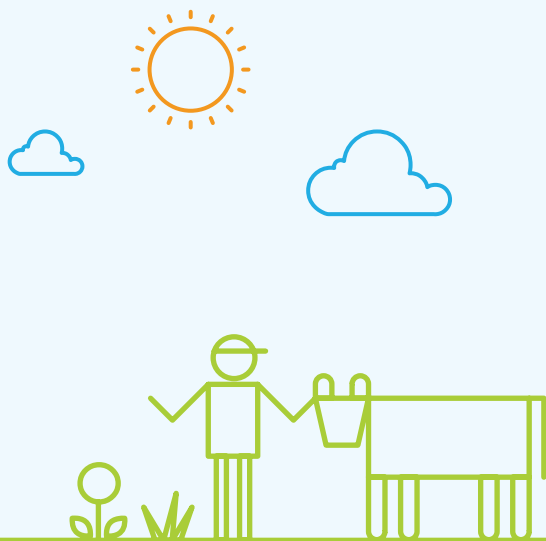
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
MÃ CỔ PHIẾU: VNM

Tên tiếng Anh : Vietnam Dairy Products Joint Stock Company
Tên viết tắt : Vinamilk
Vốn điều lệ : 12.006.621.930.000 đồng
Trụ sở chính : 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM
Điện thoại : (84-8) 54 155 555
Fax : (84-8) 54 161 226
Email : vinamilk@vinamilk.com.vn
Website : <https://www.vinamilk.com.vn>
: <http://www.vuoncaovietnam.com>
: <https://www.youtube.com/user/Vinamilk>

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế: 0300588569

NỘI DUNG



TẦM NHÌN & SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ CỐT LÕI
THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG	15
1. Quá trình hình thành và phát triển	16
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	24
4. Định hướng phát triển	44
5. Các rủi ro	45
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	46
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	48
2. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	62
3. Tình hình tài chính	64
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn điều lệ của Công ty	66
5. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	68
PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	72
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	74
2. Tình hình tài chính	75
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	77
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	78
5. Báo cáo phát triển bền vững	80
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	87
1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty	88
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành	90
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	91
PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY	93
1. Hội đồng Quản trị	94
2. Ban Kiểm soát	98
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	102
4. Báo cáo Quản trị rủi ro	104
PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	108
ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	178



CÁC TỪ VIẾT TẮT

Công ty	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	BĐH	: Ban Điều hành
Vinamilk	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	KTNB	: Kiểm toán nội bộ
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông	SCIC	: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước
HĐQT	: Hội đồng Quản trị	HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
BKS	: Ban Kiểm soát		



TÂM NHÌN, SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn



Trở thành biểu tượng mang tầm vóc thế giới trong lĩnh vực thực phẩm và thức uống, nơi mà tất cả mọi người đặt trọn niềm tin vào sản phẩm an toàn và dinh dưỡng.

Sứ mệnh



Mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng giá trị nhất bằng tất cả sự trân trọng, tình yêu và có trách nhiệm với cuộc sống.

Giá trị cốt lõi



CHÍNH TRỰC



Liên chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.

TÔN TRỌNG



Tôn trọng bản thân, tôn trọng đồng nghiệp. Tôn trọng Công ty, tôn trọng đối tác. Hợp tác trong sự tôn trọng.

CÔNG BẰNG



Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.

TUÂN THỦ



Tuân thủ luật pháp, Bộ Quy tắc ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.

ĐẠO ĐỨC



Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức.

TRÁCH NHIỆM	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	SÁNG TẠO	PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI	KHÁCH HÀNG LÀM TRUNG TÂM
Chúng tôi luôn tận tâm với nhiệm vụ và hành động một cách có trách nhiệm cao nhất.	Chúng tôi hoạt động kinh doanh trên nền tảng chú trọng lợi ích dài hạn của khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.	Chúng tôi đề cao sự cách tân và tính sáng tạo trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của tất cả các hoạt động.	Chúng tôi chú trọng mọi hoạt động liên quan đến việc phát triển kiến thức và năng lực của nhân viên.	Chúng tôi luôn theo đuổi việc đem lại những gì đúng đắn, tốt đẹp cho khách hàng và lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ, hành động.



THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN (Hợp nhất đã kiểm toán)

ĐVT: tỷ đồng

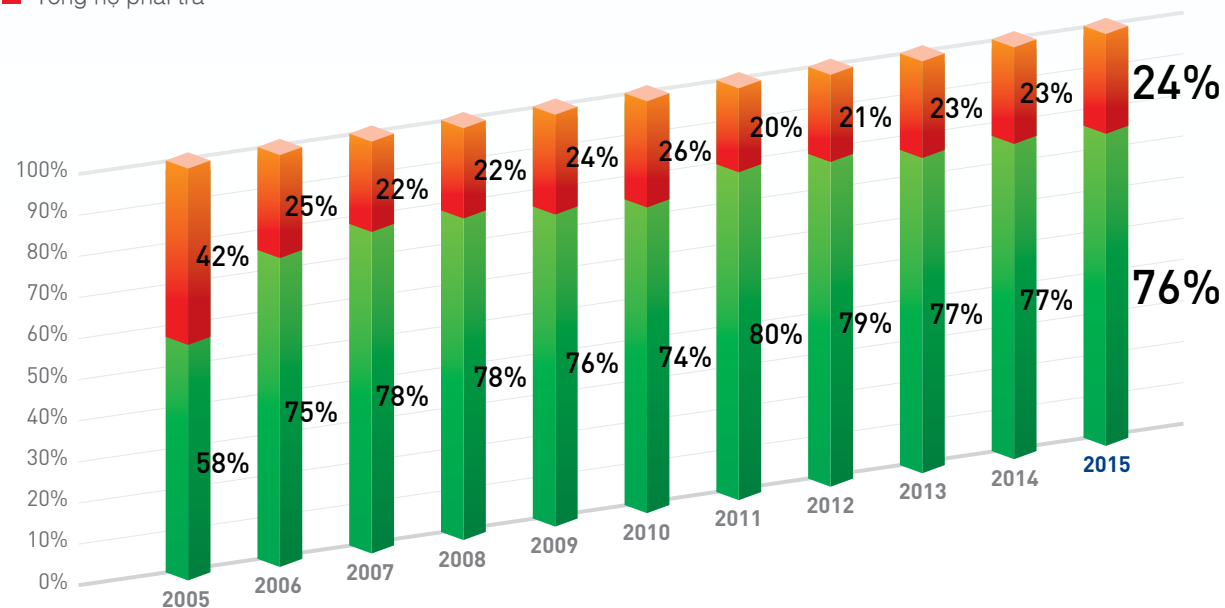
	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	Tăng trưởng ^(*)	CAGR ^(**)
Tổng doanh thu	5.659	6.289	6.675	8.381	10.820	16.081	22.071	27.102	31.586	35.187	40.223	7,1	22%
Lợi nhuận trước thuế	603	663	955	1.371	2.731	4.251	4.979	6.930	8.010	7.613	9.367	15,5	32%
Lợi nhuận sau thuế	605	660	963	1.249	2.376	3.616	4.218	5.819	6.534	6.068	7.770	12,2	29%
Tổng tài sản	3.898	3.601	5.425	5.967	8.482	10.773	15.583	19.698	22.875	25.770	27.478	7,0	22%
Vốn chủ sở hữu	2.247	2.684	4.224	4.666	6.455	7.964	12.477	15.493	17.545	19.800	20.924	9,3	25%
Tổng nợ phải trả	1.651	917	1.201	1.301	2.027	2.809	3.105	4.205	5.307	5.970	6.554	4,0	15%

(*): Tăng trưởng năm 2015 so với năm 2005 (số lần)

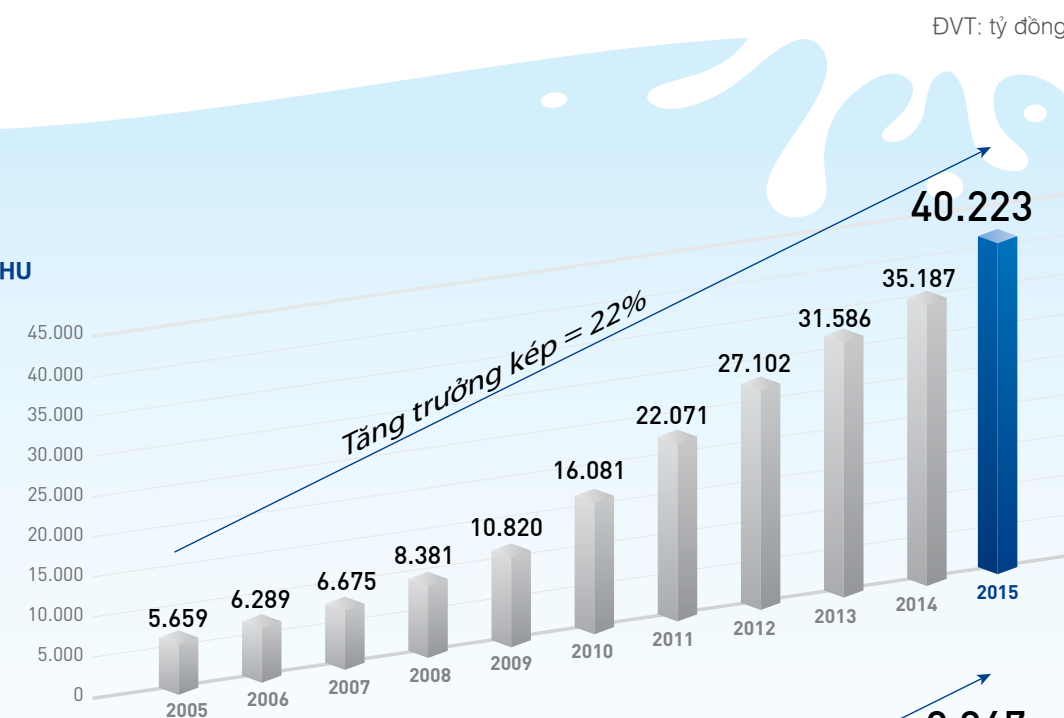
(**): Tăng trưởng bình quân hàng năm 2005 - 2015

CƠ CẤU VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ TỔNG NỢ

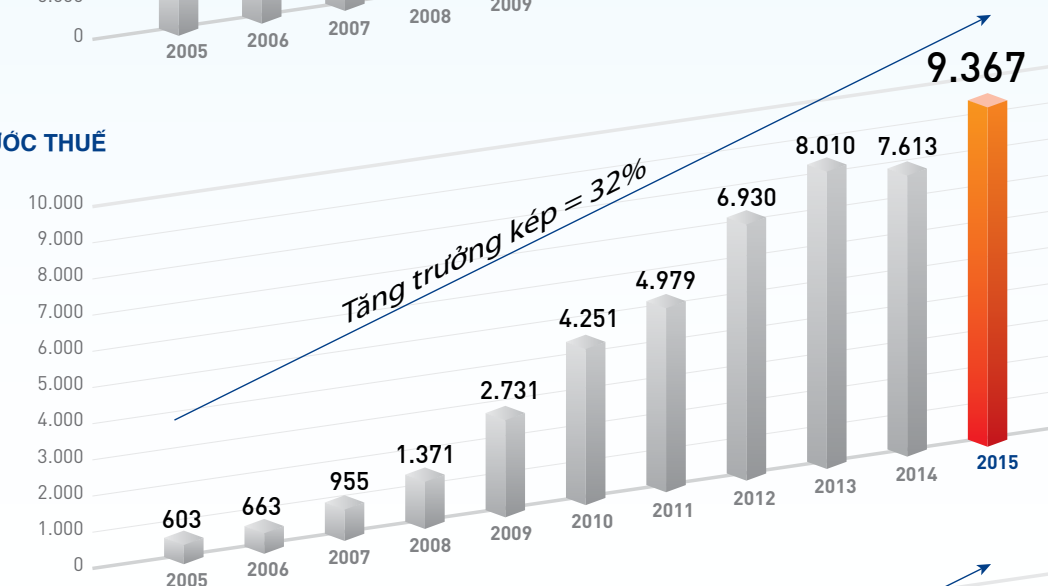
- Vốn chủ sở hữu
- Tổng nợ phải trả



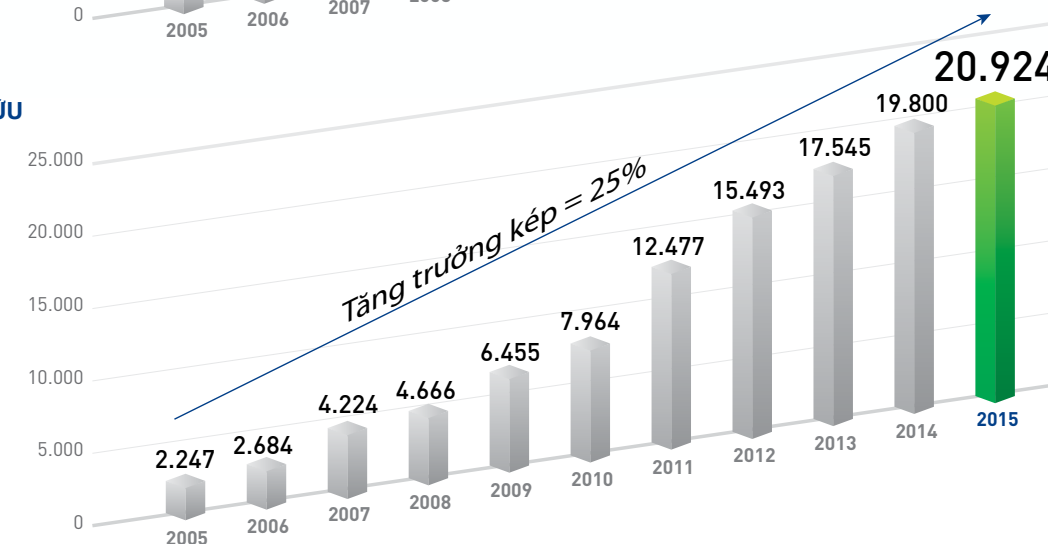
TỔNG DOANH THU



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



VỐN CHỦ SỞ HỮU





THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CAM KẾT

sẽ đồng hành với Ban Điều hành Vinamilk xây dựng kế hoạch, chiến lược phù hợp trong ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu không ngừng mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm; ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất kinh doanh; xây dựng hệ thống quản trị nội bộ và quản lý rủi ro phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Thưa Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Năm 2015 đã qua, ghi nhận những chuyển biến tích cực của nền kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam. Vượt qua những thách thức khó khăn của năm 2014 (biến động giá sữa nguyên liệu, quy định về áp giá trần đối với mặt hàng sữa...), kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất đã được kiểm toán của Vinamilk năm 2015 đã có những bước tăng trưởng đáng kể:

- Tổng doanh thu đã đạt 40.223 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2014 và đạt 105% so với kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao.
- Lợi nhuận trước thuế đã đạt 9.367 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2014 và đạt 114% so với kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao.
- Lợi nhuận sau thuế đã đạt 7.770 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2014 và đạt 114% so với kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao.





THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Không chỉ nỗ lực hoàn thành các mục tiêu tài chính, Vinamilk luôn kiên trì mục tiêu phát triển bền vững, có trách nhiệm với xã hội, đảm bảo sự cân bằng lợi ích của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Cung cấp đến người tiêu dùng các sản phẩm dinh dưỡng cao và an toàn tuyệt đối với giá cả tốt nhất; chú trọng phát triển một cách thân thiện với môi trường, đảm bảo tính xanh sạch phủ khắp các hoạt động từ nhà máy đến trang trại. Sự phát triển của Vinamilk luôn đồng hành với sự phát triển của cộng đồng tại địa phương có cơ sở sản xuất kinh doanh của mình.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 có nhiều biến động, giá cổ phiếu của Vinamilk vẫn luôn ổn định và tăng trưởng vững chắc, góp phần tích cực vào sự ổn định và tăng trưởng của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích đáng kể cho Nhà nước, cổ đông và cán bộ nhân

viên của Vinamilk.

Vinamilk tự hào được giới đầu tư trong nước và quốc tế đánh giá là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về quy mô, hiệu quả và chất lượng quản trị doanh nghiệp. Năm 2015, Vinamilk đã tiếp tục nhận được nhiều giải thưởng, danh hiệu danh giá do các tổ chức trong nước và quốc tế bình chọn.

Để có được thành tích nổi bật như hiện nay là nhờ sự nỗ lực lao động hết mình, sự đóng góp tâm huyết công sức của toàn thể nhân viên Vinamilk; sự lãnh đạo của đội ngũ BDH tài năng, giàu kinh nghiệm cùng sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT; sự chia sẻ đóng góp của Quý vị cổ đông; sự hỗ trợ của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

Bước vào năm 2016, trong tiến trình tiếp tục đổi mới và hội nhập của kinh tế Việt Nam, đặc biệt khi Hiệp định TPP có hiệu lực, sẽ mở ra nhiều cơ hội nhưng

KHÔNG CHỈ NỖ LỰC HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU TÀI CHÍNH,

Vinamilk luôn kiên trì mục tiêu phát triển bền vững, có trách nhiệm với xã hội, đảm bảo sự cân bằng lợi ích của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Cung cấp đến người tiêu dùng các sản phẩm dinh dưỡng cao và an toàn tuyệt đối với giá cả tốt nhất.

cũng đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có Vinamilk. Để có thể hoàn thành kế hoạch 2016, mục tiêu kế hoạch 5 năm 2012 - 2016 - giữ vững thương hiệu Vinamilk là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, trở thành doanh nghiệp trong bảng 50 Công ty sữa lớn nhất thế giới vào năm 2017 trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt đòi hỏi sự nỗ lực quyết tâm cao từ lãnh đạo và nhân viên của Vinamilk.

HĐQT cam kết sẽ đồng hành với BDH Vinamilk xây dựng kế hoạch, chiến lược phù hợp trong ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu không ngừng mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm; ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất kinh doanh; xây dựng hệ thống quản trị nội bộ và quản lý rủi ro phù hợp với chuẩn mực quốc tế; bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu phát triển Vinamilk, thích ứng với điều kiện cạnh tranh, hội nhập quốc tế.

Thay mặt lãnh đạo Vinamilk, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã đóng góp tích cực, ủng hộ, tin tưởng Vinamilk trong năm qua và mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ tích cực của Quý vị trong thời gian tới.

Chúng tôi tin rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ đội ngũ nhân viên và sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo, Vinamilk sẽ ngày càng phát triển vững chắc, giữ vững và phát triển giá trị thương hiệu của mình.

Chủ tịch HĐQT

Lê Thị Băng Tâm

TỪ **nỗ lực**
không ngừng

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

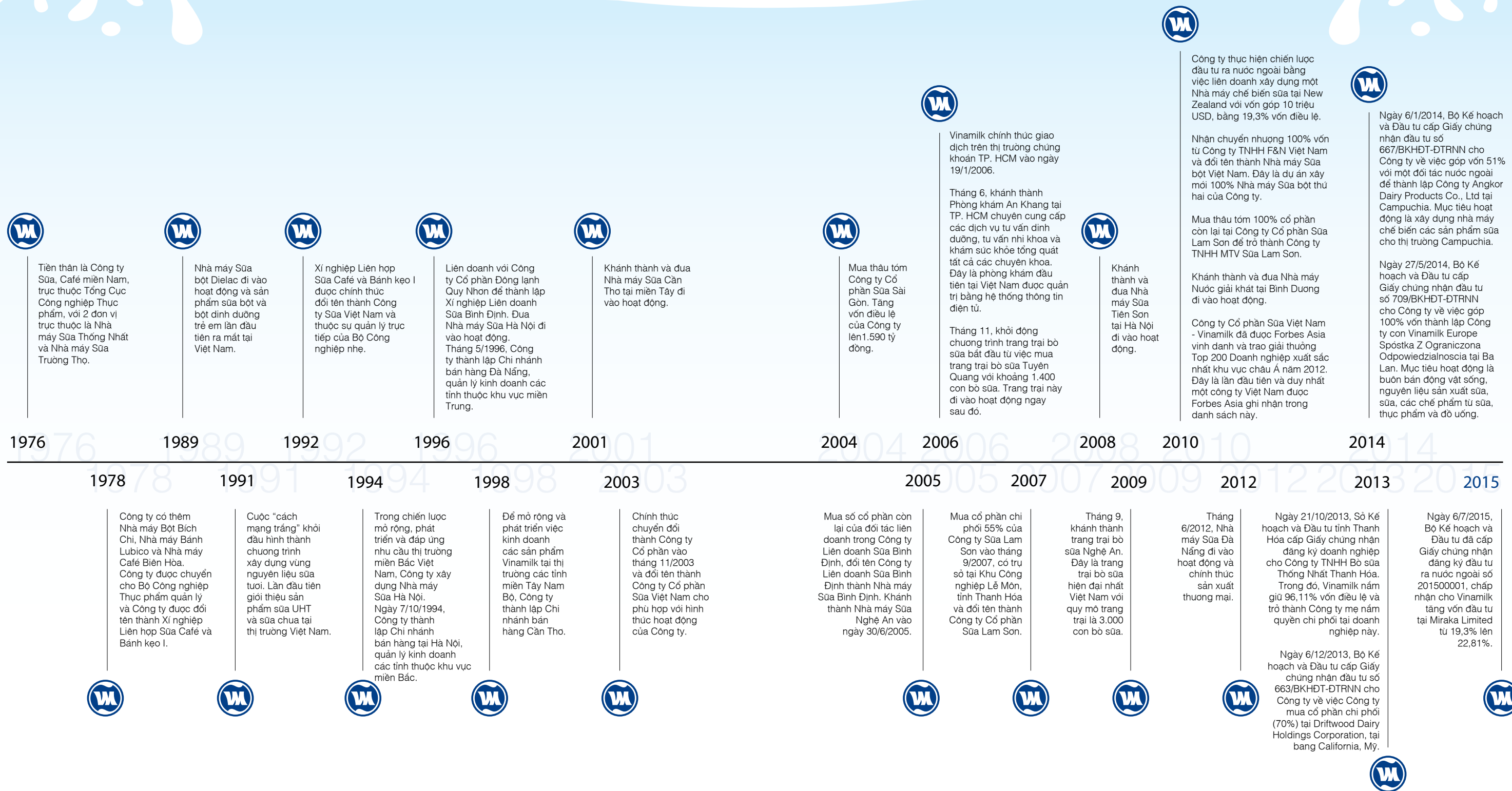
1. Quá trình hình thành và phát triển
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

Kết tụ
tinh hoa cuộc sống





1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

a. Ngành nghề kinh doanh

Những hoạt động chính tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty như sau:

- **Chế biến, sản xuất và kinh doanh** sữa tươi, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng, sữa chua, sữa đặc, sữa đậu nành, nước giải khát và các sản phẩm từ sữa khác.
- **Chăn nuôi:** Chăn nuôi bò sữa. Hoạt động chăn nuôi nhằm mục đích chính là cung cấp sữa tươi nguyên liệu đầu vào cho sản xuất các sản phẩm từ sữa của Công ty.



CÓ HƠN 200 SẢN PHẨM

được chia thành các
ngành hàng sau:

- Sữa nước
- Sữa chua
- Sữa bột
- Bột ăn dặm
- Ca cao lúa mạch
- Sữa đặc
- Kem ăn
- Phô mai
- Sữa đậu nành
- Nước giải khát

Vui lòng xem thêm thông tin về sản phẩm của Công ty tại:
<https://www.vinamilk.com.vn/vi/nhan-hieu>



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tiếp theo)

b. Địa bàn hoạt động

Công ty có địa bàn hoạt động trên phạm vi cả nước và ngày càng thâm nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới.

Trong nước

Công ty có 13 nhà máy sản xuất để đáp ứng nhu cầu thị trường của cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Văn phòng bán hàng cũng được thành lập tại Hà Nội, Đà Nẵng và Cần Thơ để vận hành hệ thống phân phối trên cả nước. Cụ thể như sau:

» Khối sản xuất và kho vận:

- ♦ **13 nhà máy sản xuất:** 3 nhà máy tại TP. HCM, 3 nhà máy tại Bình Dương, 1 nhà máy tại TP. Biên Hòa, 1 nhà máy tại TP. Cần Thơ, 1 nhà máy tại Đà Nẵng, 1 nhà máy tại Nghệ An, 1 nhà máy tại Bình Định, 1 nhà máy tại Thanh Hóa, 1 nhà máy tại Tiên Sơn.

- ♦ **2 xí nghiệp kho vận** tại Hồ Chí Minh và Hà Nội, phụ trách kho bãi và vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm.

- » **Khối kinh doanh:** 3 văn phòng bán hàng tại Hà Nội, Đà Nẵng và Cần Thơ.

- » **Khối phát triển vùng nguyên liệu:** Vui lòng xem trang 50 để biết thêm chi tiết.

- » **Phòng khám An Khang:** 1 phòng khám tại Hồ Chí Minh với hoạt động chính là khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên Vinamilk và phục vụ người dân.

Nước ngoài

- ♦ **1 công ty liên kết - Miraka Limited:** Sản xuất sữa bột và sữa tươi tại New Zealand.

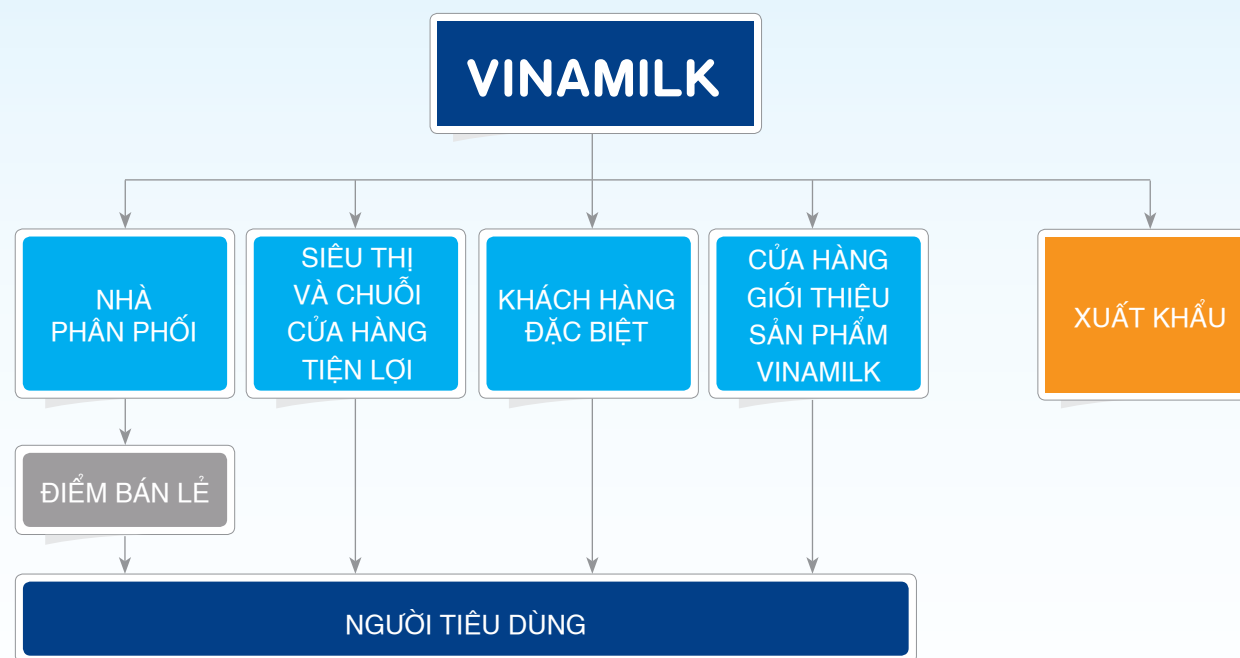
- ♦ **1 công ty con - Driftwood Dairy Holdings Corporation:** Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sữa tại Bang California, Hoa Kỳ.

- ♦ **1 công ty con - Angkor Dairy Products Co., Ltd:** Sản xuất sản phẩm sữa.

- ♦ **1 công ty con - Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia:** Buôn bán động vật sống, nguyên liệu sản xuất sữa, sữa, các chế phẩm từ sữa, thực phẩm và đồ uống.



c. Hệ thống phân phối



Nhà phân phối

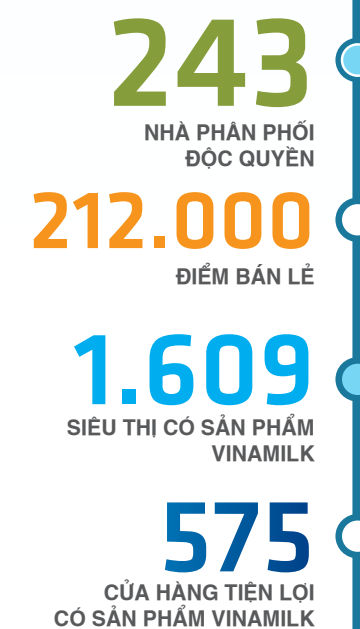
Tính đến tháng 12/2015, Công ty có 243 nhà phân phối độc quyền, hiện diện ở tất cả các tỉnh, thành trên toàn quốc. Số điểm bán lẻ được phục vụ trực tiếp bởi nhà phân phối là hơn 212.000 điểm.

Siêu thị và Chuỗi cửa hàng tiện lợi

Sản phẩm của Vinamilk có mặt ở 1.609 siêu thị lớn nhỏ và hơn 575 cửa hàng tiện lợi trên toàn quốc.

Xuất khẩu

Xuất khẩu đóng góp khoảng 13 % vào tổng doanh thu hợp nhất của Công ty. Tính đến cuối năm 2015, Công ty xuất khẩu đi hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong năm 2015, Công ty duy trì xuất khẩu đi các thị trường truyền thống tại khu vực Trung Đông và Đông Nam Á, tập trung khai phá các thị trường tiềm năng ở khu vực Châu Phi và đặc biệt là các thị trường đòi hỏi sản phẩm chất lượng cao như Nhật Bản, Canada.





2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tiếp theo)

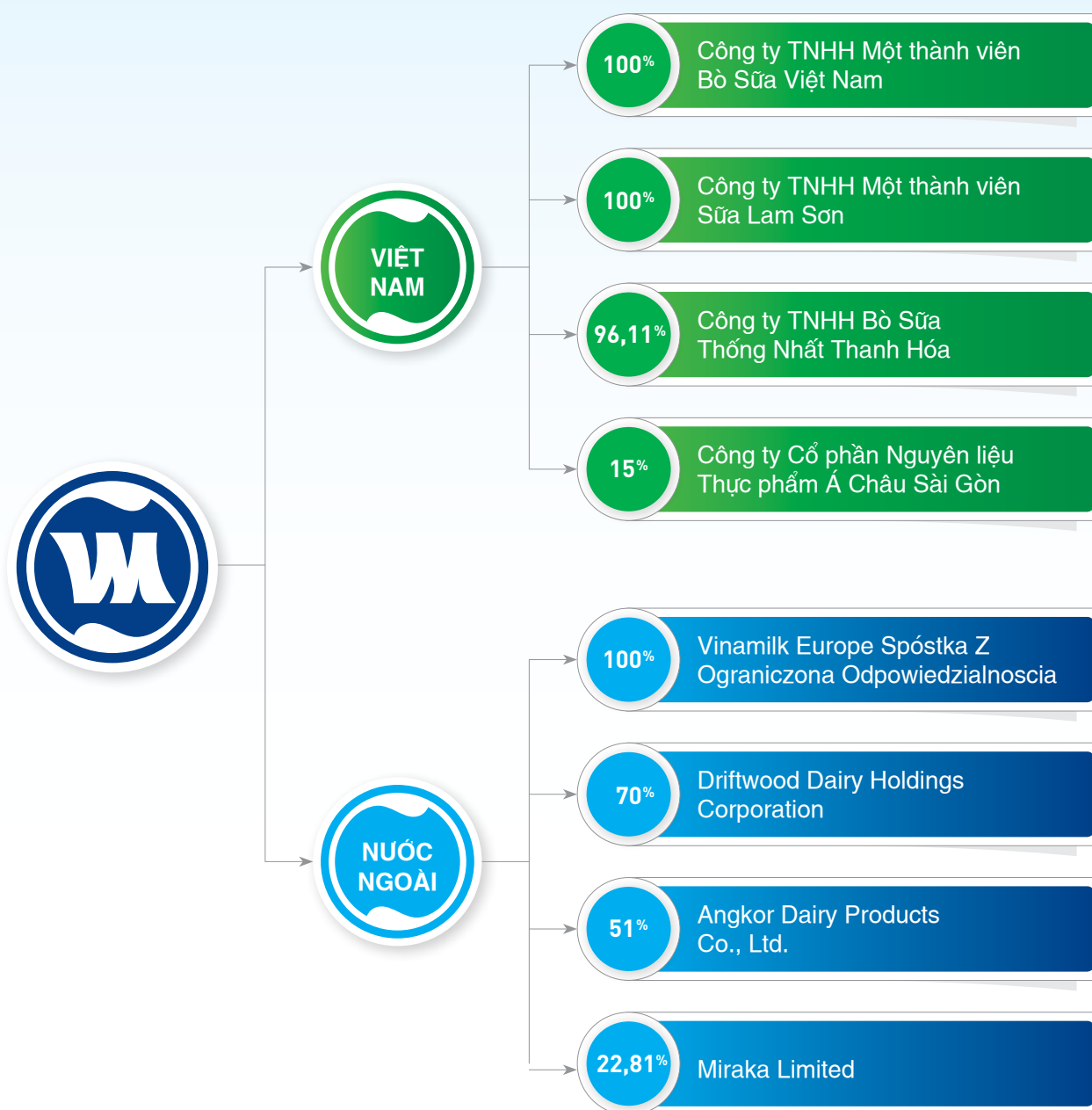
Địa bàn kinh doanh & hệ thống phân phối





3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

a. Mô hình Tập đoàn Vinamilk



Công ty con

STT	Tên công ty	Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	100%	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Sơn	100%	100%
3	Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia	100%	100%
4	Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	96,11%	96,11%
5	Driftwood Dairy Holdings Corporation	70%	70%
6	Angkor Dairy Products Co., Ltd.	51%	51%

Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết
7	Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	15%	15%
8	Miraka Limited	22,81%	22,81%



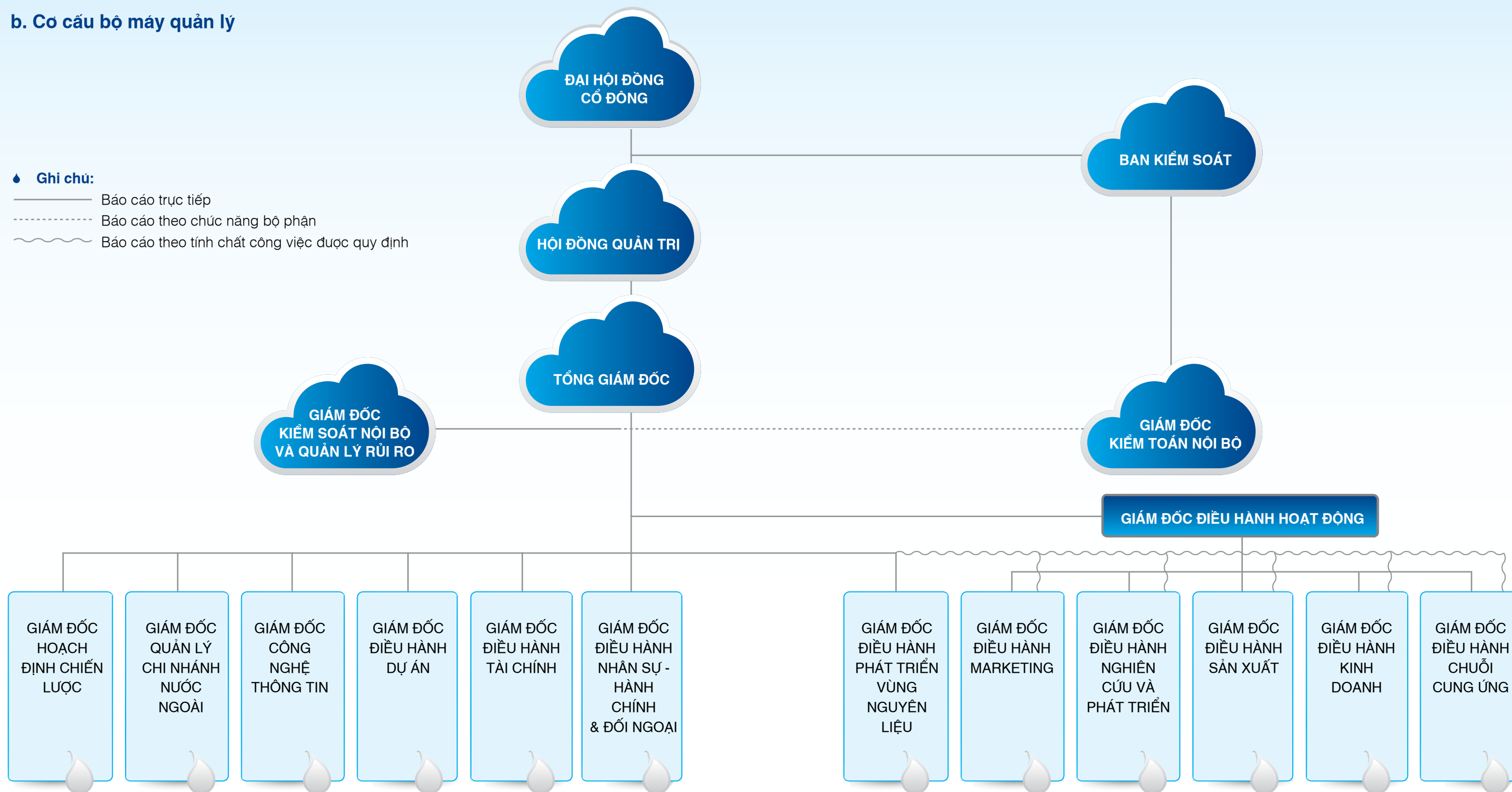


3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tiếp theo)

b. Cơ cấu bộ máy quản lý

◆ Ghi chú:

- Báo cáo trực tiếp
- - - Báo cáo theo chức năng bộ phận
- ~~~~ Báo cáo theo tính chất công việc được quy định





GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đã phê chuẩn số lượng thành viên HĐQT là 7 người. Tuy nhiên, do chưa bầu bổ sung đầy đủ nên HĐQT hiện tại gồm có 6 thành viên như sau:

▶	Bà LÊ THỊ BĂNG TÂM Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập
▶	Bà MAI KIỀU LIÊN Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
▶	Ông LÊ SONG LAI Thành viên HĐQT không điều hành
▶	Ông LÊ ANH MINH Thành viên HĐQT không điều hành
▶	Ông NG JUI SIA Thành viên HĐQT không điều hành
▶	Bà NGÔ THỊ THU TRANG Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành Dự án

Sự thay đổi của HĐQT trong năm:

Để phù hợp với thông lệ quản trị doanh nghiệp tiên tiến, HĐQT đã có Nghị quyết thông qua việc tách chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc. Theo đó, Bà Lê Thị Băng Tâm đã được bầu làm Chủ tịch HĐQT để thay thế cho Bà Mai Kiều Liên kể từ ngày 25/7/2015.



BÀ LÊ THỊ BĂNG TÂM

Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập

Bà sinh năm 1947, là thành viên HĐQT độc lập của Vinamilk từ tháng 4/2013. Từ tháng 7/2015, Bà đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT.

- Từ 1969 đến tháng 10/1974: Bà là giảng viên trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
- Từ 1974 đến 1982: Cán bộ, Phó Trưởng phòng Vụ Cân đối Tài chính - Bộ Tài chính.
- Từ 1982 đến 1984: Học Quản lý Kinh tế tại trường Đại học Leningrad Liên Xô.

- Từ 1984 đến 1985: Phó Trưởng phòng Vụ Cân đối Tài chính - Bộ Tài chính.
- Từ 1985 đến 1987: Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Đào tạo.
- Từ 1987 đến 1989: Nghiên cứu sinh trường Đại học Leningrad Liên Xô.
- Từ 1989 đến 1995: Phó Cục trưởng, Cục trưởng, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trung ương.
- Từ 1995 đến 2006: Thứ trưởng - Ủy viên Ban cán sự Bộ Tài chính. Trong thời gian này, Bà còn là thành viên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Hội đồng Chính sách tiền tệ quốc gia, Ủy viên Ủy ban: Hợp tác kinh tế quốc tế, các ban chỉ đạo ODA và đầu tư nước ngoài các chương trình dự án lớn của Chính phủ.
- Từ 2006 đến 2008: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước. Sau khi nghỉ hưu, Bà làm Tư vấn Tài chính cao cấp cho một số tổ chức tài chính.
- Từ 15/3/2010 đến 11/6/2010: Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (HDBank).
- Từ 12/6/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (HDBank).

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
- Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Tài chính Leningrad, Liên Xô.
- Chứng chỉ Tài chính Quốc tế, trường North University London, Anh Quốc.

Các chức vụ Bà đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (HDBank).
- Tư vấn Tài chính cho một số doanh nghiệp Bảo hiểm, Đầu tư tài chính.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



BÀ MAI KIỀU LIÊN

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà Liên sinh năm 1953. Bà gia nhập Vinamilk ngay từ khi Vinamilk được thành lập năm 1976, khi vừa tốt nghiệp Đại học tại Nga.

- Từ tháng 8/1976 đến tháng 8/1980: Bà là Kỹ sư Công nghệ phụ trách phân xưởng sữa đặc có đường tại Nhà máy Sữa Trường Thọ.
- Từ tháng 9/1980 đến tháng 2/1982: Bà là Kỹ sư Công nghệ tại phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Liên hiệp Sữa, Café và Bánh kẹo I.
- Từ tháng 2/1982 đến tháng 6/1983: Bà là Phó Giám đốc Kỹ thuật phụ trách Sản xuất tại Nhà máy Sữa Thống Nhất.
- Sau khi hoàn tất khóa đào tạo tại Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad tại Liên Bang Xô Viết (nay là nước Nga),

năm 1984 Bà được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh tế tại Xí nghiệp Liên hiệp Sữa, Café và Bánh kẹo I.

- Tháng 12/1992: Bà được đề bạt vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam.
- Từ năm 1996 đến năm 2001: Bà là Ủy viên Trung ương Đảng khóa VIII.
- Ngày 14/11/2003: Bà được bầu vào HĐQT và giữ chức Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty qua ba nhiệm kỳ liên tiếp: 2003 - 2007; 2007 - 2011 và 2012 - 2016.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư về chế biến thịt và sữa, Đại học Moscow, Nga.
- Chứng chỉ Quản lý Kinh tế, Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Nga.
- Chứng chỉ Quản lý Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia, Việt Nam.

Bà được vinh danh giải thưởng cấp nhà nước như sau:

- Năm 2001, Bà được Nhà nước trao Huân chương Lao động Hạng Hai.
- Năm 2005, Bà được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.
- Năm 2006, Bà được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhất.

Và các giải thưởng khác được vinh danh trong nước và quốc tế:

- Tháng 2/2012: “Một trong 50 Nữ Doanh nhân quyền lực nhất Châu Á”, do Tạp chí Forbes Asia bình chọn.
- Tháng 5/2012: “Một trong 51 Nhà Lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc nhất châu Á”, do Tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á (Corporate Governance Asia) bình chọn.
- Tháng 1/2013: “Một trong những CEO xuất sắc nhất Châu Á trong lĩnh vực Quan hệ với nhà đầu tư”, do Tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á (Corporate Governance Asia) bình chọn.
- Tháng 3/2013: “Nữ Doanh nhân xuất sắc nhất Châu Á”, do Tạp chí Forbes bình chọn (lần 2).
- Tháng 1/2014: “Nhà Lãnh đạo doanh nghiệp số 1 tại Việt Nam”, do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn.
- Tháng 3/2014: “Top 50 Nữ Doanh nhân quyền lực nhất Châu Á”, do Tạp chí Forbes bình chọn (lần 3).
- Tháng 9/2014: “Nhà Quản trị doanh nghiệp xuất sắc” do Tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á (Corporate Governance Asia Annual Recognition Awards 2014) bình chọn.



ÔNG LÊ SONG LAI

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông sinh năm 1968, là thành viên HĐQT từ tháng 3/2012.

- Từ tháng 8/1994 đến tháng 10/1996: Luật sư, Công ty Luật Freshfields, Chi nhánh Hà Nội.
- Từ tháng 10/1996 đến tháng 11/2003: Chuyên viên Vụ Bảo hiểm - Bộ Tài chính.
- Từ tháng 11/2003 đến tháng 8/2006: Vụ phó Vụ Bảo hiểm - Bộ Tài chính.
- Từ tháng 8/2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước.

Các chức vụ Ông đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
- Chủ tịch HĐQT - Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
- Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần FPT.
- Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại Trảng Tiền.
- Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật, Đại học Cambridge, Anh Quốc.



- Tháng 1/2015: “50 Nhà Lãnh đạo doanh nghiệp - Mark of Respect”, do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn.
- Tháng 2/2015: “Doanh nhân văn hóa vì sự nghiệp xây dựng & phát triển đất nước” do Trung tâm văn hóa doanh nhân bình chọn.
- Tháng 2/2015: “Top 50 Nữ Doanh nhân quyền lực nhất Châu Á”, do Tạp chí Forbes bình chọn (lần 4).
- Tháng 3/2015: “Doanh nhân Nữ ASEAN 2015 (AWEF)”, do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Hội đồng Doanh nhân Nữ Việt Nam bình chọn.
- Tháng 4/2015: “Doanh nhân vì chất lượng cuộc sống 2014” do Bộ Y tế - Cục An toàn Thực phẩm trao tặng.
- Tháng 5/2015: Giải thưởng Nikkei châu Á, do Tập đoàn truyền thông hàng đầu Nhật Bản - Nikkei Inc. bình chọn.

- Tháng 11/2015: Giải thưởng New Zealand - Asean, do New Zealand trao tặng.

Các chức vụ Bà đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hiệp hội Sữa Việt Nam nhiệm kỳ 2010 - 2015.
- Thành viên HĐQT tại Miraka Limited.
- Thành viên HĐQT tại Driftwood Dairy Holdings Corporation.
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn.
- Đại diện chủ sở hữu tại Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczoną Odpowiedzialnością.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



ÔNG LÊ ANH MINH

Thành viên HĐQT không điều hành

- Từ 1989 đến 1995: Ông là Giám đốc Điều hành khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của CarnaudMetalbox, South China Region.
- Từ 1995 đến 1999: Ông là Giám đốc (General Manager) của F&N Coca Cola Singapore.
- Từ 1999 đến 2006: Ông là Giám đốc Điều hành (Managing Director) của F&N Coca Cola (Malaysia) Sdn Bhd.
- Từ 2006 đến 2010: Ông giữ chức vụ thành viên HĐQT của Công ty Cocoland Holdings Berhad và Công ty Malaysia Smelting Corporation Bhd. Trước đó, Ông là Tổng Giám đốc của Times Publishing Ltd. thuộc Tập đoàn Fraser & Neave.

Ông sinh năm 1969, là thành viên HĐQT từ tháng 3/2012.

- Năm 1991: Ông bắt đầu làm việc cho Công ty Peregrine Capital Việt Nam phụ trách về Tài chính và mảng Đầu tư của các tổ chức tài chính. Trong thời gian đó, Ông Minh đã hoàn thành việc tiếp quản lần đầu tiên tại Việt Nam một Ngân hàng Thương mại địa phương (Ngân hàng Đại Nam) và tái cơ cấu thành công một năm sau đó.
- Từ 1994 đến 1996: Ông là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đại Nam, phụ trách bộ phận Phát triển kinh doanh và Tín dụng. Sau đó, Ông làm Giám đốc Tài chính 4 năm cho Tập đoàn Coca Cola chuyên trách về Đông Dương.
- Năm 2002, Ông gia nhập Công ty Dragon Capital Group Limited với chức danh Phó Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm chính các hoạt động Tài chính của Tập đoàn.
- Ông hiện đang là thành viên của nhiều Hội đồng Đầu tư của các Quỹ đầu tư và Công ty chứng khoán.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Đại học Ngân hàng.
- Cao học Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp và Ngân hàng Quốc tế của trường Kinh doanh Wharton thuộc Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ.
- Nghiên cứu sinh Fulbright (1996 - 1998).
- Hội viên của Hiệp hội Kế toán Úc (CPA - Australia).

- Từ 2010: Ông là Tổng Giám đốc của Fraser & Neave Holdings Bhd. Ông Ng Jui Sia có kinh nghiệm sâu rộng về quản lý tại Hồng Kông, Trung Quốc, Nam Á, Malaysia và Singapore.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Đại học Quốc gia Singapore.
- Thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng (Associate of Institute of Chartered Accountants) của Anh và xứ Wales từ năm 1981.

Các chức vụ Ông đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT tại Malaysia Smelting Corporation Bhd.



ÔNG NG JUI SIA

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông sinh năm 1952, là thành viên HĐQT không điều hành của Vinamilk kể từ tháng 5/2013.



- Ngày 24/12/2015: Bà được chuyển sang vị trí Giám đốc Điều hành Dự án.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán.
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Các chức vụ Bà đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT tại NHTMCP Bảo Việt.



BÀ NGÔ THỊ THU TRANG

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành Dự án

Bà sinh năm 1963, là thành viên HĐQT từ tháng 11/2003. Bà gia nhập Vinamilk từ năm 1985.

- Từ 1985 đến 1994: Bà tham gia Vinamilk với vị trí Phân tích Tài chính.
- Từ 1995 đến 1997: Bà giữ chức vụ Phó phòng Kế toán Thống kê của Công ty Sữa Việt Nam.
- Từ 1997 đến tháng 2/1998: Bà giữ chức vụ Trưởng phòng Kế toán Thống kê.
- Từ tháng 2/1998 đến tháng 3/2005: Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng phụ trách phòng kế toán của Công ty Sữa Việt Nam.
- Tháng 3/2005: Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính. Kể từ 20/8/2009 chức vụ của Bà Trang được đổi thành Giám đốc Điều hành Tài chính.



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN

Trưởng BKS

Ông sinh năm 1976, là thành viên BKS từ tháng 3/2009.

- Từ 2001 đến 2002: Chuyên viên Phân tích về Mua bán, Sáp nhập công ty và Tài chính doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư Credit Suisse First Boston, Singapore.
- Từ 2002 đến 2004: Chuyên viên về Cấu trúc tài chính tại chi nhánh Ngân hàng Commonwealth Bank của Úc ở New York, Mỹ.
- Từ 2004 đến 2005: Chuyên viên cao cấp trong bộ phận Phát triển doanh nghiệp, Nghiên cứu và Thực hiện các hoạt động mua bán, sáp nhập của Ngân hàng OCBC, Singapore.
- Từ 2005 đến 2007: Chuyên viên cao cấp về Đầu tư cho Tập đoàn Temasek Holdings, Singapore.
- Từ 2008 đến 2011: Sáng lập viên và là Giám đốc Điều hành của TNK Capital tại Việt Nam.
- Từ 2011: Giám đốc Công ty TNHH MDKT.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính Ứng dụng, Đại học Macquarie, Úc.
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Chicago, Mỹ.



ÔNG NGUYỄN ĐÌNH AN

Thành viên BKS

Ông sinh năm 1981, là thành viên BKS từ tháng 4/2014.

- Từ 2003 đến 2006: Chuyên viên Công ty Chứng khoán Vietcombank.
- Từ 2006: Chuyên viên Ban Quản lý vốn Đầu tư 3 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC).

Các chức vụ Ông đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT: Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa.
- Thành viên HĐQT: Công ty Cổ phần Muối Ninh Thuận.
- Trưởng BKS: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Staffordshire, UK.



BÀ NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

Thành viên BKS

Bà sinh năm 1969, được bầu lại vào BKS từ tháng 4/2013. Trước đó, bà Mai là thành viên BKS, rồi Trưởng BKS trong nhiệm kỳ 2007 - 2011.

- Từ 1993 đến 1997: Trưởng bộ phận Tín dụng Thương mại Quốc tế và Trưởng Bộ phận Tín dụng Doanh nghiệp tại Ngân hàng ANZ, chi nhánh Hà Nội.
- Từ 1999 đến 2003: Chuyên viên bộ phận Tín dụng Đầu tư Khách hàng Doanh nghiệp, sau đó giữ chức vụ Trưởng bộ phận Tín dụng Cấu trúc Khối Thương mại Quốc tế và Hàng hóa tại Ngân hàng Đầu tư ANZ Singapore, phụ trách lĩnh vực quan hệ tín dụng và cấu trúc các sản phẩm tài trợ thương mại cho các khách hàng là các tập đoàn quốc tế trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.
- Từ 2004 đến tháng 5/2007: Quản trị viên cao cấp tại Văn phòng đại diện của Công ty TNHH Tư vấn Openasia Việt Nam tại TP. HCM.
- Từ tháng 6/2007: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp phụ trách lĩnh vực Tư vấn Tài chính tại Công ty TNHH Vinaconnect thuộc Tập đoàn Openasia.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Ngữ văn Anh, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Melbourne, Australia.



ÔNG VŨ TRÍ THỨC

Thành viên BKS

Ông sinh năm 1976, là thành viên BKS từ tháng 4/2013.

- Từ 1999 đến 2007: Kiểm toán viên - Phó Trưởng phòng Kiểm toán của Công ty Kiểm toán Việt Nam - thành viên hãng kiểm toán Deloitte.
- Từ 2007 đến 2008: Chuyên viên Ban Tài chính của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC).
- Từ 2008 đến 2011: Phó ban - Ban Tài chính của SCIC.
- Từ 2011: Trưởng ban - Ban Tài chính Kế toán của SCIC.

Các chức vụ Ông đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng thành viên: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiền.
- Phó Giám đốc: Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam - Ô Man.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội (nay là Học viện Tài chính).
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Trung tâm Pháp - Việt đào tạo về Quản lý (CFVG) Hà Nội.
- Chứng chỉ Kiểm toán viên của Bộ Tài chính.
- Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng của Học viện Tài chính.
- Hội viên hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).



GIỚI THIỆU BAN THỦ KÝ CÔNG TY



ÔNG NGUYỄN THANH TÚ

Thu ký Công ty (từ năm 2005)
Chánh văn phòng công ty

Ông sinh năm 1954. Ông gia nhập Vinamilk từ tháng 7/1992 với vị trí ban đầu Phó văn phòng.

- Tháng 11/1992: Ông được bổ nhiệm làm Chánh văn phòng.
- Năm 2003: Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Thông tin tổng hợp sau khi Công ty chuyển sang mô hình cổ phần hóa.
- Từ tháng 1/2005: Ông được bổ nhiệm trở lại chức vụ Chánh văn phòng Công ty cho đến nay.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Sử học từ năm 1981, Đại học Tổng hợp TP. HCM.
- Cử nhân Luật - Chuyên ngành Kinh tế, Đại học Luật Hà Nội năm 2001.

Đã được khen thưởng:

- Huy chương Kháng chiến Hạng Nhì.
- Huân chương Lao động Hạng Ba.
- Huân chương Chiến sĩ vẻ vang Hạng Ba.



BÀ LÊ QUANG THANH TRÚC

Thu ký Công ty (từ năm 2005)
Giám đốc Quản lý Chi nhánh nước ngoài

Bà sinh năm 1975. Bà gia nhập Vinamilk năm 2005.

- Từ 2000 đến 2003: Chuyên viên, Phó phòng Tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI).
- Từ 2003 đến 2005: Bà là Giám đốc Dự án, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư I.C.
- Từ 2005 đến 2006: Bà là Chuyên viên Phân tích Tài chính của Vinamilk.
- Từ 2006 đến 2007: Bà giữ vị trí Trưởng ban Quan hệ với Nhà đầu tư của Vinamilk.
- Từ 2007 đến 2011: Bà chuyển sang vị trí Trưởng ban Đầu tư Tài chính của Vinamilk.
- Từ 2011 đến 2015: Bà là Giám đốc Đầu tư của Vinamilk.
- Từ tháng 8/2015: Bà giữ vị trí Giám đốc Quản lý Chi nhánh nước ngoài của Vinamilk.

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Kinh tế Phát triển (năm 2000), chương trình hợp tác giữa The International Institute of Social Studies of Erasmus University, Hà Lan và Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Cử nhân Ngữ văn Anh (năm 1999), Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- Cử nhân (năm 1998), chuyên ngành Ngoại thương, Đại học Kinh tế TP. HCM.



GIỚI THIỆU KIỂM TOÁN NỘI BỘ



ÔNG NGUYỄN TRUNG

Thu ký Công ty (từ năm 2012)
Giám đốc Hoạch định Chiến lược

Ông Trung sinh năm 1973. Ông gia nhập Vinamilk từ năm 1994 và làm Thu ký Công ty từ tháng 4/2012 và cũng là thành viên đại diện của Vinamilk tại Asian Corporate Governance Association (ACGA).

- Từ 1994 đến 2003: Ông tham gia Vinamilk với vị trí Kế toán viên phụ trách các nghiệp vụ liên quan đến tài sản, vật tư, xây dựng cơ bản.
- Từ 2003 đến 2007: Ông là Kế toán tổng hợp - phụ trách soạn lập Báo cáo tài chính.
- Từ 2007 đến 2014: Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro. Vị trí này kiêm luôn việc Quản lý của bộ phận Pháp lý.
- Từ 2014 đến nay: Ông được chuyển sang vị trí Giám đốc Hoạch định Chiến lược.

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Executive M.B.A), trường Université du Québec à Montréal.
- Cử nhân, chuyên ngành Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán TP. HCM.



BÀ TẠ HẠNH LIÊN

Giám đốc KTNB
kiêm Thu ký BKS

Bà sinh năm 1980. Bà gia nhập Vinamilk vào năm 2007.

- Từ 2002 đến 2005: Kiểm toán viên - Trưởng nhóm Kiểm toán của Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Từ 2006 đến 2007: Chuyên viên Phân tích Tài chính của Công ty Shell Việt Nam.
- Tháng 6/2007: Gia nhập Vinamilk ở vị trí Giám sát Phân tích tài chính.
- Từ 2008 đến 2010: Trưởng ban Hoạch định và Kiểm soát ngân sách.
- Tháng 6/2010: Điều phối viên cho Dự án "Xây dựng chức năng KTNB". Bà là người xây dựng phòng KTNB và nhận chuyển giao các phương pháp, kỹ thuật KTNB theo chuẩn mực quốc tế từ Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Tháng 1/2011: Quyền Giám đốc KTNB và được bổ nhiệm chính thức là Giám đốc KTNB từ tháng 2/2012.
- Từ tháng 3/2014: Phân công kiêm nhiệm Thu ký BKS.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Kế toán kiểm toán, Đại học Kinh tế TP. HCM.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



BÀ MAI KIỀU LIÊN

Tổng Giám đốc

(Vui lòng xem trang 30 - 31 phần "Giới thiệu Hội đồng Quản trị")

Những thay đổi nhân sự của BĐH trong năm như sau:

(i) HĐQT đã bổ nhiệm Ông Mai Hoài Anh, Giám đốc Điều hành Kinh doanh, đảm nhiệm có thời hạn vị trí Giám đốc Điều hành Hoạt động kể từ ngày 1/8/2015. Đây là vị trí được xác lập để hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành chuỗi hoạt động vận hành của Công ty trong các mảng Marketing, Nghiên cứu và Phát triển, Sản xuất, Kinh doanh và Chuỗi Cung ứng.

(ii) Việc bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ có hiệu lực kể từ ngày 24/12/2015:

- Điều động và bổ nhiệm có thời hạn Ông Nguyễn Quốc Khánh, từ vị trí Giám đốc Điều hành Sản xuất, sang vị trí Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển.
- Điều động và bổ nhiệm có thời hạn Ông Trần Minh Văn, từ vị trí Giám đốc Điều hành Dự án, sang vị trí Giám đốc Điều hành Sản xuất.
- Điều động và bổ nhiệm có thời hạn Bà Ngô Thị Thu Trang, từ vị trí Giám đốc Điều hành Tài chính, sang vị trí Giám đốc Điều hành Dự án.
- Bổ nhiệm có thời hạn Ông Lê Thành Liêm, hiện là Kế toán trưởng, giữ chức vụ Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng.



ÔNG MAI HOÀI ANH

Giám đốc Điều hành Hoạt động
Kiêm Giám đốc Điều hành Kinh doanh

Ông sinh năm 1970. Ông gia nhập Vinamilk vào tháng 2/1996.

- Từ tháng 2/1996 đến tháng 4/2001: Nhân viên Xuất nhập khẩu - Phòng Xuất nhập khẩu.
- Từ tháng 5/2001 đến tháng 12/2003: Phó phòng Xuất nhập khẩu.
- Từ tháng 1/2004 đến tháng 12/2004: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu.
- Từ tháng 1/2005 đến tháng 5/2012: Giám đốc Xuất nhập khẩu.
- Từ tháng 5/2012 đến 7/2015: Giám đốc Điều hành Kinh doanh.
- Từ tháng 8/2015 đến nay: Giám đốc Điều hành Hoạt động kiêm Giám đốc Điều hành Kinh doanh.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Bolton, Anh Quốc.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG

Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu

Ông sinh năm 1962. Ông gia nhập Vinamilk vào năm 2005.

- Từ tháng 2/2005 đến tháng 7/2012: Ông giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Sữa Nghệ An.
- Từ tháng 8/2012 đến tháng 10/2012: Ông giữ chức vụ Trưởng ban Tiếp nhận Nhà máy Sữa Việt Nam.
- Từ tháng 11/2012 đến tháng 12/2014: Ông giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Sữa Việt Nam.
- Từ tháng 12/2014: Ông được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Năng lượng và Tự động hóa, Đại học Bách khoa Ô-đét-xa (thuộc Liên Xô cũ).



BÀ NGUYỄN THỊ THANH HÒA

Giám đốc Điều hành Chuỗi cung ứng

Bà sinh năm 1955. Bà gia nhập Vinamilk vào năm 1983.

- Từ năm 1978 đến tháng 6/1983: Bà Hòa là giảng viên tại Đại học Bách Khoa TP. HCM.
- Từ 1983: Bà gia nhập Vinamilk với vị trí Kỹ sư chế biến tại Nhà máy Sữa Trường Thọ. Bà giữ chức Phó Giám đốc, rồi Giám đốc Nhà máy Sữa Trường Thọ từ tháng 7/1991 đến 1999.
- Tháng 12/1999: Bà Hòa được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của Bà Hòa được đổi thành Giám đốc Điều hành Chuỗi cung ứng, phụ trách phòng Kế hoạch, Xuất nhập khẩu, Dịch vụ khách hàng, Cung ứng điều vận và các xí nghiệp kho vận.
- Từ tháng 9/2013: Bà được luân chuyển sang chức vụ Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển sản phẩm và giữ chức vụ này đến tháng 1/2015, Bà Hòa quay lại vị trí Giám đốc Điều hành Chuỗi cung ứng.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật chế biến sữa, Đại học Công nghệ Chế biến Thịt và Sữa Mátxcova 1978 (nay là trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Công nghệ sinh học ứng dụng Mátxcova).



BÀ BÙI THỊ HƯƠNG

Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại

Bà sinh năm 1962. Bà gia nhập Vinamilk vào tháng 8/2005.

- Trước khi gia nhập Vinamilk, Bà đã có 17 năm công tác tại Công ty Bóng đèn Điện Quang. Bà đã từng đảm nhiệm các vị trí Phó phòng Kế hoạch vật tư, Trưởng phòng Tiêu thụ, Giám đốc Điều hành Kinh doanh, sau đó là Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 8/2005: Bà gia nhập Vinamilk với chức vụ Quản lý Hoạt động đối ngoại đến tháng 11/2008.
- Từ tháng 12/2008 đến tháng 7/2014: Bà giữ chức vụ Giám đốc Đối ngoại.
- Từ tháng 8/2014: Bà được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Nga Văn.
- Cử nhân Kinh tế.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân, chuyên ngành Kỹ thuật Hoá học và Thực phẩm, Đại học Bách khoa TP. HCM.
- Cử nhân, chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Cử nhân, chuyên ngành Ngữ văn Anh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM.



ÔNG NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Giám đốc Điều hành Nghiên cứu & Phát triển

Ông sinh năm 1964. Ông gia nhập Vinamilk vào tháng 1/1988.

- Tháng 1/1988: Gia nhập Vinamilk với vị trí Kiểm tra chất lượng sản phẩm tại phòng Kiểm nghiệm của Nhà máy Sữa Thống Nhất.
- Đến 1996: Ông Khánh giữ chức vụ Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất, và là Quản đốc phân xưởng sản xuất của Nhà máy Sữa Thống Nhất vào năm 1998.
- Năm 2003: Ông Khánh được điều động giữ chức vụ Quyền Giám đốc Nhà máy Sữa Cần Thơ. Năm 2004, Ông được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Nhà máy Sữa Cần Thơ và giữ chức vụ này đến tháng 9/2009.
- Sau đó, Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển sản phẩm, phụ trách các nhà máy, trung tâm nghiên cứu phát triển và an toàn thực phẩm của Công ty đến tháng 9/2013.
- Từ tháng 9/2013: Ông được luân chuyển sang chức vụ Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng và giữ chức vụ này đến tháng 1/2015, Ông Khánh quay lại vị trí Giám đốc Điều hành Sản xuất.
- Từ ngày 24/12/2015: Ông được chuyển sang giữ chức vụ Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



ÔNG LÊ THÀNH LIÊM

Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
Kiêm Kế toán trưởng

Ông sinh năm 1973. Ông gia nhập Vinamilk vào tháng 9/1994.

- Tháng 9/1994: Gia nhập Vinamilk với vị trí Nhân viên Phòng Kế toán.
- Từ tháng 1/2003: Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Phòng Kế toán.
- Từ tháng 2/2005: Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng.
- Từ ngày 24/12/2015: Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán Tài chính các Doanh nghiệp.
- Thạc sĩ Thương mại và Tài chính Quốc tế.



ÔNG PHAN MINH TIÊN

Giám đốc Điều hành Marketing

Ông sinh năm 1970. Ông gia nhập Vinamilk vào tháng 5/2014 với vị trí Giám đốc Điều hành Marketing.

- Trước khi gia nhập Vinamilk, Ông Tiên đã có 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing và Phát triển thương hiệu cho các sản phẩm tiêu dùng nhanh trong các tập đoàn đa quốc gia lớn như Unilever và Samsung. Trong đó, tại Unilever Việt Nam, Ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách ngành Thực phẩm, còn tại Samsung Việt Nam, Ông giữ vai trò Giám đốc Marketing.

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân, Học viện Quản lý Moscow, Nga.



BÀ NGÔ THỊ THU TRANG

Giám đốc Điều hành Dự án

(Vui lòng xem trang 33, phần “Giới thiệu Hội đồng Quản trị”)



ÔNG TRẦN MINH VĂN

Giám đốc Điều hành Sản xuất

Ông sinh năm 1960. Ông gia nhập Vinamilk vào tháng 6/1981.

- Từ năm 1990 đến tháng 7/1994: Ông là Phó Giám đốc Nhà máy Sữa Thống Nhất.
- Tháng 8/1994 đến tháng 6/2006: Ông giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Sữa Thống Nhất.
- Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Dự án từ tháng 7/2006.
- Kể từ 20/8/2009, chức vụ của Ông Văn được đổi thành Giám đốc Điều hành Dự án.
- Từ ngày 24/12/2015, Ông được chuyển sang giữ chức vụ Giám đốc Điều hành Sản xuất.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Cơ khí, Đại học Bách khoa TP. HCM.
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Cử nhân, chuyên ngành Luật thương mại, Đại học Luật Hà Nội.
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Bách khoa Hà Nội.



4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Công ty đã thống nhất các mục tiêu chủ yếu như sau:

Mục tiêu:

- Luôn là Công ty sản xuất và kinh doanh Sữa số một tại thị trường Việt Nam trong khoảng thời gian ít nhất là 5 năm tới.
- Doanh số của hoạt động kinh doanh tại thị trường quốc tế sẽ chiếm 50% so với doanh thu nội địa trong vòng 5 năm tới.
- Ngoài ra, sẽ là một Công ty kinh doanh đa ngành nghề hoạt động trên nền tảng các lợi thế cạnh tranh sẵn có trong 2 - 3 năm tới.

Chiến lược trung và dài hạn:

- Công ty sẽ xác lập các mô hình kinh doanh đặc thù và phù hợp với mảng kinh doanh trong nước và nước ngoài.
- Các chiến lược cốt lõi sẽ được xác lập rõ ràng cho từng mảng kinh doanh.
- Về trung hạn: Một bộ phận Nghiên cứu Phát triển mạnh sẽ đảm bảo Công ty có một danh mục sản phẩm đa dạng, đủ sức cạnh tranh tại thị trường trong nước và quốc tế; Chuỗi hoạt động được áp dụng các thực hành tiên tiến và các hình thức tích hợp dọc trước và sau đảm bảo tính hiệu quả và cạnh tranh cao; Một chương trình gồm nhiều dự án phát triển nhân sự sẽ được thực thi nhằm đảm bảo năng lực kinh doanh của các mảng kinh doanh tại các thị trường mục tiêu tương ứng.
- Về dài hạn: Các mảng kinh doanh sẽ được tách rời nhằm nâng cao tính chuyên môn hóa vào những thời điểm thích hợp. Các hình thức hợp tác đối tác, thuê tóm sáp nhập sẽ được thực thi theo mục tiêu đã đề ra. Một mô hình tổ chức và quản lý tương lai theo hướng bán tập trung sẽ được thiết lập.

Phát triển bền vững:

- Công ty sẽ phát triển một Chính sách phát triển bền vững đảm bảo hài hòa các lợi ích. Việc đáp ứng lợi ích của cổ đông thông qua thực thi chính sách trách nhiệm với người tiêu dùng sẽ đi kèm với việc đảm bảo một môi trường làm việc với độ thỏa mãn ở mức cao.
- Công ty cam kết và có một cơ chế kiểm soát để đảm bảo các khoản đóng góp đối với Chính phủ và cộng đồng như: Thuế, các nghĩa vụ và các khoản đóng góp xã hội khác. Công ty luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và khai thác tài nguyên hợp lý.



5. CÁC RỦI RO

Vui lòng xem chi tiết tại trang 104 - 107 (Phần 5, mục 4 “Báo cáo Quản trị rủi ro”) và tại trang 170 - 175 (mục Thuyết minh số 43 “Quản lý rủi ro tài chính” của Báo cáo tài chính).



PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 3. Tình hình tài chính
- 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn điều lệ của Công ty
- 5. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

TỪ
VÙNG NGUYÊN LIỆU
đồi dào

cho nguồn
sữa tươi thuần khiết





1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

a. Tổng quan

Công ty đã đạt được tăng trưởng tốt về cả doanh thu và lợi nhuận.

Cụ thể như sau:

ĐVT: tỷ đồng	2015	2014	Tăng trưởng so với năm 2014	Vượt so với kế hoạch của ĐHCĐ
Tổng doanh thu	40.223	35.187	14%	5%
Lợi nhuận trước thuế	9.367	7.613	23%	14%
Lợi nhuận sau thuế	7.770	6.068	28%	14%

Những yếu tố ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 như sau:

Nhu cầu thị trường: Nhu cầu và sức mua của người tiêu dùng về sản phẩm sữa tiếp tục tăng lên. Mức tiêu thụ sữa bình quân đầu người ở Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực và thế giới. Và theo xu hướng chung của thị trường thế giới thì ngành sữa Việt Nam vẫn đang trong chu kỳ tăng trưởng.

Giá sữa nguyên vật liệu: Giá nguyên vật liệu sữa đầu vào giảm là yếu tố chính góp phần tăng lợi nhuận gộp cho Công ty rất nhiều. Giá sữa bột nhập khẩu trong năm 2013 và 2014 tăng cao thì năm 2015 lại giảm xuống thấp nhất so với nhiều năm qua và Công ty đã mua được giá thấp để tăng lợi nhuận. Lợi nhuận gộp biên của Công ty tăng từ 32% của năm 2014 lên 40% trong năm 2015. Đây là mức tăng rất lớn trong khoảng cách thời gian có 1 năm.

Cạnh tranh trên thị trường: Sự cạnh tranh giữa các công ty ngành sữa ngày càng gay gắt. Do đó, chi phí bán hàng mà nhất là chi phí quảng cáo, khuyến mãi,... cũng tăng rất lớn. Chi phí bán hàng năm 2014 chỉ chiếm 10% tổng doanh thu thì năm 2015 đã tăng lên 16% tổng doanh thu, tức số tuyệt đối tăng 70%. Với việc tăng chi phí này đã giúp Công ty không những giữ vững thị phần mà còn tăng gần 2% ở ngành sữa nước và 1% ở ngành sữa bột, còn thị phần sữa đặc và sữa chua vẫn giữ ổn định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Do có sự thay đổi về chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cũng giảm từ 20% năm 2014 xuống còn 17% trong năm 2015.



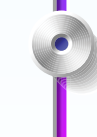
b. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh của Vinamilk trên thị trường, đội ngũ nghiên cứu và phát triển sản phẩm đã không ngừng sáng tạo nhằm cho ra đời các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng và thể chất của trẻ em Việt Nam.

Một số sản phẩm mới như sau:



Dòng sữa bột Optimum Gold mới, với công thức dễ hấp thu và được bổ sung thêm 20% DHA từ tảo tinh khiết, kết hợp cùng Lutein giúp cho sự phát triển trí não và thể chất của trẻ.



Dòng sữa uống dinh dưỡng pha sẵn Dielac Grow, Dielac Alpha Gold, Dielac Grow Plus, Optimum Gold mang đến sự tiện dụng cho các bà mẹ nhưng vẫn đảm bảo dinh dưỡng cho con trẻ.



Dòng kem đá Oze, đây là một sản phẩm mới trên thị trường đáp ứng thị hiếu của giới trẻ.



Song song đó là dòng kem cao cấp Twin Cows với bốn mùi vị hấp dẫn, nhắm đến phân khúc sản phẩm cao cấp.





1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

c. Phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi

THIẾT LẬP HỆ THỐNG CÁC TRANG TRẠI BÒ SỮA

công nghệ cao nhằm cung cấp nguồn sữa tươi nguyên liệu chất lượng tốt, an toàn thực phẩm, từng bước đáp ứng nhu cầu của các nhà máy chế biến nhằm sản xuất các loại sản phẩm sữa đa dạng của Vinamilk.



Chiến lược phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi của Vinamilk là “Thiết lập hệ thống các trang trại bò sữa công nghệ cao nhằm cung cấp nguồn sữa tươi nguyên liệu chất lượng tốt, an toàn thực phẩm, từng bước đáp ứng nhu cầu của các nhà máy chế biến nhằm sản xuất các loại sản phẩm sữa đa dạng của Vinamilk. Bên cạnh việc phát triển các trang trại bò sữa quy mô công nghiệp, Vinamilk tiếp tục tập trung hoàn thiện hệ thống thu mua, đảm bảo bao tiêu sản phẩm sữa tươi cho bà con nông dân trên địa bàn cả nước”.

Các trang trại chi nhánh bò sữa quy mô công nghiệp ngoài mục đích đáp ứng nhu cầu nguyên liệu sữa tươi cho các nhà máy chế biến sữa, còn là hạt nhân, điểm trình diễn kỹ thuật, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ kỹ thuật, con giống cho các hộ chăn nuôi bò sữa trong khu vực xung quanh các trang trại. Ngoài ra, trang trại sẽ tạo công ăn việc làm, thu nhập cho các nông dân thông qua việc trồng cây thức ăn gia súc như ngô, cỏ cung cấp cho trang trại. Các hộ nông dân/trang trại liên kết sẽ cùng Vinamilk ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm,

tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu đầu vào của Vinamilk, cùng nhau phát triển một ngành chăn nuôi theo hướng bền vững. Vinamilk đang hỗ trợ thu mua sữa cho hộ nông dân/trang trại liên kết chăn nuôi bò sữa cùng một mặt bằng giá thu mua thống nhất với các trang trại thuộc công ty con của Vinamilk, để người nông dân tiếp cận các chính sách, phương tiện kỹ thuật chăn nuôi hiện đại, tiến tới phát triển ngang bằng với trang trại chăn nuôi quy mô công nghệ cao, công nghiệp hiện đại trong tương lai.

Hiện nay, tổng đàn bò cung cấp sữa cho Công ty bao gồm các trang trại của Vinamilk và bà con

nông dân có ký kết hợp đồng bán sữa cho Vinamilk là hơn 110.000 con bò, mỗi ngày cung cấp gần 600 tấn sữa tươi nguyên liệu. Với kế hoạch phát triển các trang trại mới, Công ty sẽ đưa tổng số đàn bò của Vinamilk từ các trang trại và của các nông hộ lên khoảng 140.000 con vào năm 2017 và khoảng 160.000 - 180.000 con vào năm 2020. Sản lượng nguyên liệu sữa dự kiến đến năm 2020 sẽ tăng lên hơn gấp đôi, từ 1.000 - 1.200 tấn/ngày đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu sữa thuần khiết, dồi dào, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Với chiến lược này, nguồn cung sữa nguyên liệu trong nước sẽ tăng từ 30% lên 40% trong 5 năm tới và góp phần làm giảm tỷ lệ phụ thuộc nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Tình hình thu mua sữa tươi nguyên liệu

Sản lượng sữa tươi nguyên liệu thu mua năm 2015 đạt 216.485 tấn. Trong đó, sữa tươi nguyên liệu thu mua từ hộ dân là 178.890 tấn, tăng 15,83% so với 154.440 tấn của năm 2014. Các trang trại bò sữa của Vinamilk do công ty con là Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam cung cấp 37.596 tấn, tăng 27,56% so với 29.472 tấn của năm 2014.

Bên cạnh việc phát triển chăn nuôi bò sữa tại các nông hộ quy mô gia đình, Công ty đã xây dựng các mối liên kết với các công ty chăn nuôi để phát triển các mô hình trang trại chăn nuôi bò sữa quy mô 100 - 200 con, với thiết kế chuồng trại hiện đại, áp dụng các tiến bộ công nghệ, đầu tư cao và đây sẽ là những đối tác chiến lược cho việc cung cấp nguồn nguyên liệu sữa tươi trong hệ thống vùng nguyên liệu của Công ty.





1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ((tiếp theo)

Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống thu mua sữa tươi nguyên liệu Vinamilk giai đoạn 2012 - 2016

Năm 2015, Vinamilk hoàn thiện hệ thống thu mua sữa tươi nguyên liệu, xây dựng hình ảnh những trạm trung chuyển sữa với thiết bị hiện đại đáp ứng cho việc đảm bảo thu mua và bảo quản sữa nguyên liệu của hộ chăn nuôi đạt chất lượng tốt nhất. Năm 2015, tổng số trạm trung chuyển sữa được nâng cấp đã lên đến 48 trạm trong tổng số 91 trạm trên cả nước. Việc nâng cấp trạm trung chuyển sẽ được tiếp tục và hoàn tất trong năm 2016.

Tăng cường chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến hộ chăn nuôi bò sữa, nhằm nâng cao chất lượng sữa và hiệu quả kinh tế nông hộ

Việc nâng cao kiến thức, kỹ năng về chăn nuôi bò sữa nhằm hỗ trợ người chăn nuôi bò sữa cải thiện chất lượng sữa ngày càng tốt hơn, chăn nuôi ngày càng hiệu quả hơn là mục tiêu chính của đội ngũ cán bộ khuyến nông của Công ty Vinamilk. Trong năm, Vinamilk đã tổ chức 35 lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò sữa tập trung với chuyên đề “Các biện pháp nâng cao chất lượng sữa nông hộ”. Các lớp tập huấn đã thu hút đông đảo hộ dân tham gia. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Vinamilk cũng đã tiến hành hàng ngàn lượt tư vấn trực tiếp đến nông hộ; Tổ chức gọt móng bò cho hàng trăm hộ dân, được người dân nhiệt tình hưởng ứng.

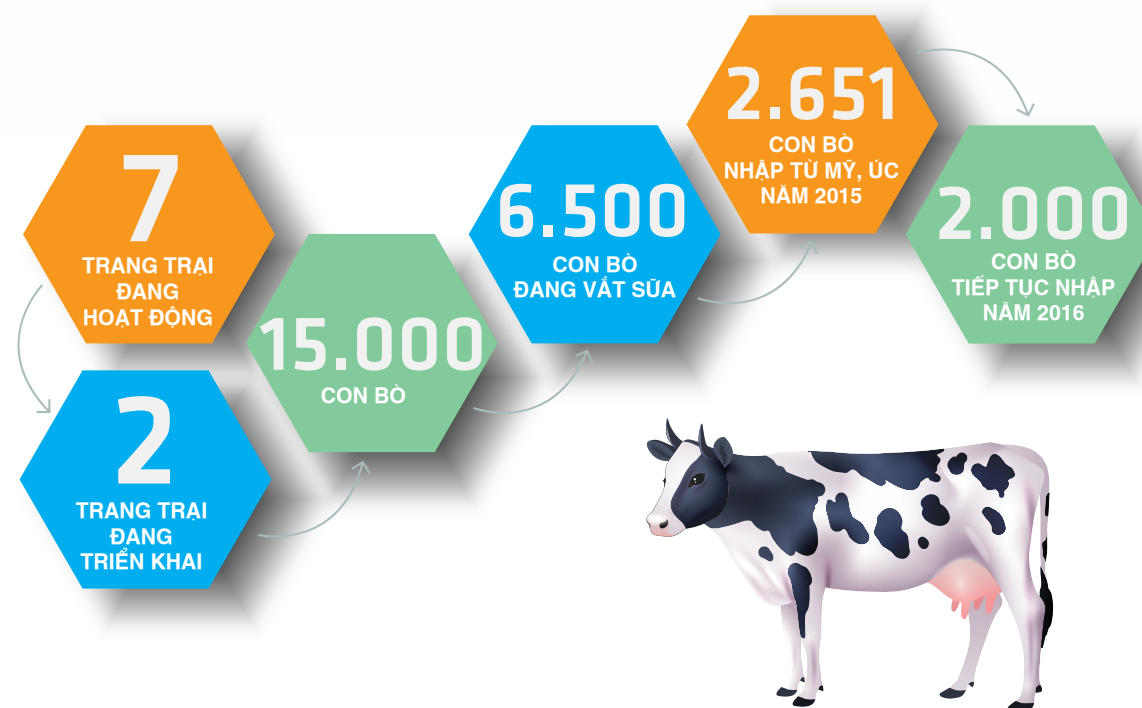


Lớp tập huấn nâng cao chất lượng sữa

Phát triển các trang trại chăn nuôi bò sữa và sản phẩm thương hạng “Sữa tươi hữu cơ” Vinamilk

Tính đến cuối năm 2015, Vinamilk có 7 trang trại đang hoạt động và 2 trang trại đang triển khai xây dựng. Bao gồm: Trang trại Tuyên Quang, Thanh Hóa (2 trang trại), Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Định và Lâm Đồng với tổng đàn xấp xỉ 15.000 con trong đó có hơn 6.500 bò đang vắt sữa. Trong kế hoạch năm 2016, các trang trại quy mô lớn đang được Vinamilk xây dựng sẽ đưa vào hoạt động là các trang trại Thống Nhất (Thanh Hóa) và Tây Ninh. Cũng trong năm 2015, Vinamilk đã nhập 2.651 con bò giống từ Mỹ và Úc. Năm 2016, Vinamilk dự kiến sẽ tiếp tục nhập 2.000 bò giống từ các nước Úc, Mỹ để đáp ứng cho nhu cầu con giống của các trang trại mới. Đặc biệt, trong năm 2016 Vinamilk sẽ xây dựng mới một trang trại bò sữa hữu cơ tại Lâm Đồng. Nửa cuối năm 2016 sẽ có dòng sản phẩm thương hạng là sữa tươi hữu cơ do Vinamilk sản xuất tại Việt Nam.

Năm 2015, có thể được xem là một năm chuyển mình mạnh mẽ và thành công của các trang trại bò sữa Vinamilk. Việc triển khai áp dụng một cách đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ chăn nuôi tiên tiến trên thế giới từ công nghệ làm mát, thay thế những loại cây trồng, cỏ chất lượng thấp bằng những loại cỏ chất lượng cao, cải tiến khẩu phần... đã giúp cho việc tăng năng suất đàn bò một cách ấn tượng, sức khỏe đàn bò ngày càng tốt hơn. Trong năm 2015, mặc dù nhiều trang trại còn trong giai đoạn kiến thiết nhưng Công ty Bò sữa Việt Nam đã có lợi nhuận đáng khích lệ. Nhiều trang trại, giá thành sản xuất sữa đã đạt mức trung bình trên thế giới (0,45 USD/kg sữa) là một minh chứng rõ ràng cho việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật đúng đắn, phù hợp sẽ đem lại hiệu quả kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh. Đây là thông tin rất đáng mừng không những cho Vinamilk mà còn chung cho cả ngành chăn nuôi bò sữa Việt Nam.

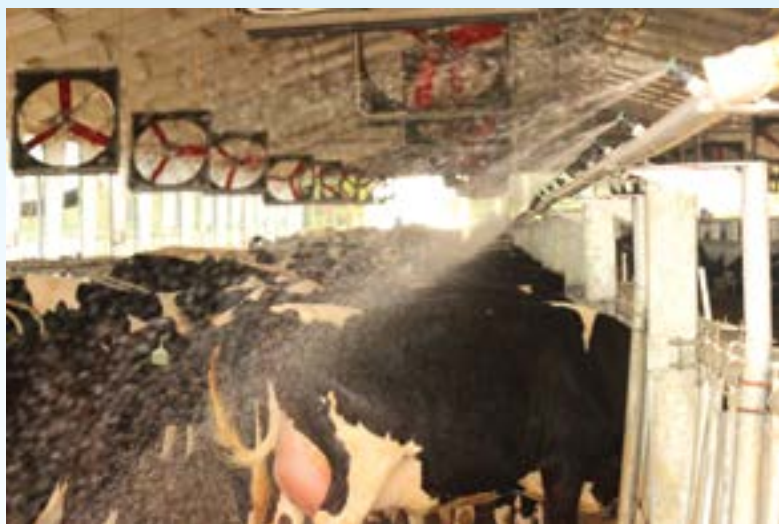




1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

Các tiến bộ kỹ thuật góp phần cải thiện thành tích các trang trại bò sữa trong năm 2016.

Công nghệ làm mát đã góp phần hữu hiệu khắc phục stress nhiệt, một trong những giới hạn lớn nhất ảnh hưởng đến khả năng sản xuất sữa của đàn bò ở những trang trại chăn nuôi bò sữa vùng nhiệt đới. Giải pháp kỹ thuật này đã góp phần nâng cao năng suất đàn bò tăng trung bình lên hơn 1,5 kg/con/ngày trong năm 2015.



Hệ thống làm mát trực tiếp cho bò tại trang trại Nhu Thanh



Chuồng trại với hệ thống làm mát hiện đại tại trang trại Hà Tĩnh



Trang trại Vinamilk Đà Lạt từ trên cao

Thay thế cỏ chất lượng thấp, bằng các giống cỏ chất lượng cao như Seedmix, Mombasa đã đem lại một khả năng thay thế hoàn toàn cho cỏ khô nhập từ nước ngoài, góp phần cải thiện năng suất, tiết kiệm chi phí và giảm giá thành sản phẩm.



Cánh đồng cỏ tại trang trại Vinamilk Đà Lạt



Cánh đồng trồng cây thức ăn thô xanh tại Lâm Đồng

Tiếp tục tăng đàn bò và nâng cao, đa dạng hóa nguồn con giống, di truyền của đàn bò HF thuần chủng. Năm 2015, Công ty Vinamilk đã tiếp tục nhập hàng ngàn con bò từ Mỹ và Úc. Đây là lần đầu tiên nhập khẩu một số lượng lớn bò HF thuần từ Mỹ (trên 1.400 con) về Việt Nam.

Trong năm 2015, các trang trại Vinamilk đạt được một số thành tích và chứng nhận về quản lý như chứng nhận: ISO 9001:2008 do tổ chức Bureau Veritas của Pháp cấp, chứng nhận Global Gap về thực hành chăn nuôi bò sữa tốt do tổ chức Control Union của Hà Lan cấp. Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên Bò sữa Việt Nam đã đạt được chứng nhận “Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao” do Bộ trưởng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn cấp.



Đàn bò to Mỹ được tuyển chọn nhập về cho các trang trại Vinamilk



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)



d. Công tác nhân sự

Công tác nhân sự năm 2015 của Vinamilk đã đạt được những hiệu quả đáng kể, thể hiện bằng việc Vinamilk nhận được 2 giải thưởng của các tổ chức đánh giá bên ngoài công nhận là Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất và Doanh nghiệp được người lao động hài lòng nhất.

Công tác tuyển dụng đáp ứng đầy đủ các nhu cầu nhân sự thông qua việc đa dạng nguồn ứng viên bên ngoài và nội bộ.

Hoàn thành các chương trình đào tạo cấp Công ty cho đội ngũ quản lý nhằm nâng cao kỹ năng quản lý và áp dụng các thực hành mới trong quản trị. Các chương trình đào tạo chung theo kế hoạch và phát sinh theo yêu cầu công việc được triển khai đáp ứng các yêu cầu.

Hoàn thành các kế hoạch đào tạo cho các ứng viên tiềm năng của chương trình Hoạch định Nhân sự kế thừa, Quản trị viên tập sự.

e. Công nghệ thông tin

Hoàn thành triển khai Sale online trên toàn quốc thay thế toàn bộ Soloman.

Triển khai và áp dụng các giải pháp mới nhằm nâng cao tính bảo mật của hệ thống.

f. Tình hình hoạt động của các công ty con, liên kết và chi nhánh ở nước ngoài

Driftwood Dairy Holdings Corporation

Tháng 12/2013, Vinamilk chính thức nắm giữ 70% cổ phần của Driftwood Dairy Holdings Corporation, một trong những Nhà sản xuất Sữa lâu đời và dẫn đầu thị trường ở Nam California, Mỹ.

Driftwood có lượng sản phẩm bán ra thị trường rất đa dạng, trong đó sản phẩm chủ lực là sữa tươi và nước trái cây bán vào các trường học ở Nam California. Bên cạnh đó, Driftwood cũng bán sản phẩm vào các kênh nhà hàng khách sạn, nhà phân phối,... Quý 4/2015, Driftwood bắt đầu giới thiệu sản phẩm sữa chua của mình vào một số trường học cùng khu vực.

Năm 2015, tổng doanh thu Driftwood đạt 119 triệu USD, tương đương hơn 2.600 tỷ đồng, đóng góp vào 6,5% doanh thu hợp nhất của Vinamilk.

Angkor Dairy Products Co., Ltd.

Ngày 6/1/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 667/BKHĐT-ĐTRNN cho Công ty về việc góp vốn 51% với đối tác nước ngoài thành lập Công ty Angkor Dairy Products tại Campuchia.

Hiện nhà máy đã đi vào sản xuất thương mại và bán ra thị trường các mặt hàng sữa tươi tiệt trùng và sữa chua vào tháng 10/2015. Tháng 11/2015, Angkormilk cũng bắt đầu sản xuất thương mại một mặt hàng khác là sữa đặc, với 2 nhãn hiệu Bestcow và Captain.

Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia

Ngày 27/5/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư số 709/BKHĐT-ĐTRNN cho Công ty về việc góp 100% vốn thành lập công ty con tại Ba Lan.

Mục tiêu chính của Công ty là thu mua nguyên liệu



sản xuất sữa phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Vinamilk và các công ty con. Năm 2015, tổng sản lượng xuất khẩu của công ty con này đạt gần 18 nghìn tấn bột sữa, với tổng doanh thu xấp xỉ 33 triệu USD.

Miraka Limited

Là dự án đầu tư ra nước ngoài đầu tiên của Vinamilk vào năm 2010 và tháng 8/2011, Miraka chính thức đi vào hoạt động. Năm 2015 vừa qua, Vinamilk tăng thêm tỷ lệ sở hữu tại Miraka từ 19,3% lên 22,81%.

Ngoài đóng góp vào lợi nhuận của Vinamilk thông qua chi trả cổ tức, Miraka còn là một trong những nhà cung cấp bột sữa cho Vinamilk và các công ty con của Vinamilk. Hiện nay, Miraka đang có 2 dây chuyền chế biến bột sữa và sữa tươi tiệt trùng, cùng nhiều kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất.

Năm 2015 (năm tài chính kết thúc 31/7), Miraka đã sản xuất hơn 32 nghìn tấn bột sữa nguyên kem, đạt tổng doanh thu 158 triệu NZD, lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 7,5 triệu NZD. Tháng 12 vừa qua, Miraka cũng đã chi trả cổ tức cho Vinamilk với mức chi là 684 nghìn NZD sau thuế.



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

g. Một số giải thưởng tiêu biểu

STT	Thời gian	Tên danh hiệu, giải thưởng	Tổ chức cấp
1	T1/2015	Thương hiệu Việt uy tín lần thứ 11 năm 2015	Liên hiệp các hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam - Tạp chí Thương hiệu Việt
2	T1/2015	Top Doanh nghiệp Việt Nam đạt chỉ số tốt nhất năng lực hoạt động 2014	Báo Diễn đàn doanh nghiệp
3	T1/2015	Top 10 “Sản phẩm, Dịch vụ thương hiệu Việt tiêu biểu” 2014	Báo Công Thương
4	T1/2015	Tổng Giám đốc: Top 50 Nhà Lãnh đạo doanh nghiệp - Mark of Respect 2014	Nhịp cầu đầu tư
5	T1/2015	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2014 (đúng hạng thứ 2)	VNR 500
6	T2/2015	Tổng Giám đốc: “Doanh nhân văn hóa vì sự nghiệp xây dựng & phát triển đất nước”	Trung tâm Văn hóa doanh nhân
7	T2/2015	Danh hiệu Doanh nghiệp văn hóa có nhiều đóng góp cho xã hội	Trung tâm Văn hóa doanh nhân
8	T2/2015	Top Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất năm 2014	Vietstock
9	T2/2015	Giấy chứng nhận Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2015”	Hội DN HVNCLC & BSA
10	T2/2015	Asia’s Power Businesswomen 2015	Tạp chí Forbes
11	T3/2015	Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2014 (đúng hạng thứ 2)	Công ty Nghiên cứu thị trường Nielsen và mạng Anphabe.com
12	T3/2015	Tổng Giám đốc: Doanh nhân nữ ASEAN 2015 (AWEF)	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Hội đồng Doanh nhân Nữ Việt Nam
13	T4/2015	Thương hiệu vàng thực phẩm Việt Nam tiêu biểu năm 2014: Top 20 - Sữa tươi tiệt trùng không đường (Vinamilk)	Bộ Y tế - Cục ATTP
14	T4/2015	Thương hiệu vàng thực phẩm Việt Nam năm 2014: Top 100 - Sữa chua táo chuối Su Su và Dielac Alpha Gold	Bộ Y tế - Cục ATTP
15	T4/2015	Tổng Giám đốc: “Doanh nhân vì chất lượng cuộc sống 2014”	Bộ Y tế - Cục ATTP

16	T5/2015	Cúp vàng sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm năm 2015 sản phẩm “Sữa tươi tiệt trùng không đường”	Liên hiệp các hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam - Trung tâm Khoa học & Công nghệ thực phẩm
17	T5/2015	Top 10 “Sản phẩm vàng thương hiệu Việt hội nhập WTO lần thứ 10 - 2015”	Liên hiệp các hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam - Trung tâm Khoa học & Công nghệ thực phẩm
18	T5/2015	Tổng Giám đốc: Giải thưởng Nikkei Châu Á	Tập đoàn truyền thông hàng đầu Nhật Bản - Nikkei Inc.
19	T5/2015	Công ty tăng trưởng bền vững giai đoạn 2011 - 2014	Nhịp cầu đầu tư
20	T5/2015	1 trong 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam	Nhịp cầu đầu tư
21	T6/2015	Nhà máy Sữa Trường Thọ - Giải thưởng môi trường Việt Nam 2015	Bộ Tài nguyên và Môi trường
22	T7/2015	Top 10 Doanh nghiệp niêm yết có uy tín nhất truyền thông (đúng hạng thứ nhất)	VNR 500
23	T7/2015	Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất	Báo Đầu tư Chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
		Giải II: Báo cáo thường niên có Quản trị công ty tốt nhất	
24	T8/2015	Giải II: Báo cáo Phát triển bền vững	Forbes Việt Nam
		Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam	
25	T10/2015	Top 50 Thương hiệu có giá trị lớn nhất Việt Nam	Brand Finance của Anh (Bảng đánh giá)
26	T11/2015	Top 100 Thương hiệu Tin và Dừng	Thời báo Kinh tế Việt Nam
27	T11/2015	Giải thưởng New Zealand - ASEAN	New Zealand
28	T11/2015	Quản trị công ty tốt nhất Việt Nam - khu vực Asean tại Manila, Philippines	Khối Asean và UBCK Philippines
29	T11/2015	Top 100 Asean - Top 300 Asia	Nikkei Asian Review
30	T11/2015	Bảng xếp hạng V1000 - 2015 (1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam)	V1000
31	T12/2015	Top 10 Bảng xếp hạng 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam 2015	VNR 500
32	T12/2015	“Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích” - Sữa tươi Vinamilk - Sữa đặc Ông Thọ - Dielac Grow	Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

g. Một số giải thưởng tiêu biểu (tiếp theo)



TOP 50
CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM



TOP 10
THƯƠNG HIỆU VIỆT UY TÍN NHẤT VIỆT NAM



TOP 10
DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT
CÓ UY TÍN NHẤT TRÊN TRUYỀN THÔNG



TOP 10
SẢN PHẨM VÀNG
THƯƠNG HIỆU VIỆT HỘI NHẬP WTO



SẢN PHẨM VÀNG
AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM



TOP 500
DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM



TOP 50
CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM



2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN ĐẦU TƯ NỘI BỘ VÀ GÓP VỐN

vào các công ty con năm 2015 đạt 905 tỷ đồng, đạt 38% so với kế hoạch (2.382 tỷ đồng). Giá trị chưa giải ngân hết sẽ được chuyển sang năm tiếp theo. Ngân sách đầu tư này nằm trong tổng ngân sách đầu tư đã được ĐHĐCĐ năm 2015 thông qua ngày 27/4/2015.

Việc giải ngân chậm trong năm so với kế hoạch là do tiến độ các dự án trang trại bò sữa chậm vì các trang trại này có quy mô rất lớn, cần có nghiên cứu và đánh giá cẩn trọng.

Các dự án lớn là dự án xây dựng Nhà máy Sữa Liên doanh tại Campuchia, các trang trại bò sữa và các dự án nâng công suất tại các nhà máy. Tiến độ một số dự án lớn điển hình trong năm như sau:

- **Dự án xây dựng Nhà máy Sữa Liên doanh tại Campuchia (thuộc Angkor Dairy Products Co., Ltd.), là công ty con 51% vốn của Vinamilk:** Đã hoàn tất và sản xuất thương mại sữa tươi và sữa chua từ tháng 9/2015 và sữa đặc từ tháng 11/2015.
- **Các trang trại bò sữa (thuộc Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam), là công ty con 100% vốn của Vinamilk:**



Một trang trại bò sữa của Vinamilk

Trang trại bò sữa Hà Tĩnh:

Đây là trang trại bò sữa có quy mô thiết kế là 2.000 con. Trang trại này đã đi vào hoạt động từ tháng 1/2015. Trang trại hiện có 1.820 con và dự kiến đến tháng 3/2016 sẽ đạt tổng đàn là 2.000 con như thiết kế ban đầu.

Trang trại này đã được tổ chức Control Union của Hà Lan công nhận đạt tiêu chuẩn và cấp chứng chỉ Global Gap và các tiêu chuẩn ISO, môi trường.

Trang trại bò sữa Tây Ninh:

Đây là dự án trang trại bò sữa có quy mô lớn với thiết kế tổng đàn là 8.000 con.

Dự án đang trong giai đoạn hoàn tất các hạng mục cuối để chuẩn bị đi vào hoạt động và đón bò về từ tháng 2/2016.



Bò sữa uống nước tại hệ thống uống nước tự động tại Trang trại Vinamilk.



Hệ thống chải ngửa tự động cho bò tại Trang trại Vinamilk.



- **Tổ hợp các trang trại bò sữa công nghệ cao** (thuộc Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa), là công ty con 96,11% vốn của Vinamilk: Đây là trang trại bò có quy mô lớn nhất của Vinamilk với thiết kế tổng đàn ban đầu là 16.000 con. Dự án này đang trong quá trình triển khai theo từng giai đoạn.

Trong năm 2015, Công ty cũng đã đầu tư mới và mở rộng nhằm tăng công suất của các sản phẩm sữa nước, sữa chua, kem và sữa đặc tại một số nhà máy như Tiên Sơn, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thống Nhất và Lam Sơn.



3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài chính

Tất cả các chỉ tiêu đều tăng trưởng tốt so với năm 2014. Trong đó, tăng thấp nhất là tổng tài sản (tăng 7%) và lợi nhuận sau thuế tăng cao nhất đến 28%.

ĐVT: tỷ đồng	Năm 2015	Năm 2014	% tăng/(giảm)
Tổng tài sản	27.478	25.770	7%
Doanh thu thuần	40.080	35.072	14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.271	7.464	24%
Lợi nhuận trước thuế	9.367	7.613	23%
Lợi nhuận sau thuế	7.770	6.068	28%

b. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,79	2,83	(lần)
- Hệ số thanh toán nhanh	2,12	2,16	(lần)
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	24%	23%	
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	31%	30%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	6,4	7,0	(lần)
- Vòng quay các khoản phải thu	19,1	18,1	(lần)
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,51	1,44	(lần)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	19%	17%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	38%	32%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	29%	25%	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	23%	21%	

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty vẫn được duy trì lành mạnh, hầu hết các chỉ số tài chính đều tăng trưởng dương và tốt hơn 2014. Ngoài yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh tốt, công tác quản lý tài chính luôn được chú trọng để đảm bảo tài chính của Công ty được quản lý một cách chặt chẽ nhất.





4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY

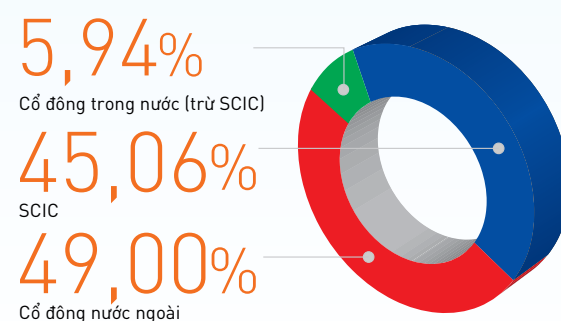
a. Cổ phần

Tính đến ngày 31/12/2015, vốn điều lệ của Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty	: 12.006.621.930.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	: 10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	: 1.200.662.193 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 1.200.139.398 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	: 522.795 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 7/8/2015 (bao gồm số lượng cổ phiếu phát hành mới trong năm), cơ cấu cổ đông của Công ty không thay đổi so với năm 2014. Trong đó, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) nắm giữ 45,06%, cổ đông nước ngoài nắm giữ 49% và cổ đông trong nước nắm giữ 5,94% vốn điều lệ của Công ty.



	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	% vốn điều lệ
Cổ phiếu đang lưu hành	11.960	1.200.139.398	99,96%
Cổ phiếu quỹ	1	522.795	0,04%
	11.961	1.200.662.193	100,00%
Trong đó:			
Cổ đông trong nước	10.831	612.296.437	51,00%
• Tổ chức	99	549.106.370	45,74%
• Cá nhân	10.732	63.190.067	5,26%
Cổ đông nước ngoài	1.130	588.365.756	49,00%
• Tổ chức	241	584.168.234	48,65%
• Cá nhân	889	4.197.522	0,35%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 7/8/2015 (bao gồm số lượng cổ phiếu phát hành mới trong năm), Công ty có 2 cổ đông lớn như sau:

STT	Tên cổ đông	Quốc tịch	Số lượng cổ phiếu	% vốn điều lệ
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước - Công ty TNHH	Việt Nam	541.054.080	45,06%
2	F&N Dairy Investment Pte Ltd	Singapore	132.490.778	11,03%

c. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu được trình bày chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính tại trang 160-161.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Công ty không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm. Tại ngày 31/12/2015, Công ty có 522.795 cổ phiếu quỹ.





5. HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty luôn cam kết duy trì chức năng Quan hệ nhà đầu tư một cách tốt nhất và hiệu quả nhất, thực hiện công bố thông tin đúng quy định của cơ quan quản lý nhà nước. Công ty có nhân viên chuyên trách về công tác Quan hệ nhà đầu tư.

Công ty luôn tích cực và chủ động trong công tác Quan hệ nhà đầu tư: Duy trì các kênh để nhà đầu tư liên lạc với Công ty một cách dễ dàng như: gặp trực tiếp, điện thoại, fax, email.



Các hoạt động chính của công tác Quan hệ nhà đầu tư trong năm như sau:

Tiếp đón các nhà đầu tư đến trụ sở Công ty

Công ty đã tiếp hơn 125 lượt nhà đầu tư đến trụ sở, tổ chức cho nhà đầu tư hơn 10 chuyến tham quan Nhà máy sản xuất Sữa và hơn 100 cuộc điện thoại từ các nhà đầu tư ở nước ngoài để tìm hiểu và cập nhật tình hình hoạt động của Công ty.

Tích cực tham gia các hội thảo đầu tư trong nước và nước ngoài

- Tháng 3:** Tham gia gặp gỡ nhà đầu tư tại sự kiện Vietnam Access Day do Công ty Chứng khoán Bản Việt tổ chức tại TP. HCM.
- Tháng 5:** Tham gia sự kiện gặp gỡ nhà đầu tư do Công ty Chứng khoán Maybank - Kim Eng tổ chức tại TP. HCM.
- Tháng 7:** Tổng Giám đốc Công ty gặp gỡ nhà đầu tư tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.
- Tháng 8:** Tham gia sự kiện gặp gỡ nhà đầu tư tại Singapore. Đây là sự kiện thường niên mà Vinamilk đã tham gia các năm trước do Tập đoàn Daiwa và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM phối hợp tổ chức.
- Tháng 10:** Tham gia sự kiện gặp gỡ nhà đầu tư tại Mỹ, gồm các thành phố và tiểu bang New York, Chicago, Boston, Salt Lake City và San Francisco. Tại sự kiện này, Vinamilk đã gặp 34 nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, trong đó có nhiều nhà đầu tư là cổ đông của Công ty.
- Tháng 11:** Tham gia sự kiện gặp gỡ nhà đầu tư tại London, Anh Quốc. Tại sự kiện này, Vinamilk cũng gặp 38 nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp và nhiều trong số họ là cổ đông của Công ty.





5. HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Tham gia cuộc thi bình chọn Báo cáo thường niên hàng năm

Mục đích tham gia là để ngày càng nâng cao nội dung Quản trị công ty theo thông lệ quản trị doanh nghiệp tiên tiến trong khu vực và thế giới. Đây là năm thứ 8 liên tiếp Công ty tham gia và luôn nằm trong Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất và là năm thứ 3 liên tiếp Công ty có Báo cáo Phát triển bền vững nằm trong Top 3 Báo cáo tốt nhất tại Việt Nam.



Theo kết quả bình chọn của năm 2015, Công ty đạt các giải sau:

- **Top 10:** Báo cáo thường niên tốt nhất
- **Giải II:** Báo cáo thường niên có Quản trị công ty tốt nhất
- **Giải II:** Báo cáo Phát triển bền vững



Mọi thông tin liên quan đến công tác quan hệ cổ đông của Vinamilk, xin vui lòng liên hệ:

- Ông Trần Chí Sơn • Chức vụ: Trưởng ban Quan hệ nhà đầu tư
- Tel: +84 (08) 541 55555 (Ext.: 108401) • Email: tcson@vinamilk.com.vn

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo phát triển bền vững

TỪ CÔNG NGHỆ
đỉnh cao





1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NĂM 2015, MẶC DÙ KINH TẾ VẪN CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN, nhưng với nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã có mức tăng trưởng tốt cả về doanh thu và lợi nhuận. Lấy lại được đà tăng trưởng sau khi bị sụt giảm trong năm 2014. Công ty đã vượt 5% so với chỉ tiêu tổng doanh thu sau 2 năm (2013 và 2014) không đạt. Về lợi nhuận, Công ty tiếp tục vượt đến 14%, cao hơn nhiều so với 2 năm trước đó (từ 1% - 5%).

Theo số thực hiện năm 2015, tổng doanh thu tăng 14%, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế tăng lần lượt là 23% và 28% so với năm 2014. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là giá sữa nguyên liệu nhập khẩu giảm mạnh đã đóng góp chính vào sự tăng trưởng lợi nhuận.

	ĐVT: tỷ đồng				Tăng/ (giảm) so với năm trước		
	2012	2013	2014	2015	2013	2014	2015
Kế hoạch ĐHĐCĐ							
Tổng doanh thu	26.480	32.500	36.298	38.424	23%	12%	6%
Lợi nhuận trước thuế	5.625	7.830	7.531	8.229	39%	-4%	9%
Lợi nhuận sau thuế	4.690	6.230	5.993	6.830	33%	-4%	14%
Thực hiện							
Tổng doanh thu	27.102	31.586	35.187	40.223	17%	13%	14%
Lợi nhuận trước thuế	6.930	8.010	7.613	9.367	16%	-5%	23%
Lợi nhuận sau thuế	5.819	6.534	6.068	7.770	12%	-7%	28%
% thực hiện so với kế hoạch ĐHĐCĐ							
Tổng doanh thu	1%	-4%	-3%	5%			
Lợi nhuận trước thuế	23%	2%	1%	14%			
Lợi nhuận sau thuế	24%	5%	1%	14%			



2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm tăng 7% so với năm 2014 (tương đương 1.708 tỷ đồng). Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT: tỷ đồng		% Tăng/ (giảm)	
	2015	2014	Giá trị	%
Tài sản ngắn hạn	16.732	15.458	1.274	8%
- Tiền, tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng	9.573	8.431	1.142	14%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	2.685	2.777	(92)	-3%
- Hàng tồn kho	3.810	3.555	255	7%
Tài sản dài hạn	10.746	10.312	434	4%
Tổng tài sản	27.478	25.770	1.708	7%

Tài sản tăng chủ yếu đi vào tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng. Công ty đã quản lý rất tốt việc thu tiền khách hàng. Mặc dù doanh thu tăng 14%, nhưng số dư nợ phải thu khách hàng giảm 3%. Nợ phải thu quá hạn chỉ chiếm 5% tổng nợ phải thu, nợ quá hạn là bình thường trong hoạt động kinh doanh và hoàn toàn thu hồi hết, không làm suy giảm giá trị và chỉ phát sinh 3,2 tỷ đồng nợ phải thu khó đòi (~0,1%). Hàng tồn kho cũng được tiếp tục quản lý tốt, giá trị tồn kho cuối năm tăng không đáng kể và luôn đảm bảo đáp ứng kịp thời cho kế hoạch sản xuất và nhu cầu thị trường.

Tài sản dài hạn tăng trong năm chủ yếu là các dự án trang trại bò sữa và đầu tư mới, mở rộng để tăng công suất sản xuất tại một số nhà máy tại Tiên Sơn, Đà Nẵng, Lam Sơn, Cần Thơ. Giá trị tài sản dài hạn tăng trên đã trừ đi phần giảm do khấu hao tài sản trong năm.

Về hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị: Hiệu suất sử dụng bình quân cả Công ty đạt 65% công suất thiết kế. Hiệu suất này là hợp lý và nằm trong kế hoạch kinh doanh dài hạn của Công ty, hiệu suất sẽ tăng dần qua các năm sau khi nhu cầu thị trường vẫn tăng trưởng tốt.

Về các khoản phải thu có gốc ngoại tệ và ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái, vui lòng xem chi tiết trong Thuyết minh báo cáo tài chính tại mục i trang 174 - 175.

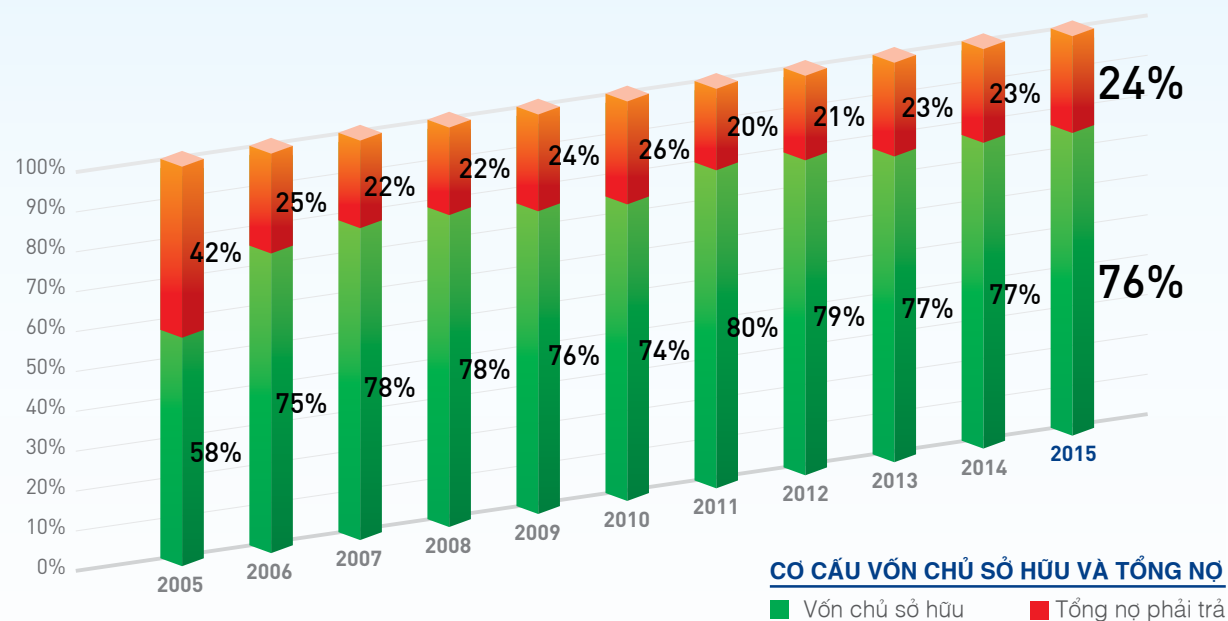




2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ chỉ chiếm 24% và vốn chủ sở hữu chiếm tới 76% tổng nguồn vốn của Công ty. Chi tiết như sau:



Điều này cho thấy khả năng thanh toán nợ của Công ty rất an toàn. Vui lòng xem thêm các chỉ tiêu thanh khoản tại mục “Các chỉ số tài chính cơ bản” ở trang 65.

Về nợ phải trả có gốc ngoại tệ và ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái, vui lòng xem chi tiết trong Thuyết minh báo cáo tài chính tại mục i trang 174 - 175.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

a. Cơ cấu tổ chức

Trong năm 2015, Vinamilk đã tiến hành đẩy mạnh cải tiến cơ cấu tổ chức nhằm tối ưu hóa hoạt động và đẩy mạnh hoạt động ra thị trường thế giới, với các nét tiêu biểu:

- Xác lập vị trí Giám đốc Điều hành Hoạt động để quản lý chuỗi hoạt động từ Kinh doanh - Marketing - Nghiên cứu & Phát triển sản phẩm - Chuỗi Cung ứng và Sản xuất để kết nối các mảng hoạt động, đẩy mạnh các dự án cải tiến.
- Tái cấu trúc phòng Xuất khẩu thành phòng Kinh doanh Quốc tế nhằm tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh trên thị trường nước ngoài.
- Nâng cấp, cải tiến hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm nhằm tăng hiệu quả hoạt động nghiên cứu phát triển và quản lý chất lượng sản phẩm.
- Hoàn tất việc bổ nhiệm đầy đủ các nhân sự trong BDH và các Giám đốc trực thuộc Tổng Giám đốc để đảm bảo việc quản lý và triển khai ở tất cả các mảng.

b. Chính sách và quản lý

Nâng cao năng lực thực thi chiến lược

- Bắt đầu triển khai dự án Thẻ điểm cân bằng (Balanced scorecard) để nâng cao việc quản lý thực thi các kế hoạch chiến lược và nâng cao năng lực thực thi chiến lược của các cấp quản lý, thông qua việc:
 - ✓ Làm rõ và cụ thể hóa tầm nhìn và chiến lược.
 - ✓ Truyền đạt và kết nối những mục tiêu chiến lược và các thước đo.
 - ✓ Lập kế hoạch, đặt mục tiêu và liên kết các sáng kiến chiến lược.
 - ✓ Nâng cao việc học hỏi và phản hồi về chiến lược.

Hệ thống bán hàng

- Hoàn thành triển khai hệ thống Sale online trên toàn quốc.
- Mở rộng phạm vi áp dụng máy tính bảng trong hoạt động bán hàng đối với kênh Siêu thị và Khách hàng đặc biệt nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý bán hàng.

Các dự án nâng cấp chuỗi hoạt động

- Triển khai dự án cải tiến hệ thống quản trị chuỗi cung ứng (Sales & Operation Planning) nhằm nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng.
- Áp dụng công cụ Hyperion cho việc tự động hóa công tác lập kế hoạch và theo dõi việc thực hiện kế hoạch.
- Áp dụng công cụ Business Intelligence để nâng cao hiệu quả phân tích các báo cáo quản trị.

Hệ thống quản lý chất lượng

Năm 2015, Vinamilk tiếp tục duy trì thành công việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001:2008 về Quản lý chất lượng, FSSC 22000 về An toàn thực phẩm, ISO 14001 về Môi trường, ISO 50001 về Năng lượng, ISO 17025 về Chất lượng Phòng thí nghiệm, tại tất cả các Nhà máy của Vinamilk. Bên cạnh đó, Vinamilk tiếp tục triển khai các hoạt động nâng cao hệ thống quản lý chất lượng:

- Hệ thống Global Gap đã được triển khai trên toàn bộ 7/7 trang trại so với 5 trang trại năm 2014.
- Tiến hành triển khai hệ thống quản lý an toàn vệ sinh lao động - sức khỏe nghề nghiệp - môi trường theo tiêu chuẩn PAS 99.
- Xây dựng và triển khai bộ Quy định và Chương trình đánh giá an toàn vệ sinh lao động - sức khỏe nghề nghiệp - môi trường.



4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đầu tư mạnh mẽ vào từng nhóm danh mục sản phẩm nhằm đảm bảo tính cạnh tranh cao.

Xem xét, đánh giá việc mở rộng các mảng kinh doanh.

Áp dụng mô hình tiên tiến hơn cho bộ phận Nghiên cứu Phát triển.

Tìm kiếm và đánh giá mọi cơ hội cho việc tích hợp dọc trước và sau.

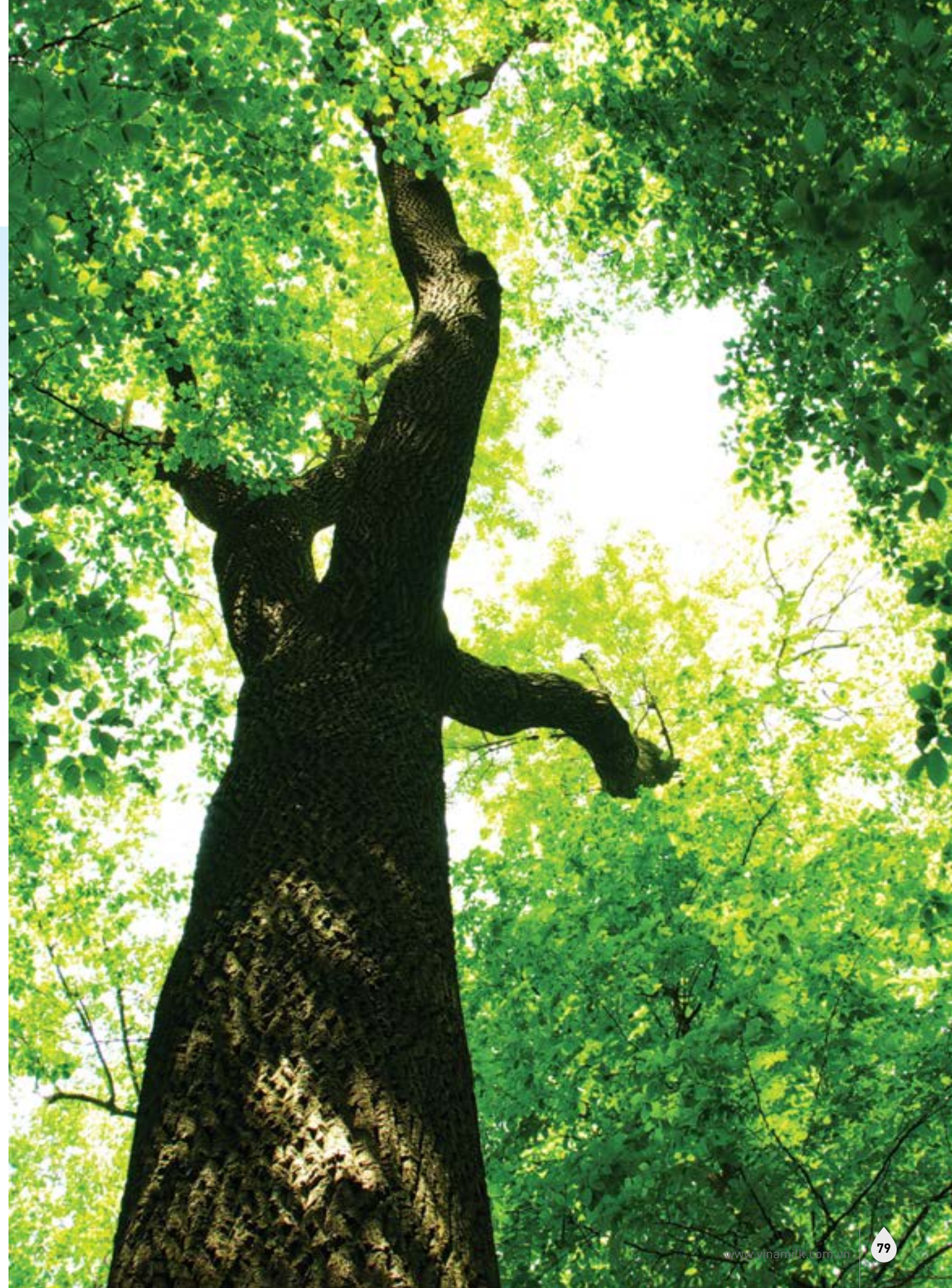
Xây dựng một Chính sách phát triển bền vững (CSR) rộng khắp và xuyên suốt mọi bộ phận của Tập đoàn.

Đẩy mạnh công tác mở rộng thị trường tại các quốc gia đang phát triển.

Phát triển các mô hình kinh doanh đặc thù và phù hợp cho các mảng kinh doanh.

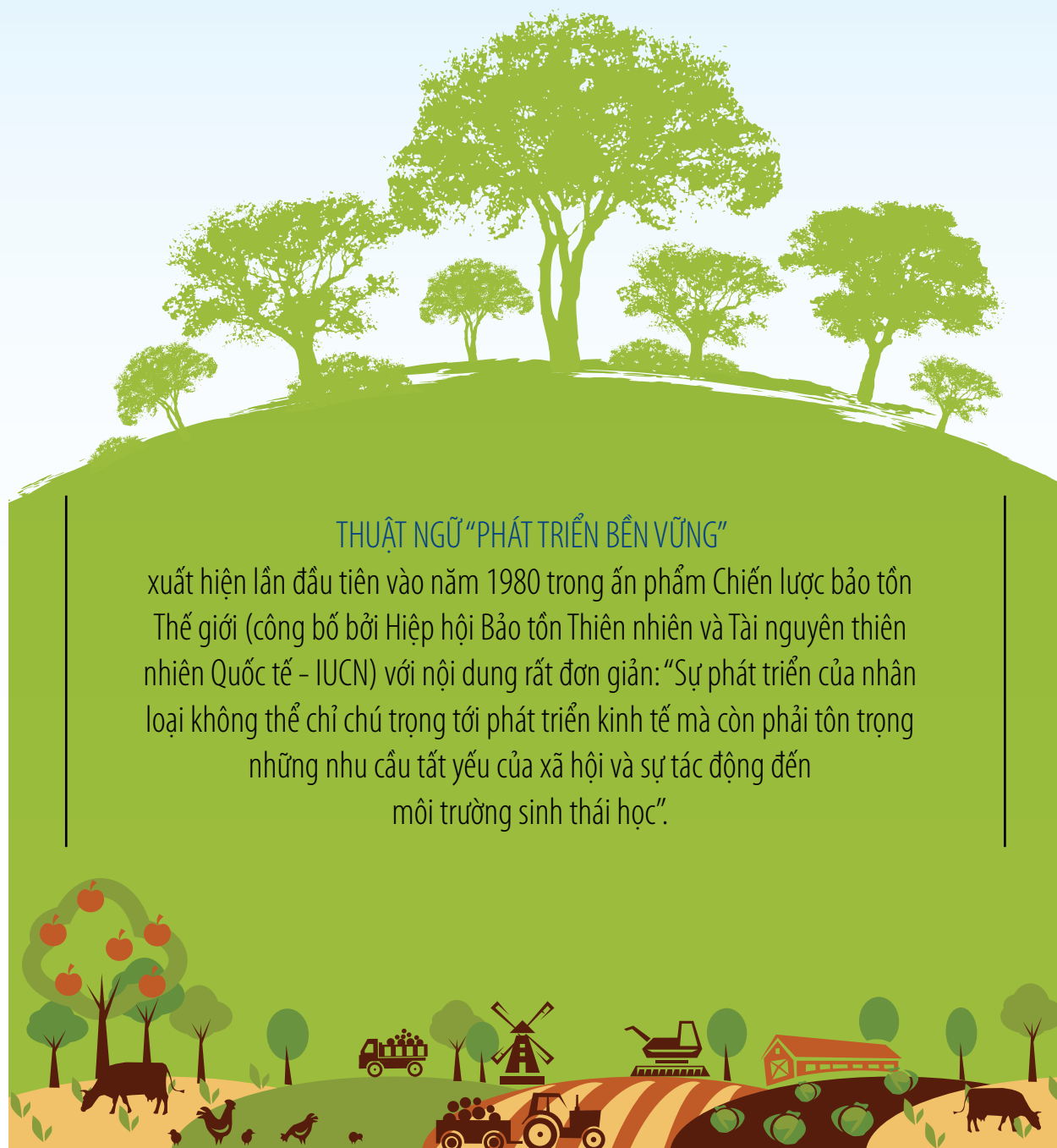
Đánh giá và tối ưu hóa danh mục sản phẩm.

Thực thi chương trình Quản lý Tài năng một cách sâu và rộng hơn.





5. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



THUẬT NGỮ “PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”

xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm Chiến lược bảo tồn Thế giới (công bố bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên thiên nhiên Quốc tế - IUCN) với nội dung rất đơn giản: “Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học”.

Khái niệm này được phổ biến rộng rãi vào năm 1987 nhờ Báo cáo Brundtland (còn gọi là Báo cáo Our Common Future) của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới - WCED (nay là Ủy ban Brundtland). Báo cáo này ghi rõ: Phát triển bền vững là **“sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai...”**. Nói cách khác, phát triển bền vững phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ. Để đạt được điều này, tất cả các thành phần kinh tế - xã hội, nhà cầm quyền, các tổ chức xã hội... phải bắt tay nhau thực hiện nhằm mục đích dung hòa 3 lĩnh vực chính: Kinh tế - Xã hội - Môi trường.

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam, Vinamilk nhận thức rõ tầm ảnh hưởng của mình đến cộng đồng và sự phát triển bền vững của xã hội. Chúng tôi cũng thấu hiểu sự thành công của một doanh nghiệp sẽ không chỉ đơn giản là

những con số về doanh thu thể hiện trên các bản báo cáo thường niên mà còn là những giá trị vượt trội và lâu dài mà doanh nghiệp đó xây dựng và mang đến cho mọi người.

Với những mong muốn đúng đắn và những hành động thiết thực của mình, Vinamilk đã được nhớ đến là “Thương hiệu gắn bó cộng đồng”.

Vinamilk đã có những bước phát triển ấn tượng trong thời gian vừa qua, trở thành một trong những doanh nghiệp lớn nhất tại Việt Nam và đang nỗ lực chinh phục thị trường quốc tế với mục tiêu trở thành 1 trong 50 Doanh nghiệp sữa lớn nhất toàn cầu. Và rõ ràng, sự phát triển của Công ty luôn tỷ lệ thuận với sự ảnh hưởng đến xã hội, đặc biệt là Việt Nam. Nhận thức sâu sắc tầm ảnh hưởng của mình đến xã hội cũng như những thách thức mà toàn xã hội đang đối mặt, Vinamilk xác định nguyên tắc kinh doanh là gắn kết một cách hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh với trách nhiệm với xã hội, hướng đến phát triển bền vững.

Định hướng phát triển bền vững của Vinamilk tập trung vào 5 nội dung sau:





5. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Cam kết với các bên liên quan:

	NGƯỜI TIÊU DÙNG	Cung cấp những sản phẩm an toàn và chất lượng hàng đầu Đa dạng hóa sản phẩm và tạo ra những giá trị mới cho sản phẩm để cải thiện và nâng cao sức khỏe con người Sản phẩm tạo ra với mức giá phù hợp
	CỔ ĐÔNG	Đảm bảo cho các cổ đông một khoản đầu tư an toàn, sinh lợi một cách bền vững
	NHÀ NƯỚC	Tuân thủ chính sách, quy định nhà nước của tất cả các quốc gia Vinamilk hoạt động
	NHÂN VIÊN	Mang đến sự thỏa mãn, hài lòng của nhân viên về môi trường làm việc an toàn, phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh
	ĐỐI TÁC	Hợp tác phát triển trên cơ sở cùng có lợi, minh bạch và có trách nhiệm với xã hội
	CỘNG ĐỒNG	Có trách nhiệm, chia sẻ giá trị và chung tay phát triển cộng đồng



Với cam kết đó, năm 2015, Vinamilk tiếp tục hợp tác, phát triển và không ngừng nâng cao giá trị mang lại cho các bên liên quan trong định hướng phát triển bền vững và thực thi sứ mệnh của mình.

Kinh tế

Năm 2015, giá trị mang lại cho các bên liên quan:

Bên liên quan	Giá trị
Cổ đông	Cổ tức : 6.002 tỷ đồng
Nhà nước	Tiền thuế nộp ngân sách nhà nước : 3.945 tỷ đồng
Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch : 26.557 tỷ đồng
Khách hàng	Giá trị giao dịch : 40.223 tỷ đồng
Cộng đồng	Hỗ trợ cộng đồng : 25 tỷ đồng

Môi trường - Năng lượng

Tiết kiệm 102 tỷ tương đương 21,36% so với định mức chi phí sử dụng.

Năm 2015 đánh dấu bước ngoặt trong Hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường của Vinamilk bằng việc triển khai chứng nhận Hệ thống tích hợp PAS 99 cho các nhà máy. Trường Thọ trở thành Nhà máy đầu tiên được chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường theo tiêu chuẩn này. Kế thừa nền tảng của Hệ thống ISO 14001, ISO 9001, Hệ thống OHSAS 18001 được tích hợp để quản lý toàn diện hơn các khía cạnh. Đây chính là thông điệp của Vinamilk gửi đến cộng đồng và các bên liên quan **“Chúng tôi thực hiện trách nhiệm đối với tất cả các bên liên quan và nỗ lực để mang lại ngày càng nhiều giá trị cho các bên liên quan của mình.”**

Bên cạnh đó, Vinamilk không ngừng tìm kiếm các giải pháp cải tiến, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả và sử dụng nhiên liệu Biomass và khí CNG, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, kiểm soát và xử lý phát thải, nâng cao ý thức của nhân viên và cộng đồng trong vấn đề bảo vệ môi trường.

Đáp lại những nỗ lực đó, năm 2015, Vinamilk đã nhận được những giá trị động viên tích cực từ Nhà nước.

Nhà máy Sài Gòn	Bộ Tài nguyên Môi trường	Chứng nhận đóng góp tích cực “Diễn đàn đổi mới phát triển hướng đến kinh tế xanh” do báo Tài nguyên Môi trường tổ chức
Nhà máy Trường Thọ	Bộ Tài nguyên Môi trường	Giải thưởng môi trường Việt Nam năm 2015
Nhà máy Dielac	Sở Công Thương Đồng Nai	Bằng khen “Thành tích tốt trong công tác tiết kiệm điện năng 2015”
Nhà máy Thống Nhất	Báo Sài Gòn Giải phóng	Doanh nghiệp xanh



5. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Về mảng trang trại, với chính sách phát triển hệ thống các trang trại chăn nuôi bò sữa chuyên nghiệp, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và quy định của pháp luật Việt Nam. Sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm với giá cả cạnh tranh hợp lý, tiệm cận giá thành sản xuất trung bình của thế giới. Hoạt động sản xuất - kinh doanh có hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực. Hiện nay, tất cả trang trại của Vinamilk đều được quản lý theo hệ thống ISO 9001:2008 và Global Gap. Năm 2015 cũng đánh dấu những thành công của hệ thống trang trại Vinamilk bằng các giải thưởng:

- Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Giấy chứng nhận trang trại an toàn dịch bệnh.
- Chứng nhận thương hiệu - dịch vụ nổi tiếng Asean 2015.

Bên cạnh đó, Vinamilk tiếp tục nâng cao giá trị mang đến cho cộng đồng bằng việc triển khai chương trình thức ăn tinh cho các trang trại và hộ chăn nuôi bò sữa: Kiểm soát chặt chẽ chất lượng và giảm giá thành sản xuất sữa.

- Ký kết hợp đồng dài hạn thu mua thức ăn thô xanh với các hộ dân khu vực lân cận trang trại, đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho dân.



Xã hội

Đối với khía cạnh xã hội, có thể kể đến các chương trình hành động nổi bật trong năm như sau:

Người lao động

Tiếp tục phát huy những cam kết về điều kiện làm việc an toàn và được chăm sóc sức khỏe, phát triển đội ngũ đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử, đảm bảo các quyền lợi pháp luật quy định, giá trị lao động được ghi nhận và bù đắp, phát triển nhân viên. Năm 2015 là năm thứ 2 liên tiếp Vinamilk là Nhà tuyển dụng được người lao động yêu thích nhất. Theo chia sẻ của người lao động tham gia nhóm khảo sát, nhân tố quan trọng tạo nên Nhà tuyển dụng lý tưởng là cơ hội phát triển nghề nghiệp, môi trường làm việc đa dạng và không phân biệt đối xử. Thu nhập hấp dẫn, tiền thưởng và các lợi ích tài chính khác cũng được người lao động quan tâm nhưng lại không phải vấn đề được họ đặt lên hàng đầu. Tại Vinamilk, không chỉ có chính sách dành cho người lao động thuộc biên chế Công ty, người lao động của các đối tác trong chuỗi cung ứng với các chính sách ký kết yêu cầu đối tác đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Cuối năm 2015, cùng với thành công trong việc triển khai chứng nhận Hệ thống tích hợp PAS 99,



lần đầu tiên Vinamilk triển khai chương trình Đánh giá nội bộ tích hợp Hệ thống An toàn - Sức khỏe nghề nghiệp - Môi trường tại các nhà máy. Chương trình với trọng tâm hướng đến người lao động, nâng cao nhận thức về An toàn - Sức khỏe nghề nghiệp - Môi trường của từng cá nhân.

Phát triển nhân viên: Trong năm 2015 với các chương trình đào tạo Kỹ năng quản trị cho Lãnh đạo cấp cao, Sáu phong cách Lãnh đạo, Quản trị bản thân, Văn hóa sống có trách nhiệm..., đội ngũ Lãnh đạo tại Vinamilk đã được trang bị những hành trang quý báu cho việc xây dựng văn hóa đổi mới cho doanh nghiệp và trong công cuộc phát triển bền vững.

Người tiêu dùng: Sức khỏe là vấn đề luôn được người tiêu dùng quan tâm và do đó bên cạnh chất lượng, sức khỏe luôn là tiêu chí hàng đầu cũng như là kim chỉ nam của Vinamilk trong việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Năm 2015, Vinamilk đã nỗ lực không ngừng mang những cải tiến cho sản phẩm của mình với 34 sản phẩm mới được tung ra thị trường, phục vụ đa dạng khách hàng với những nhu cầu khác nhau về sở thích cũng như sức khỏe.

Với hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế FSSC 22000 về an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025, công nghệ tiên tiến cùng nền tảng quản lý chất lượng theo hệ thống ISO 9000, Vinamilk đang giữ vững cam kết và thực thi sứ mệnh **“Vinamilk cam kết mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng và chất lượng cao cấp hàng đầu bằng chính sự trân trọng, tình yêu và trách nhiệm cao của mình với cuộc sống con người và xã hội”**.

Trong năm 2015, Công ty Vinamilk đã thực hiện rất nhiều chương trình cộng đồng, các chương trình đền ơn đáp nghĩa, chương trình từ thiện xã hội với tổng giá trị khoảng 25 tỷ đồng. Tiêu biểu có thể kể đến các chương trình sau:

Chương trình “Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam”:

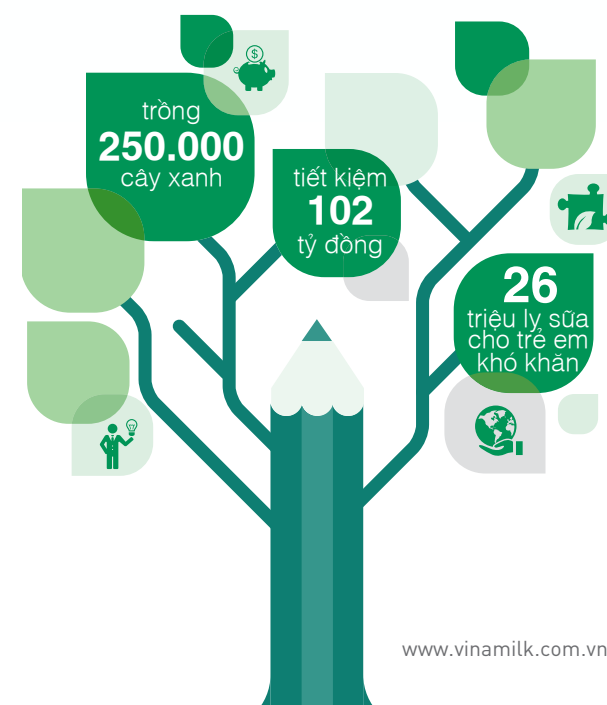
Tính đến nay, qua 8 năm hành trình Quỹ sữa, tổng số lượng sữa mà Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam đã đem đến cho hơn 333.000 trẻ em khó khăn tại Việt Nam là gần 26 triệu ly sữa (tương đương khoảng 94 tỷ đồng). Năm 2015, Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam đã trao sữa cho 727 điểm thụ hưởng trên cả nước.

Tổ chức thành công 3 sự kiện trao sữa trong năm 2015 tại Nghệ An (ngày 27/7/2015), Lâm Đồng (ngày 26/9/2015), Bến Tre (ngày 2/12/2015).

Chương trình “Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam”:

Sau 4 năm thực hiện chương trình, Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam đã thực hiện trồng cây tại 20 tỉnh thành trên cả nước, với tổng số hơn 250.000 cây xanh các loại.

Chương trình năm 2015 đã thực hiện trồng hơn 13.000 cây xanh tại Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại Quảng Bình vào ngày 6/3/2015; Trồng 5.610 cây sao đen, cây keo vào ngày 26/7 tại Ngã ba Đồng Lộc, Hà Tĩnh và gần 11.000 cây tại Khu di tích đường Hồ Chí Minh trên biển tại Bến Tre vào ngày 2/12/2015.



TỪ GIÁ TRỊ HÀNG ĐẦU



PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Cho VIỆT NAM
VƯƠN CAO





1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh nội địa

Hoạt động phân phối đa dạng cùng các chương trình marketing hiệu quả, nắm bắt nhu cầu thị trường tốt. Song song, công tác phát triển sản phẩm bắt kịp nhịp thị trường. Việc có những bước đi táo bạo nhưng hiệu quả trong việc nâng cao hoạt động phân phối và chất lượng dịch vụ đã đem lại kết quả khá ấn tượng.

Hoạt động kinh doanh ở thị trường nước ngoài

Công việc kinh doanh đã đạt thành tích ấn tượng trong điều kiện biến động của thế giới nói chung và các thị trường truyền thống nói riêng. Doanh thu tăng trưởng ấn tượng và các công tác xúc tiến thương mại đã đạt một bước dài.

Hoạt động của chuỗi giá trị

Công tác mua nguyên vật liệu đạt hiệu quả cao do nắm bắt thời cơ tốt. Phát triển đàn bò có kết hợp phát triển kinh tế vùng lân cận.

Công tác sản xuất đảm bảo chất lượng tuyệt đối và cung cấp đầy đủ sản phẩm cho thị trường. Công tác logistic và kho bãi đã bắt nhịp đồng điệu với các hoạt động của toàn chuỗi giá trị.

Hoạt động của các khối hỗ trợ

Môi trường làm việc đã duy trì vị thế là Công ty được yêu thích và hài lòng.

Công tác đầu tư xây dựng đúng tiến độ và yêu cầu sản xuất sản phẩm cũng như các trang thiết bị phục vụ kinh doanh.

Công nghệ thông tin đảm bảo thông suốt, an toàn và bảo mật. Phát triển nhiều ứng dụng đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

Hệ thống kiểm soát đảm bảo các quy trình chặt chẽ, tinh gọn và ngày càng gần với các thực hành tiên tiến phổ biến. Hệ thống quản trị và tuân thủ đã đưa Vinamilk là một trong số ít đơn vị Việt Nam đạt giải thưởng về Quản trị tốt.

Các hoạt động ở nước ngoài được thực hiện cẩn trọng và có hệ thống.





2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Phương pháp kiểm tra, giám sát

HĐQT đã ban hành quy định về đánh giá năng lực đối với Tổng Giám đốc và thành viên BDH theo quy định tại Quy chế Quản trị Công ty. Theo đó, HĐQT đã sử dụng phương pháp dựa vào: (i) Các bản tự đánh giá hoạt động của các thành viên BDH và (ii) Ý kiến đánh giá của Tổng Giám đốc đối với thành viên BDH đó. Nội dung đánh giá tập trung vào việc BDH thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Các thành viên BDH được đánh giá trên cả 2 phương diện: Kết quả thực hiện các mục tiêu theo Balanced scorecard (MBO) và các năng lực (competency).

Trên thực tế, việc tự đánh giá của từng thành viên BDH và đánh giá của Tổng Giám đốc đối với từng thành viên BDH được thực hiện thường xuyên, theo định kỳ, dựa trên hệ thống các tiêu chí định lượng và định tính khách quan, khoa học, được cá thể hóa phù hợp Bảng mô tả công việc và chức trách nhiệm vụ của mỗi thành viên BDH. Kết quả đánh giá được cung cấp, thuyết minh đầy đủ cho Tiểu ban Nhân sự của HĐQT xem xét, trước khi đưa ra HĐQT thảo luận, thông qua.

- Thông qua các cuộc họp HĐQT hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất, HĐQT đã thẳng thắn trao đổi và chất vấn các hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tháng 4/2015. Tổng Giám đốc và thành viên BDH cũng thường xuyên chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với BKS để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Tổng Giám đốc

và BDH để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Các thành viên của BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT trao đổi, đưa ý kiến về các vấn đề liên quan với tư cách là giám sát viên và đại diện của cổ đông.

- HĐQT thông qua các Nghị quyết sau mỗi buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua các kế hoạch của Quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Tổng Giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

Kết quả giám sát

Trong năm 2015, BDH đã nỗ lực trong việc hoàn thành mục tiêu doanh thu cũng như lợi nhuận. Thành tích có được xuất phát từ sự điều hành của Tổng Giám đốc và sự phối hợp giữa các khối, phòng trong Công ty. Ngoài ra, sự chủ động phối hợp với HĐQT đã đảm bảo cho HĐQT nắm bắt tình hình và giám sát tốt hoạt động của Công ty.

Định kỳ 2 lần trong năm, HĐQT đã thực hiện đánh giá BDH dựa trên kết quả đánh giá về thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, bốn phẩm chất và năng lực, kỹ năng của Cán bộ quản lý cấp cao. Hầu hết các thành viên BDH và Cán bộ quản lý cấp cao đều đạt yêu cầu, tuy nhiên cho chiến lược, mục tiêu sắp tới, HĐQT sẽ chú trọng hơn nữa các nội dung về hoạch định kế thừa, lãnh đạo và kiến thức - kỹ năng cần thiết cho giai đoạn mới.

Kết luận

Theo đánh giá của HĐQT, Tổng Giám đốc và phần lớn BDH đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2015, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.



3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2016, HĐQT sẽ soát xét tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2012 - 2016, cũng là của nhiệm kỳ 2012 - 2016. Cùng với nội dung trên, HĐQT sẽ soát xét tầm nhìn, sứ mệnh và xây dựng các mục tiêu chiến lược dài hạn cho Công ty trong giai đoạn mới.

Trong giai đoạn từ năm 2017, HĐQT sẽ rất chú trọng việc cân bằng giữa mục tiêu tài chính với các mục tiêu phi tài chính để đảm bảo Công ty phát triển một cách bền vững và có những bước tiến vững chắc hơn ra thị trường thế giới trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và có nhiều biến động.

Một kế hoạch đồng bộ sẽ được thực thi từ việc hoàn thiện và nâng cao tầm quản trị Công ty, việc thiết lập cơ cấu tổ chức hoạt động hiệu quả với các thực hành quản lý và quy trình tiên tiến cho đến việc soát xét điều lệ Công ty phù hợp với yêu cầu mới trong thực tiễn cũng như pháp luật. Một điều chắc chắn là nội dung nhân sự kế thừa sẽ được giám sát thực hiện đối với cả HĐQT cũng như BDH.



TỪ QUẢN TRỊ
tiên tiến

phát triển
những TÀI NĂNG

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
4. Báo cáo Quản trị rủi ro



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Hiện nay, HĐQT có 6 thành viên như sau:

STT	Họ & tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (31/12/2015)
1	Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập	-
2	Lê Song Lai	Thành viên HĐQT không điều hành	Đại diện cho SCIC: 37,55%
3	Mai Kiều Liên	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,27%
4	Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT không điều hành	Đại diện cho 6 quỹ đầu tư nước ngoài: 2,96%
5	Ng Jui Sia	Thành viên HĐQT không điều hành	Đại diện cho F&N Dairy Investments Pte Ltd: 11,03%
6	Ngô Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành Dự án	Đại diện cho SCIC: 7,51% Cá nhân: 0,08%

Vui lòng xem từ trang 28 đến 33 cho nội dung “Giới thiệu Hội đồng Quản trị”.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

HĐQT thành lập 4 tiểu ban để giúp HĐQT thực hiện chức năng của mình như sau:

STT	Tiểu ban	Các thành viên
1	Nhân sự	Bà Lê Thị Băng Tâm - Trưởng Tiểu ban
		Bà Mai Kiều Liên - Thành viên
		Ông Lê Song Lai - Thành viên
2	Chính sách Phát triển	Ông Lê Song Lai - Trưởng Tiểu ban
		Bà Mai Kiều Liên - Thành viên
		Bà Ngô Thị Thu Trang - Thành viên
3	Lương thưởng	Ông Lê Anh Minh - Trưởng Tiểu ban
		Ông Ng Jui Sia - Thành viên
		Bà Lê Thị Băng Tâm - Thành viên
4	Quản lý rủi ro	Ông Ng Jui Sia - Trưởng Tiểu ban
		Ông Lê Anh Minh - Thành viên
		Bà Ngô Thị Thu Trang - Thành viên

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

HĐQT có 4 cuộc họp với các nội dung chính như sau:

Cuộc họp 1: ngày 30/1/2015

- Xem xét hoạt động kinh doanh năm 2014.
- Thảo luận về kế hoạch doanh thu - lợi nhuận năm 2015 để trình ĐHĐCĐ.
- Thông qua báo cáo đánh giá rủi ro Quý 4/2014.
- Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.
- Đánh giá hoạt động của HĐQT và thông qua thưởng cho các thành viên HĐQT năm 2014 (trích từ thù lao HĐQT đã được ĐHĐCĐ duyệt).
- Đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc, các Giám đốc Điều hành và Kế toán trưởng và thông qua mức thưởng cho năm 2014.

Cuộc họp 2: ngày 2/4/2015

- Thông qua các nội dung chuẩn bị trình ĐHĐCĐ năm 2015.
- Thông qua chủ trương mua chi phối 1 công ty để phát triển trang trại và giao cho Tổng Giám đốc làm việc với các bên liên quan để trình lại HĐQT quyết định.
- Thông qua chính sách thù lao (sửa đổi) của HĐQT.

Cuộc họp 3: ngày 24/7/2015

- Thông qua nội dung cần có vị trí Giám đốc Điều hành Hoạt động (COO) và giao Tổng Giám đốc bổ nhiệm nhân sự cụ thể.
- Thông qua việc phân công các Tiểu ban của HĐQT.
- Thông qua kế hoạch Quý 3/2015.
- Thông qua kết quả bầu Chủ tịch HĐQT mới kể từ ngày 25/7/2015.

Cuộc họp 4: ngày 30/11/2015

- Thông qua chương trình thưởng dài hạn theo kết quả hoạt động, giao cho Tiểu ban Lương thưởng của HĐQT phối hợp với công ty tư vấn thực thi chương trình.
- Thông qua kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2015.
- Thảo luận về kế hoạch năm 2016.
- Thông qua Báo cáo quản lý rủi ro Quý 3/2015.
- Thông qua lịch họp HĐQT năm 2016.

Công tác đánh giá hoạt động

- HĐQT tổ chức đánh giá từng thành viên HĐQT và HĐQT theo các nội dung: sự chuẩn bị, sự tham gia và đóng góp cho các cuộc họp HĐQT.
- Ngoài ra, vai trò, đặc tính cá nhân và tính chuyên nghiệp cùng 4 bốn phận của thành viên HĐQT cũng là tiêu chí dùng cho việc đánh giá.
- Phương pháp đánh giá kết hợp với việc tự đánh giá và đánh giá chéo thông qua thảo luận.

Kết quả: Toàn bộ các thành viên HĐQT cũng như HĐQT đạt kết quả tốt.



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và các Tiểu ban

Ngoài ra, các Tiểu ban của HĐQT cũng có các cuộc họp riêng liên quan đến lĩnh vực của mình.

Cụ thể các cuộc họp theo từng Tiểu ban như sau:

- **Tiểu ban Chiến lược:** Tiểu ban Chiến lược có tổ chức 2 cuộc họp. Nội dung các cuộc họp chú trọng việc soát xét tầm nhìn và kế hoạch dài hạn của Công ty. Tiểu ban cũng thảo luận về nội dung chuẩn bị cho kế hoạch giai đoạn 2017 - 2021.
- **Tiểu ban Quản lý Rủi ro:** Tiểu ban Quản lý Rủi ro có 4 cuộc họp. Nội dung chính của các cuộc họp là các rủi ro hàng đầu mà Công ty cần chú trọng. Theo đó, Tiểu ban giám sát chặt chẽ cơ chế kiểm soát rủi ro và các hành động ứng phó của Công ty. Tiểu ban đã có những buổi làm việc cụ thể với phòng Quản lý Rủi ro và BKS nhằm nắm bắt đúng, kịp thời các thực tế phát sinh. Tiểu ban cũng chú trọng việc nâng cao kiến thức và kỹ năng quản lý đối với tất cả các Chủ sở hữu rủi ro liên quan.
- **Tiểu ban Nhân sự:** Tiểu ban Nhân sự có 2 cuộc họp. Nội dung chính của cuộc họp chú trọng vào đánh giá Tổng Giám đốc, BDH và chương trình hoạch định nhân sự kế thừa cho Công ty. Mỗi 6 tháng, Tiểu ban tiến hành đánh giá và giám sát đánh giá của Tổng Giám đốc và BDH.
- **Tiểu ban Lương thưởng:** Tiểu ban Lương thưởng đã họp 2 lần. Kết quả chủ yếu là phát triển chương trình thưởng dài hạn cho cấp quản lý của Công ty. Chương trình này áp dụng các thực hành tiên tiến là một công cụ hữu hiệu để gắn kết lợi ích của cấp quản lý với lợi ích của Công ty trong dài hạn.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty

- Bà Lê Thị Băng Tâm
- Ông Lê Song Lai
- Bà Mai Kiều Liên
- Ông Lê Anh Minh
- Ông Ng Jui Sia
- Bà Ngô Thị Thu Trang





2. BAN KIỂM SOÁT

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

BKS có 4 thành viên như sau:

STT	Họ & tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (31/12/2015)
1	Nguyễn Trung Kiên	Trưởng ban	0,003%
2	Nguyễn Đình An	Thành viên	-
3	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	0,003%
4	Vũ Trí Thức	Thành viên	-

Vui lòng xem từ trang 34 đến 35 cho nội dung “Giới thiệu Ban Kiểm soát”.

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Các thành viên BKS do HĐQT bầu ra để thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2015, BKS tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, góp phần nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Trong năm 2015, BKS đã tổ chức 4 phiên họp chính thức như sau:

Phiên họp/ Số thành viên tham gia	Nội dung chính
Phiên 1 25/3/2015 4/4	- Thảo luận kế hoạch kiểm tra các quy trình kinh doanh chính trong năm 2015. - Thảo luận về việc chọn công ty tư vấn để đánh giá rủi ro An ninh thông tin.
Phiên 2 19/5/2015 4/4	- Phân công trách nhiệm theo dõi, kiểm tra từng hạng mục công việc trong năm cho các thành viên BKS. - Phê duyệt chính sách đãi ngộ cho thành viên BKS.
Phiên 3 24/7/2015 4/4	- Thảo luận về các công việc đã triển khai trong 6 tháng, bao gồm: ✓ Các kết quả KTNB; ✓ Tình hình giám sát báo cáo tài chính. - Công ty tư vấn báo cáo kết quả đánh giá rủi ro An ninh thông tin.
Phiên 4 26/1/2016 4/4	- Tổng kết các hoạt động của BKS và KTNB trong năm 2015. - Đánh giá, xếp loại vị trí Giám đốc KTNB. - Thảo luận về thủ tục chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016.

Ngoài 4 phiên họp chính, BKS còn thực hiện các trao đổi giữa các thành viên BKS qua email, điện thoại; tổ chức và tham gia nhiều cuộc họp với HĐQT, Tiểu ban Quản lý Rủi ro của HĐQT, KTNB, Kiểm toán độc lập và các đơn vị tư vấn tiềm năng nhằm hoàn thành các nhiệm vụ của BKS.

c. Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết HĐQT năm 2015

Trong năm 2015, Vinamilk đã triển khai đầy đủ các kế hoạch được HĐQT thông qua vào tháng 4/2015, bao gồm:

- Phân phối lợi nhuận năm 2014 và 2015: Vinamilk đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ bao gồm: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi, hoàn thành chi trả cổ tức năm 2014 và tạm ứng cổ tức năm 2015.
- Kết quả kinh doanh năm 2015: Với sự hồi phục sức mua của nền kinh tế, Vinamilk đã hoàn thành vượt mức doanh thu và lợi nhuận trước thuế của HĐQT giao.
- Tình hình đầu tư tài sản: Toàn bộ giá trị giải ngân thực tế đạt 38% kế hoạch.
- Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: Theo đúng mức HĐQT phê duyệt.

Giám sát tình hình tài chính năm 2015

Trong năm 2015, BKS tiếp tục đẩy mạnh sự tương tác thường xuyên với Kiểm toán độc lập của Vinamilk (Công ty TNHH KPMG Việt Nam, sau đây gọi là KPMG). BKS đã rà soát, đánh giá phạm vi của các dịch vụ ngoài kiểm toán mà KPMG cung cấp cho Công ty để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong các hoạt động kiểm toán.

Phí kiểm toán và các phí tư vấn khác mà Vinamilk đã trả cho KPMG trong năm tài chính 2015 (không bao gồm VAT) như sau:

- Phí kiểm toán báo cáo tài chính: 1.529 triệu VND
- Phí tư vấn khác: 512 triệu VND

BKS đánh giá tính chất và phạm vi của các dịch vụ tư vấn không làm ảnh hưởng đến tính độc lập và khách quan của Kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán báo cáo tài chính.

Trong năm 2015, BKS cũng tham gia tích cực và chủ động hơn vào quy trình phát hành báo cáo tài chính của Công ty. Bắt đầu từ phiên họp thứ 2 năm 2015, KPMG đã tham gia các cuộc họp chính thức của BKS, cung cấp cho BKS báo cáo phân tích sự biến động của các khoản mục trọng yếu trên báo cáo tài chính. Sau đó, BKS đã soát xét ý kiến của KPMG trước khi trình HĐQT chấp thuận phát hành báo cáo tài chính hàng quý và cuối năm.

BKS đánh giá tình hình tài chính của Vinamilk trong năm 2015 rất tốt với các kết quả như sau:

- Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao; và
- Kết quả doanh thu và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk vượt chỉ tiêu do HĐQT phê duyệt.



2. BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Giám sát tình hình hoạt động năm 2015

Hoạt động quản trị rủi ro

Với sự quan tâm sâu sát của Tiểu ban Quản lý Rủi ro, hoạt động quản trị rủi ro năm 2015 của Vinamilk đã có sự phát triển đáng kể và gắn bó chặt chẽ hơn với hoạt động sản xuất kinh doanh. BKS đã tham gia các cuộc họp hàng quý đánh giá rủi ro cấp Công ty cũng như thường xuyên trao đổi và đóng góp ý kiến với Tiểu ban Quản lý Rủi ro và Ban Lãnh đạo Vinamilk.

Hoạt động kiểm tra của phòng KTNB

Phòng KTNB vẫn tiếp tục là một bộ phận trực thuộc BKS, độc lập với hoạt động điều hành của Vinamilk. KTNB có đầy đủ nguồn lực cần thiết và quyền tiếp cận thông tin để thực hiện kiểm toán. KTNB cũng có quyền tiếp cận trực tiếp tới Chủ tịch HĐQT và BKS để báo cáo về các kết quả kiểm toán.

Phòng KTNB đã hoàn thành việc kiểm toán các quy trình sau trong năm 2015:

- Quy trình quản lý hoạt động Xí nghiệp kho vận
- Quy trình mua nguyên vật liệu và khai báo hải quan
- Quy trình quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh
- Quy trình quản lý chất lượng sản phẩm tại nhà máy
- Quy trình quản lý trang trại
- Quy trình quản lý hoạt động Marketing
- Quy trình quản lý giao dịch với thành viên liên quan
- Quy trình kiểm soát rủi ro An ninh thông tin (phối hợp cùng đơn vị tư vấn)

Kết quả đánh giá sự tuân thủ pháp luật, điều lệ và các quy định

BKS nhận thấy không có rủi ro đáng kể trong hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy định của các nhân viên và quản lý Vinamilk. Trong năm 2015, các phát hiện kiểm toán đã được xác định trách nhiệm và đưa vào tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của từng cá nhân liên quan, giúp nâng cao đáng kể ý thức về tuân thủ của các cấp quản lý và nhân viên. Các kế hoạch hành động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát theo khuyến nghị của KTNB cũng được các khối điều hành trong Vinamilk triển khai đầy đủ.

Giám sát hoạt động giữa BKS với HĐQT, BĐH và cổ đông

Trong năm 2015, BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế tại Vinamilk để đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban Lãnh đạo trong việc thực hiện các mục tiêu được ĐHCĐ phê duyệt.

Xét chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016

BKS đã thông báo cho HĐQT các thủ tục trình ĐHCĐ phê chuẩn chọn công ty Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016 trong kỳ họp ĐHCĐ gần nhất.

d. Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Ban Kiểm soát

BKS sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kiểm tra giám sát thông qua KTNB, Kiểm toán độc lập, và các hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS.

Kiểm toán nội bộ

Phòng KTNB sẽ tiếp tục kiểm toán dựa trên danh mục rủi ro của Công ty, đảm bảo hoạt động KTNB được thực hiện đối với những rủi ro sản xuất kinh doanh quan trọng nhất. Phạm vi kiểm toán sẽ được mở rộng nhiều hơn tới các đơn vị nhằm nâng cao ý thức tuân thủ của các nhân viên và quản lý toàn Công ty.

Kiểm toán độc lập

BKS sẽ tiếp tục duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập, chủ động giám sát chất lượng và cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

Hệ thống quản trị rủi ro

BKS sẽ tiếp tục theo dõi, thúc đẩy việc triển khai hệ thống quản trị rủi ro tới các khối điều hành, hỗ trợ Công ty cập nhật các xu hướng quản trị rủi ro tiên tiến.





3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Mức thu nhập		Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
Hội đồng Quản trị					
Bà	Lê Thị Băng Tâm		52%	48%	100%
Ông	Lê Song Lai		45%	55%	100%
Bà	Mai Kiều Liên	26%	73%	1%	100%
Ông	Lê Anh Minh		45%	55%	100%
Ông	Ng Jui Sia		47%	53%	100%
Bà	Ngô Thị Thu Trang	46%	51%	3%	100%
Ban Kiểm soát					
Ông	Nguyễn Trung Kiên		0%	100%	100%
Ông	Nguyễn Đình An		0%	100%	100%
Bà	Nguyễn Thị Tuyết Mai		0%	100%	100%
Ông	Vũ Trí Thức		0%	100%	100%
Ban Điều hành					
Ông	Mai Hoài Anh	50%	50%		100%
Ông	Trịnh Quốc Dũng	47%	53%		100%
Bà	Nguyễn Thị Thanh Hòa	47%	53%		100%
Bà	Bùi Thị Hương	46%	54%		100%
Ông	Lê Thành Liêm	47%	53%		100%
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	50%	50%		100%
Ông	Phan Minh Tiên	57%	43%		100%
Ông	Trần Minh Văn	50%	50%		100%

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SCIC (SIC)	Thành viên HĐQT	137.710	0,01%	11	0,00%	Mua & bán
2	Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh	Thành viên HĐQT	2.500	0,00%	-	0,00%	Mua & bán

3	Norges Bank	Thành viên HĐQT	4.191.000	0,42%	5.529.200	0,46%	Mua
4	The CH/SE Asia Investment Holdings (Singapore) PTE., Limited	Thành viên HĐQT	144.000	0,01%	197.388	0,02%	Mua
5	Vietnam Enterprise Investments Limited	Thành viên HĐQT	11.536.344	1,15%	12.643.612	1,05%	Bán
6	DC Developing Markets Strategies Public Limited Company	Thành viên HĐQT	146.400	0,01%	274.646	0,02%	Mua & bán
7	Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành	-	0,00%	24.000	0,00%	Mua
8	Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành	165.552	0,02%	54.662	0,00%	Bán
9	Mai Quang Liêm	Em ruột Tổng Giám đốc	214.860	0,02%	145.884	0,01%	Bán

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Theo quy định tại Điều lệ của Vinamilk về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quyền lợi, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên BDH, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý quan trọng khác được HĐQT bổ nhiệm và bãi miễn theo đề nghị của Tổng Giám đốc, có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan.

Trong năm 2015, Công ty không nhận được bất kỳ thông báo nào từ các thành viên này về việc phát sinh các giao dịch. Công ty cũng không có bất kỳ các khoản vay, bảo lãnh hoặc cho vay đối với các thành viên trên hay người có liên quan của họ.

Trong năm 2015, Công ty có hoạt động gửi tiền và mua trái phiếu của Ngân hàng HDBank với tổng số dư cuối năm 2015 là 790 tỷ đồng. Giao dịch này được HĐQT phê duyệt vào ngày 11/2/2015 do có liên quan đến thành viên HĐQT, Bà Lê Thị Băng Tâm đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Vinamilk và Ngân hàng HDBank.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các hoạt động nhằm nâng cao thực hành quản trị:

- Phát triển thêm tài liệu về chương trình và thủ tục phòng chống tham nhũng, bao gồm cả kênh tố giác các sự việc không phù hợp.
- Phát triển hơn nữa tính minh bạch trong việc lựa chọn nhà cung cấp và nhà thầu.
- Phát triển thêm kênh thông tin với nhà cung cấp, công chúng cộng đồng.
- HĐQT tổ chức các buổi họp riêng với các thành viên không điều hành.

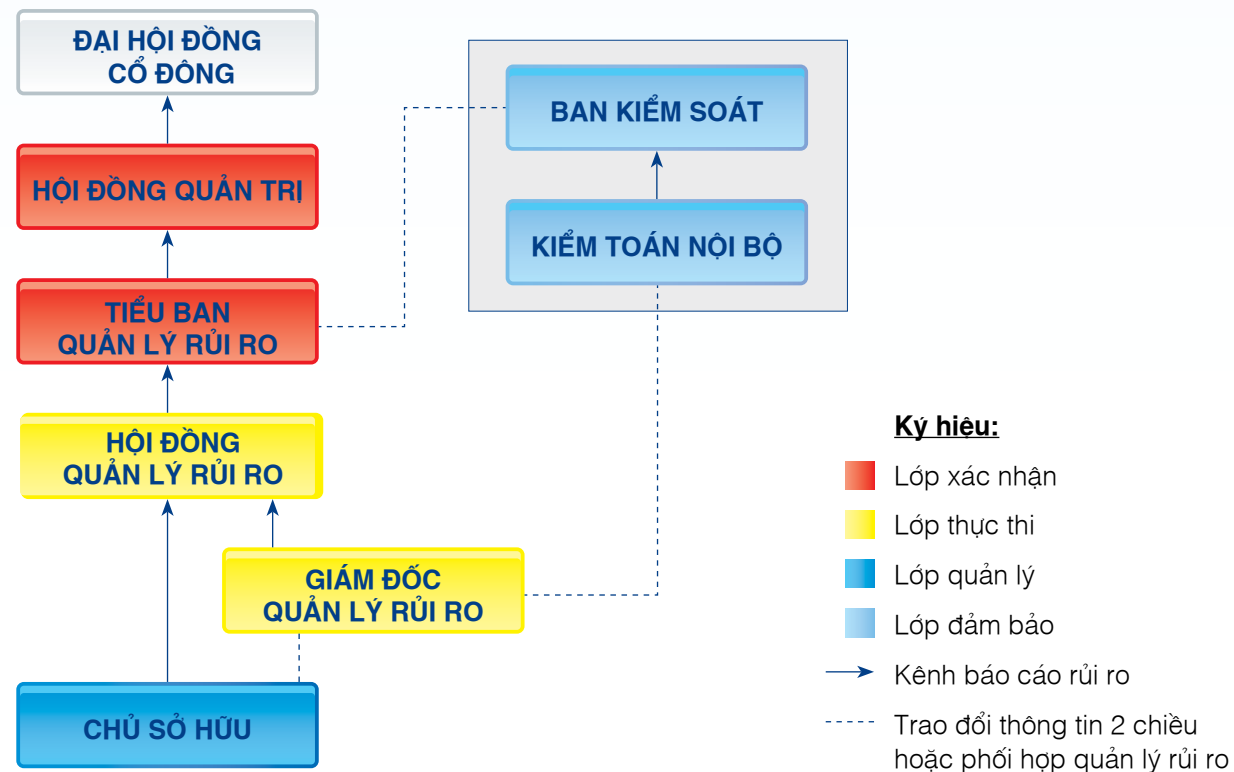


4. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

TỪ NHỮNG BƯỚC TRIỂN KHAI ĐẦU TIÊN VÀO NĂM 2010, Hệ thống Quản trị rủi ro (ERM) của Vinamilk đã trải qua hơn 5 năm vận hành và phát triển. Đến nay, ERM đã trở thành một hoạt động quan trọng và không tách rời trong tổng thể hệ thống quản trị của Công ty với sự tham gia của tất cả các cấp nhân viên và HĐQT. Bên cạnh đó, phòng KTNB trực thuộc BKS hỗ trợ Tiểu ban Quản lý Rủi ro trong việc giám sát để đảm bảo cơ chế hoạt động của ERM được vận hành hiệu quả bởi các Chủ sở hữu rủi ro.

Cơ cấu hoạt động

Hiện nay, cơ cấu hoạt động ERM của Vinamilk được duy trì theo mô hình:



Trong đó:

Co cấu	Vai trò
Hội đồng Quản trị	- Phê duyệt cơ cấu và chính sách quản lý rủi ro. - Giám sát và xem xét tính hiệu quả của cơ cấu quản lý rủi ro. - Đưa ra các định hướng và phê duyệt mức chấp nhận rủi ro. - Định kỳ xem xét các báo cáo và đánh giá tình hình thực hiện quản lý rủi ro. - Đồng thời cũng đưa ra các đánh giá về rủi ro và các hành động giảm thiểu rủi ro. * Tiểu ban Quản lý Rủi ro: Hỗ trợ HĐQT trong việc thực thi các vai trò quản lý rủi ro.
Hội đồng Quản lý rủi ro Công ty	- Rà soát kết quả đánh giá của các Chủ sở hữu rủi ro. - Lập báo cáo quản lý rủi ro định kỳ.
Chủ sở hữu rủi ro	- Thực hiện nhận diện, đánh giá và xếp hạng rủi ro trong lĩnh vực phụ trách. - Đề xuất các kế hoạch hành động. - Giải trình các rủi ro quan trọng với Tiểu ban.
Bộ phận Quản lý rủi ro	- Tổ chức triển khai, điều phối các hoạt động quản lý rủi ro. - Triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức quản lý rủi ro. - Xác lập tài liệu hướng dẫn các phương pháp, quy trình quản lý rủi ro
Ban Kiểm soát - Kiểm toán nội bộ	Giám sát và đánh giá việc vận hành hệ thống quản lý rủi ro.

Các hoạt động ERM được triển khai

Đánh giá rủi ro định kỳ:

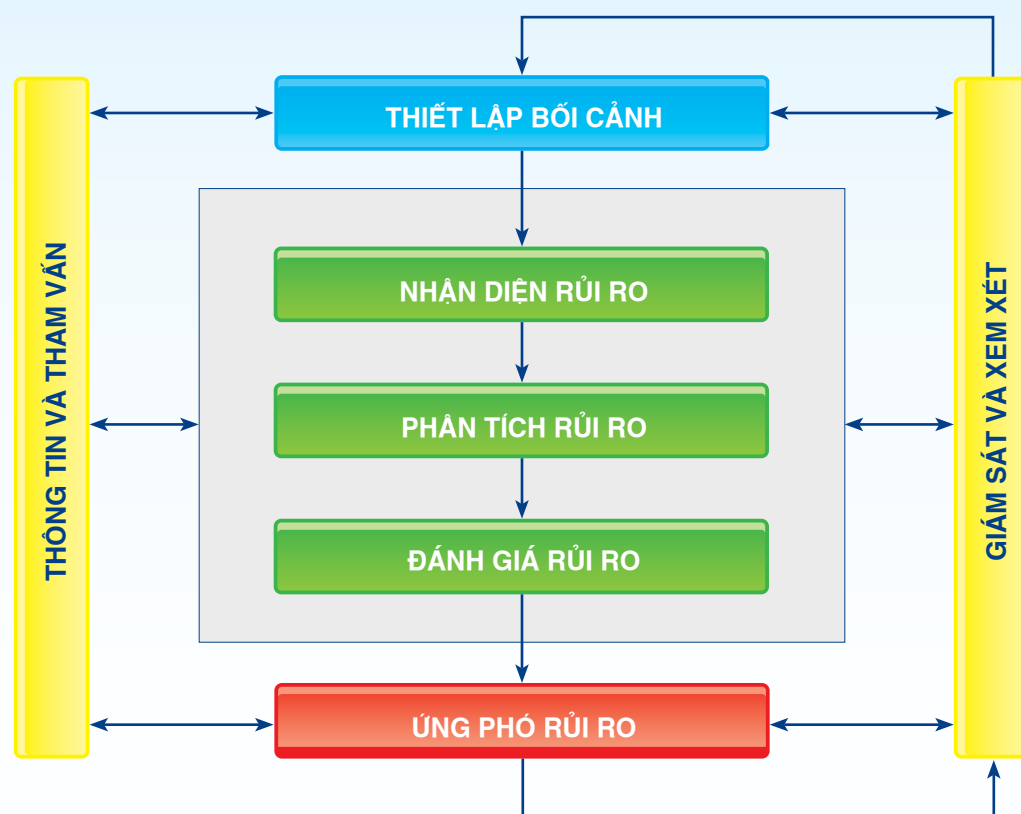
Hoạt động đánh giá rủi ro được thực hiện theo định kỳ hàng quý. Theo đó, các Chủ sở hữu rủi ro và Hội đồng rủi ro Công ty thực hiện đánh giá mức độ các rủi ro trong kỳ căn cứ trên các sự kiện thực tế, tiêu chí thông số rủi ro và đề ra các kế hoạch hành động phù hợp. Sau đó, kết quả đánh giá rủi ro sẽ được báo cáo đến Tiểu ban Quản lý rủi ro của HĐQT để xem xét và cho ý kiến.

Các kết quả đánh giá rủi ro đồng thời cũng được báo cáo như là một trong các nội dung họp chính thức trong các cuộc họp HĐQT định kỳ.



4. BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

Quy trình quản lý rủi ro:



Hoạt động tự đánh giá các kiểm soát (Control Self Assessment):

Hoạt động tự đánh giá các kiểm soát là chương trình được triển khai để các chủ quy trình, các nhân sự thực hiện các kiểm soát tự đánh giá về mức độ hiệu quả của kiểm soát, bao gồm cả về khía cạnh thiết kế của kiểm soát và mức độ tuân thủ của người thực hiện. Hoạt động này nhằm:

- Tạo ra văn hóa và ý thức tự giác kiểm soát trong tổ chức.
- Phát hiện kịp thời các điểm kiểm soát được thiết kế chưa hiệu quả và những nơi chưa được tuân thủ tốt.
- Đề ra các giải pháp khắc phục phù hợp.

Hoạt động tự đánh giá các kiểm soát được triển khai theo định kỳ 6 tháng.

Tích hợp quản lý rủi ro vào các quy trình trọng yếu:

Bên cạnh các hoạt động đánh giá định kỳ, hoạt động quản lý rủi ro còn được tích hợp vào các hoạt động quan trọng của Công ty như quản lý triển khai các dự án, chương trình tung sản phẩm mới... Theo đó, các nguyên tắc về quản lý rủi ro sẽ được áp dụng và tổ chức đánh giá định kỳ cho từng dự án, từng chương trình.

Phát hành Bản tin nội bộ về Quản lý rủi ro định kỳ:

Các Bản tin nội bộ về Quản lý rủi ro được phát hành định kỳ hàng quý. Đây là kênh thông tin để duy trì và liên tục nâng cao nhận thức quản lý rủi ro, cập nhật các xu hướng về quản lý rủi ro của thế giới và tình hình hoạt động quản lý rủi ro của Vinamilk. Bản tin nội bộ về Quản lý rủi ro được tổng hợp từ nhiều nguồn: các ấn phẩm, trang tin của các Hiệp hội, tổ chức về quản lý rủi ro, các sự kiện thực tế từ thông tin báo chí, các trường hợp (case study) thực tiễn. Bản tin nội bộ về Quản lý rủi ro bao gồm các nội dung chính:

- Điểm tin về các tin tức liên quan đến quản trị rủi ro thế giới và khu vực.
- Cập nhật các biến động về môi trường kinh tế xã hội và các tác động.
- Các hoạt động quản lý rủi ro trong kỳ của Công ty.
- Các bài học kinh nghiệm tiêu biểu.

Đánh giá về quản lý rủi ro năm 2015

Danh mục các rủi ro được phân thành 4 nhóm chính:

NHÓM RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Là nhóm các rủi ro được quản lý nhằm đảm bảo Công ty xây dựng được các chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp, xây dựng và phân bổ nguồn lực hợp lý và thích ứng kịp thời với những thay đổi trong môi trường kinh doanh.



NHÓM RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Là nhóm các rủi ro liên quan đến việc xảy ra các thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do việc thiếu các quy trình, con người, hệ thống hoạt động hiệu quả và/hoặc các sự kiện tác động từ bên ngoài, gây tác động đến việc thực thi các kế hoạch kinh doanh.



NHÓM RỦI RO TÀI CHÍNH

Là nhóm rủi ro liên quan đến các thiệt hại, tổn thất về tài chính, khả năng thanh toán các khoản nợ, quản lý tài sản.



NHÓM RỦI RO TUÂN THỦ

Là nhóm rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định pháp luật và các cam kết, chế định khác.



Nhìn chung, năm 2015, Hệ thống ERM của Vinamilk đã được vận hành hiệu quả và được tích hợp tốt vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với Nhóm Rủi ro Chiến lược, Vinamilk đã chú trọng phân tích và đánh giá các biến động về môi trường kinh tế - xã hội, ảnh hưởng của xu hướng hội nhập kinh tế, tự do hóa thương mại để đề ra kế hoạch xây dựng chiến lược và kế hoạch chiến lược trong tương lai. Nhóm Rủi ro Hoạt động được quản lý, đánh giá chặt chẽ, kịp thời xác định các vấn đề và đưa ra các hành động khắc phục kịp thời. Kết quả đánh giá của nhóm Rủi ro Tài chính thể hiện Vinamilk đã quản lý tốt về khía cạnh tài chính, cập nhật kịp thời các thay đổi trong chính sách quản lý tỷ giá của Nhà nước và vận dụng các công cụ tài chính phù hợp. Trong năm 2015, Công ty không ghi nhận bất cứ rủi ro trọng yếu nào trong nhóm Rủi ro Tuân thủ.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1. Thông tin về Công ty
- 2. Báo cáo của Ban Điều hành
- 3. Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 7. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

TỪ VỊ THẾ
tiên phong



vươn xa
tầm QUỐC TẾ

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giấy chứng nhận	4103001932	ngày 20 tháng 11 năm 2003
Đăng ký Doanh nghiệp số	0300588569	ngày 16 tháng 11 năm 2015
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300588569 ngày 16 tháng 11 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch (từ ngày 25 tháng 7 năm 2015)
		Thành viên (đến ngày 24 tháng 7 năm 2015)
	Bà Mai Kiều Liên	Thành viên (từ ngày 25 tháng 7 năm 2015)
		Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 7 năm 2015)
	Ông Lê Song Lai	Thành viên
	Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên
	Ông Ng Jui Sia	Thành viên
	Ông Lê Anh Minh	Thành viên
Ban Điều hành	Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
	Ông Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành Hoạt động (từ ngày 1 tháng 8 năm 2015)
		Giám đốc Điều hành Kinh doanh
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng Nguyên liệu
	Bà Ngô Thị Thu Trang	Giám đốc Điều hành Dự án
	Ông Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành Sản xuất
	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển
	Ông Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành Tiếp thị
	Bà Bùi Thị Hương	Giám đốc Nhân sự - Hành chính - Đối ngoại
	Ông Lê Thành Liêm	Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính (từ ngày 24 tháng 12 năm 2015)
Trụ sở đăng ký	10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, được trình bày từ trang 5 đến trang 65, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 2 năm 2016, được trình bày từ trang 115 đến trang 177.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-226/07



Chang Hung Chun
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		16.731.875.433.624	15.457.989.802.876
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.358.682.600.684	1.527.875.428.216
Tiền	111		1.212.517.600.684	993.333.794.600
Các khoản tương đương tiền	112		146.165.000.000	534.541.633.616
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.668.377.936.330	7.469.006.501.322
Chứng khoán kinh doanh	121	7(a)	525.980.876.577	704.814.872.722
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7(a)	(72.195.440.247)	(139.208.371.400)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(b)	8.214.592.500.000	6.903.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.685.469.151.432	2.777.099.430.909
Phải thu khách hàng	131	8	2.202.396.055.303	1.988.614.362.323
Trả trước cho người bán	132		126.289.719.352	420.615.080.215
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	359.995.340.900	370.036.643.588
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(3.211.964.123)	(5.917.834.434)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	3.751.179.217
Hàng tồn kho	140	11	3.810.095.215.771	3.554.823.963.018
Hàng tồn kho	141		3.827.369.319.952	3.567.948.334.861
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.274.104.181)	(13.124.371.843)
Tài sản ngắn hạn khác	150		209.250.529.407	129.184.479.411
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	156.056.494.506	115.703.239.463
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.192.367.873	13.465.035.833
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		1.667.028	16.204.115

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		10.746.300.510.728	10.312.148.258.081
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.898.388.770	21.965.907.697
Phải thu từ cho vay dài hạn	215		5.573.700.349	7.395.303.671
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	15.324.688.421	14.570.604.026
Tài sản cố định	220		8.214.134.749.497	8.086.395.812.459
Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.795.345.501.520	7.548.188.780.138
Nguyên giá	222		13.059.721.039.709	11.782.649.084.362
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.264.375.538.189)	(4.234.460.304.224)
Tài sản cố định vô hình	227	13	418.789.247.977	538.207.032.321
Nguyên giá	228		553.684.246.456	691.495.740.057
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(134.894.998.479)	(153.288.707.736)
Bất động sản đầu tư	230	14	142.368.204.632	147.725.868.615
Nguyên giá	231		179.678.050.557	179.594.679.077
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(37.309.845.925)	(31.868.810.462)
Tài sản dở dang dài hạn	240		843.679.104.973	889.715.794.757
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	15	82.393.992.187	65.283.282.436
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	761.285.112.786	824.432.512.321
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		940.365.020.223	671.339.515.656
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252	7(c)	397.130.670.931	317.972.437.657
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	11.378.476.240	11.628.368.600
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(4.740.126.948)	(4.857.290.601)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	536.596.000.000	346.596.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		584.855.042.633	495.005.358.897
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	417.329.840.261	183.505.250.834
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18(a)	25.180.187.314	150.793.168.409
Lợi thế thương mại	269	19	142.345.015.058	160.706.939.654
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		27.478.175.944.352	25.770.138.060.957

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.554.260.196.767	5.969.901.577.449
Nợ ngắn hạn	310		6.004.316.835.213	5.453.280.356.023
Phải trả người bán	311	20	2.193.602.809.261	1.898.529.392.924
Người mua trả tiền trước	312		19.882.391.510	17.826.386.435
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	21	215.807.811.014	502.643.076.304
Phải trả người lao động	314		452.476.117.228	163.476.907.176
Chi phí phải trả	315	22	593.485.587.927	632.991.337.019
Doanh thu chưa thực hiện	318		1.350.893.817	17.424.992
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	644.468.337.067	598.428.618.781
Vay ngắn hạn	320	24(a)	1.475.358.507.208	1.279.525.014.840
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25(a)	2.420.017.605	4.122.882.763
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	26	405.464.362.576	355.719.314.789
Nợ dài hạn	330		549.943.361.554	516.621.221.426
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.598.840.218	-
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	2.814.519.233	8.192.561.774
Vay dài hạn	338	24(b)	368.170.178.853	346.383.586.552
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18(b)	89.034.118.250	84.711.303.600
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25(b)	87.325.705.000	77.333.769.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		20.923.915.747.585	19.800.236.483.508
Vốn chủ sở hữu	410	27	20.923.915.747.585	19.800.236.483.508
Vốn cổ phần	411	28	12.006.621.930.000	10.006.413.990.000
Cổ phiếu quỹ	415	28	(5.388.109.959)	(5.388.109.959)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		8.329.599.322	(161.099.075)
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	3.291.207.229.973	2.521.718.366.944
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.391.795.573.082	7.157.699.467.945
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.154.335.500.192	6.149.811.983.770
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.237.460.072.890	1.007.887.484.175
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		231.349.525.167	119.953.867.653
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		27.478.175.944.352	25.770.138.060.957

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:

Lê Thành Liêm

Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
kèm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	01	32	40.222.599.525.948	35.187.110.126.252
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	142.215.015.202	115.094.611.556
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	32	40.080.384.510.746	35.072.015.514.696
Giá vốn hàng bán	11	33	23.817.969.568.510	23.680.196.877.376
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.262.414.942.236	11.391.818.637.320
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	648.981.742.038	573.569.553.162
Chi phí tài chính	22	35	162.840.107.939	81.697.752.419
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.277.451.964	39.581.737.758
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	24		12.898.974.260	59.887.377.298
Chi phí bán hàng	25	36	6.257.506.620.133	3.684.398.847.607
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	1.232.722.578.041	795.365.066.390
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		9.271.226.352.421	7.463.813.901.364
Thu nhập khác	31	38	166.272.240.339	272.372.842.337
Chi phí khác	32	39	70.357.536.375	122.817.882.783
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		95.914.703.964	149.554.959.554
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.367.141.056.385	7.613.368.860.918
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	1.471.975.323.593	1.580.658.440.379
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	41	125.612.981.095	(35.492.545.769)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.769.552.751.697	6.068.202.966.308

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.769.552.751.697	6.068.202.966.308
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		7.773.409.631.243	6.068.807.696.841
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		(3.856.879.546)	(604.730.533)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	5.837	4.556

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:

Lê Thành Liêm

*Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng*

Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	01		9.367.141.056.385	7.613.368.860.918
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.097.075.552.739	1.032.730.002.039
Các khoản dự phòng	03		9.746.294.608	3.786.590.677
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.971.846.156	(8.404.807.167)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang	05		12.204.756.318	12.301.757.361
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(558.439.019.495)	(498.729.023.388)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	05		(12.898.974.260)	(59.887.377.298)
Lỗ từ các hoạt động đầu tư khác	05		18.035.628.088	18.361.924.596
Chi phí lãi vay	06		31.277.451.964	39.581.737.758
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.968.114.592.503	8.153.109.665.496
Biến động các khoản phải thu	09		165.561.724.757	(87.870.482.016)
Biến động hàng tồn kho	10		(498.539.245.611)	(545.317.603.122)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		484.339.606.582	(40.800.546.630)
Biến động chi phí trả trước	12		(35.873.901.754)	5.506.120.979
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		124.141.507.400	9.521.269.292
			10.207.744.283.877	7.494.148.423.999
Tiền lãi vay đã trả	14		(27.330.327.473)	(34.741.971.887)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.805.610.651.275)	(1.521.907.400.545)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(715.652.197.441)	(602.516.873.993)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		7.659.151.107.688	5.334.982.177.574

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.067.841.221.053)	(858.946.281.717)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		44.000.581.044	53.894.284.254
Tiền thu hồi/(chi) cho vay	23		1.821.603.322	(6.658.637.004)
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(190.000.000.000)	(300.915.667.523)
Tăng tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.309.442.450.000)	(3.349.601.000.000)
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		155.767.663	5.296.101.394
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(80.161.500.899)	(2.759.659.696)
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	26		13.902.241.885	19.748.461.471
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		460.883.543.055	560.479.407.828
Tiền tăng từ một công ty con	28		-	86.867.562
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(2.126.681.434.983)	(3.879.376.123.431)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31		107.476.398.854	70.421.503.931
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(319.602.000)
Tiền thu từ đi vay	33		3.973.222.371.269	1.490.974.827.513
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.782.739.882.737)	(233.883.299.908)
Tiền chi trả cổ tức	36		(6.002.261.574.354)	(4.000.514.074.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(5.704.302.686.968)	(2.673.320.644.594)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(171.833.014.263)	(1.217.714.590.451)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.527.875.428.216	2.745.645.325.950
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(2.278.224.319)	(186.238.711)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	62		4.918.411.050	130.931.428
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61 + 62)	70	6	1.358.682.600.684	1.527.875.428.216

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Lê Thành Liêm
Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành, và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

a. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

b. Hoạt động chính

Những hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Chế biến, sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, nguyên liệu và hóa chất;
- Kinh doanh nhà, môi giới, cho thuê bất động sản;
- Kinh doanh kho, bến bãi, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa;
- Cung cấp các dịch vụ phòng khám đa khoa;
- Các hoạt động hỗ trợ trồng trọt như: cung cấp cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch cây trồng, làm đất, tưới tiêu;
- Chăn nuôi: cung cấp giống vật nuôi và kỹ thuật nuôi; các hoạt động trồng trọt;
- Dịch vụ sau thu hoạch;
- Xử lý hạt giống để nhân giống;
- Sản xuất bánh;
- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột và thực phẩm khác; và
- Bán lẻ đồ uống có cồn, nước ngọt, nước có gas, nước khoáng thiên nhiên, rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn.

c. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

d. Cấu trúc tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 6 công ty con (1/1/2015: 7 công ty con) được liệt kê như dưới đây:

Công ty con	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	
	31/12/2015	1/1/2015
Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	100,00%	100,00%
Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	96,11%	96,11%
Driftwood Dairy Holdings Corporation	70,00%	70,00%
Angkor Dairy Products Co., Ltd.	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế (*)	-	100,00%

(*) Công ty này đã hoàn tất giải thể vào ngày 14 tháng 1 năm 2015.

Driftwood Dairy Holdings Corporation được thành lập và hoạt động tại Mỹ, Angkor Dairy Products Co., Ltd. được thành lập và hoạt động tại Campuchia, Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia được thành lập và hoạt động tại Ba Lan, các công ty con còn lại được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 2 công ty liên kết (1/1/2015: 2 công ty liên kết) được liệt kê ở Thuyết minh 7(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 6.661 nhân viên (1/1/2015: 6.244 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

a. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

b. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

c. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

d. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán cho các doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Các thay đổi đáng kể đến chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, được trình bày ở các thuyết minh sau đây trong báo cáo tài chính hợp nhất:

- Cơ sở hợp nhất (Thuyết minh 4(a)) - lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc mua hoặc thanh lý một phần khoản đầu tư mà không làm mất đi hoặc có được quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận giữ lại trong vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát được phân loại lại là một phần của vốn chủ sở hữu;
- Ghi nhận các chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(b)) - việc sử dụng các tỷ giá hối đoái thương mại khác nhau được quy định bởi Thông tư 200;
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(v)) - lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi;
- Lợi thế thương mại (Thuyết minh 4(l)) - lợi thế thương mại ghi nhận khi đầu tư vào các đơn vị hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu không được tiếp tục phân bổ.

Các Thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 45 của báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

a. Cơ sở hợp nhất

i. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

ii. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

iii. Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

iv. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

v. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

vi. Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

b. Ngoại tệ

i. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ giá hối đoái thực tế áp dụng để quy đổi lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo được xác định như sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): tỷ giá mua ngoại tệ tại ngày lập báo cáo được niêm yết bởi ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có số dư tiền gửi lớn nhất. Tiền gửi ngân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

hàng và các khoản ký quỹ ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ tại ngày lập báo cáo được niêm yết bởi ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn ký quỹ hoặc duy trì tài khoản ngân hàng.

- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (các khoản phải trả và các khoản vay): tỷ giá bán ngoại tệ vào ngày lập báo cáo được niêm yết bởi ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có số dư tiền gửi lớn nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

ii. Cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái bình quân kỳ giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi cơ sở hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

c. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

d. Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh tức là mua để bán lại để tạo lợi nhuận. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Điều hành Tập Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

e. Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

f. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

g. Tài sản cố định hữu hình

i. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

ii. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
• máy móc và thiết bị	8 - 15 năm
• phương tiện vận chuyển	10 năm
• thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
• gia súc	6 năm
• khác	3 năm

h. Tài sản cố định vô hình

i. Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

ii. Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

iii. Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác phản ánh thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng, có được thông qua hợp nhất kinh doanh, ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 - 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

i. Bất động sản đầu tư

i. Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo nhu đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

ii. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 49 năm
- cơ sở hạ tầng 10 năm
- nhà cửa 10 - 50 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không tính khấu hao.

j. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

k. Chi phí trả trước dài hạn

i. Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê (“Thông tư 45”). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

ii. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

iii. Chi phí khác

Chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

l. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

m. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

n. Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

o. **Vốn cổ phần**

i. **Vốn cổ phần**

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

ii. **Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, trừ các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Việc mua lại cổ phiếu được phân loại như cổ phiếu quỹ theo vốn chủ sở hữu. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán hoặc phát hành lại, số tiền thu được ghi nhận như một khoản tăng thêm của vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thặng dư hay thiếu hụt giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu quỹ, tính theo phương pháp bình quân gia quyền, được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

p. **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

q. **Doanh thu và thu nhập khác**

i. **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

ii. **Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

iii. **Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

iv. **Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

v. **Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

vi. **Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn**

Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

r. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

s. Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

t. Phân phối cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được trong năm. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

u. Các quỹ

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty như sau:

- Quỹ khen thưởng và phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế

Theo Thông tư 200, quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ dự phòng này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của các cổ đông, Ban Điều hành hoặc Tổng Giám đốc, tùy thuộc vào bản chất và quy mô của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ và Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty.

v. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi.

w. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

x. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

5. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác Việt Nam (“Nước ngoài”).

	Trong nước (Khách hàng tại Việt Nam)		Nước ngoài (Khách hàng ở các nước khác Việt Nam)		Tổng cộng	
	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND
Doanh thu thuần	32.160.905.237.291	29.386.869.257.776	7.919.479.273.455	5.685.146.256.920	40.080.384.510.746	35.072.015.514.696
Giá vốn hàng bán	(19.261.905.095.133)	(19.246.935.114.802)	(4.556.064.473.377)	(4.433.261.762.574)	(23.817.969.568.510)	(23.680.196.877.376)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	12.899.000.142.158	10.139.934.142.974	3.363.414.800.078	1.251.884.494.346	16.262.414.942.236	11.391.818.637.320

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	1.461.134.841	1.349.958.029
Tiền gửi ngân hàng	1.211.056.465.843	991.980.639.406
Tiền đang chuyển	-	3.197.165
Các khoản tương đương tiền	146.165.000.000	534.541.633.616
	1.358.682.600.684	1.527.875.428.216

7. Các khoản đầu tư
a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015			1/1/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:						
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	82.283.660.000	10.784.237.200	(71.499.422.800)	82.283.660.000	12.745.007.600	(69.538.652.400)
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	442.000.000.000	(*)	-	442.000.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Thành Tây Ninh	-	-		150.569.980.000	88.288.761.000	(62.281.219.000)
• Khác	1.697.216.577	1.001.275.920	(696.017.447)	29.961.232.722	22.572.781.322	(7.388.500.000)
	525.980.876.577		(72.195.440.247)	704.814.872.722		(139.208.371.400)

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
• tiền gửi có kỳ hạn	8.214.592.500.000	6.903.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn		
• tiền gửi có kỳ hạn	46.596.000.000	46.596.000.000
• trái phiếu doanh nghiệp	490.000.000.000	300.000.000.000
	536.596.000.000	346.596.000.000

c.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Địa chỉ		% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào:							
Các công ty liên kết							
• Miraka Limited	109 Tuwharetoa, Taupo, New Zealand		22,81%	22,81%	344.633.586.103	(*)	-
• Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	(**)	15,00%	15,00%	52.497.084.828	(*)	-
Khác					397.130.670.931		-
• Quý đầu tư tăng trưởng Việt Nam	Melinh Point Tower, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				10.270.276.240	(*)	(4.740.126.948)
• Nhà thuốc - Phòng khám đa khoa An Khang	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				300.000.000	(*)	-
• Khác					808.200.000	(*)	-
					11.378.476.240		(4.740.126.948)
					408.509.147.171		(4.740.126.948)

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(**) Ban Điều hành đánh giá rằng Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này bởi vì một thành viên trong Ban Điều hành của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(**) Ban Điều hành đánh giá rằng Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đối với hai công ty này bởi vì hai thành viên trong Ban Điều hành của Công ty là thành viên Hội Đồng Quản Trị của hai công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Ngày 1 tháng 1 năm 2015	Địa chỉ		% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào:							
Các công ty liên kết							
• Miraka Limited	109 Tuwharetoa, Taupo, New Zealand	(**)	19,30%	19,30%	278.497.731.377	(*)	-
• Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	(**)	15,00%	15,00%	39.474.706.280	(*)	-
Khác					317.972.437.657		-
• Quý đầu tư tăng trưởng Việt Nam	Melinh Point Tower, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				10.559.408.600	(*)	(4.857.290.601)
• Nhà thuốc - Phòng khám đa khoa An Khang	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam				300.000.000	(*)	-
• Khác					768.960.000	(*)	-
					11.628.368.600		(4.857.290.601)
					329.600.806.257		(4.857.290.601)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	139.208.371.400	145.974.953.400
Tăng dự phòng trong năm	2.444.264.188	2.450.963.000
Hoàn nhập	(14.723.076.000)	(9.217.545.000)
Sử dụng dự phòng trong năm	(54.745.741.894)	-
Chênh lệch chuyển đổi	11.622.553	-
Số dư cuối năm	72.195.440.247	139.208.371.400

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	4.857.290.601	10.248.632.262
Tăng dự phòng trong năm	16.201.044	430.226.565
Sử dụng dự phòng trong năm	(133.364.697)	(5.821.568.226)
Số dư cuối năm	4.740.126.948	4.857.290.601

8. Phải thu khách hàng

a. Phải thu khách hàng được liệt kê theo khách hàng chính

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Abdulkarim Alwan Foodstuff Trading (LLC)	203.761.695.760	348.172.272.000
Các khách hàng khác	1.998.634.359.543	1.640.442.090.323
	2.202.396.055.303	1.988.614.362.323

b. Phải thu khách hàng là bên liên quan

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	-	1.008.001.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

9. Các khoản phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	54.213.539.996	133.509.529.151
Lãi tiền gửi	212.366.875.509	119.054.965.555
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	51.308.507.620	71.950.068.975
Phải thu ký quỹ ngắn hạn	3.413.858.029	3.440.371.602
Phải thu người lao động	851.613.738	1.818.360.138
Tạm ứng cho nhân viên	2.472.642.740	1.809.902.469
Lãi trái phiếu	16.252.054.779	11.682.191.784
Phải thu khác	19.116.248.489	26.771.253.914
	359.995.340.900	370.036.643.588

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải thu từ một khoản đầu tư	7.247.684.826	7.247.684.826
Phải thu ký quỹ dài hạn	8.077.003.595	7.322.919.200
	15.324.688.421	14.570.604.026

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2015				1/1/2015			
	Số ngày qua hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Số ngày qua hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn								
• Công ty TNHH Cảng Phước Long	Trên 3 năm	-	-	-	2 - 3 năm	3.470.244.813	1.041.073.444	2.429.171.369
• Nông dân	Trên 3 năm	34.409.000	-	34.409.000	Trên 3 năm	47.353.389	-	38.230.689

11. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	713.368.097.247	-	484.349.482.529	-
Nguyên vật liệu	2.043.030.894.819	(4.540.567.450)	1.950.145.008.854	(6.864.301.705)
Công cụ và dụng cụ	14.014.670.177	-	7.965.125.849	-
Sản phẩm dở dang	40.459.630.933	-	44.066.598.480	-
Thành phẩm	924.779.281.514	(12.733.536.731)	1.040.310.901.609	(6.257.070.138)
Hàng hóa	63.254.608.363	-	39.367.889.992	(3.000.000)
Hàng gửi đi bán	28.462.136.899	-	1.743.327.548	-
	3.827.369.319.952	(17.274.104.181)	3.567.948.334.861	(13.124.371.843)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	13.124.371.843	10.376.905.544
Tăng dự phòng trong năm	25.106.722.157	25.521.539.710
Hoàn nhập	(14.757.077.585)	(18.018.441.130)
Sử dụng dự phòng trong năm	(6.199.912.234)	(4.755.632.281)
Số dư cuối năm	17.274.104.181	13.124.371.843

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 71.923 triệu VND (1/1/2015: 55.533 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Gia súc	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	2.296.128.990.261	7.992.774.970.718	674.101.116.647	448.105.106.689	307.446.353.636	64.092.546.411	11.782.649.084.362
Tăng trong năm	10.547.977.409	41.759.551.821	49.900.300.862	21.481.804.211	-	8.419.634.038	132.109.268.341
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	448.048.947.964	519.921.452.186	31.837.946.174	16.044.926.847	-	5.562.110.646	1.021.415.383.817
Chuyển từ hàng tồn kho	-	-	-	-	221.820.298.382	-	221.820.298.382
Phân loại lại	(933.081.871)	940.749.973	287.777.159	(295.445.261)	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(323.309.443)	-	-	(323.309.443)
Thanh lý	(600.885.151)	(13.582.608.144)	(8.275.593.844)	(1.296.330.831)	(93.085.382.740)	(141.702.039)	(116.982.502.749)
Giảm khác	(3.316.231.355)	(16.665.388.098)	(123.649.505)	(81.659.493)	-	-	(20.186.928.451)
Chênh lệch chuyển đổi	5.636.224.932	25.450.401.336	4.009.739.320	826.629.733	-	3.296.750.129	39.219.745.450
Số dư cuối năm	2.755.511.942.189	8.550.599.129.792	751.737.636.813	484.461.722.452	436.181.269.278	81.229.339.185	13.059.721.039.709
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	470.791.821.035	3.110.236.122.275	254.352.012.607	243.574.378.355	105.115.177.397	50.390.792.555	4.234.460.304.224
Khấu hao trong năm	121.585.846.580	745.161.957.332	66.951.574.012	61.429.046.563	70.073.174.545	7.530.426.721	1.072.732.025.753
Phân loại lại	(309.867.753)	3.080.484.012	(2.570.871.695)	(199.744.564)	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(68.221.526)	-	-	(68.221.526)
Thanh lý	(513.578.188)	(12.893.633.044)	(6.110.272.891)	(1.011.331.831)	(40.247.404.753)	(944.680)	(60.777.165.387)
Giảm khác	-	(2.857.078.504)	-	(199.266.000)	-	-	(3.056.344.504)
Chênh lệch chuyển đổi	1.826.518.352	14.497.426.137	1.418.343.435	616.586.163	-	2.726.065.542	21.084.939.629
Số dư cuối năm	593.380.740.026	3.857.225.278.208	314.040.785.468	304.141.447.160	134.940.947.189	60.646.340.138	5.264.375.538.189
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	1.825.337.169.226	4.882.538.848.443	419.749.104.040	204.530.728.334	202.331.176.239	13.701.753.856	7.548.188.780.138
Số dư cuối năm	2.162.131.202.163	4.693.373.851.584	437.696.851.345	180.320.275.292	301.240.322.089	20.582.999.047	7.795.345.501.520

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 1.274.052.869.357 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 962.560.738.732 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	544.949.520.678	100.195.019.379	46.351.200.000	691.495.740.057
Tăng trong năm	-	3.154.788.240	-	3.154.788.240
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	28.197.705.229	-	28.197.705.229
Phân loại lại (*)	(182.506.098.103)	-	-	(182.506.098.103)
Chênh lệch chuyển đổi	10.934.134.573	42.676.460	2.365.300.000	13.342.111.033
Số dư cuối năm	373.377.557.148	131.590.189.308	48.716.500.000	553.684.246.456
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	62.163.807.772	63.336.171.579	27.788.728.385	153.288.707.736
Khấu hao trong năm	3.150.783.526	13.414.498.720	2.337.209.276	18.902.491.522
Phân loại lại (*)	(38.790.438.818)	-	-	(38.790.438.818)
Chênh lệch chuyển đổi	19.285.565	711.277	1.474.241.197	1.494.238.039
Số dư cuối năm	26.543.438.045	76.751.381.576	31.600.178.858	134.894.998.479
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	482.785.712.906	36.858.847.800	18.562.471.615	538.207.032.321
Số dư cuối năm	346.834.119.103	54.838.807.732	17.116.321.142	418.789.247.977

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004, ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 17(b)).

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 48.086.488.915 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 47.704.588.915 VND).

14. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Nhà cửa	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	85.629.776.889	6.464.218.561	87.500.683.627	179.594.679.077
Tăng khác	-	-	83.371.480	83.371.480
Phân loại lại	(3.405.538.719)	-	3.405.538.719	-
Số dư cuối năm	82.224.238.170	6.464.218.561	90.989.593.826	179.678.050.557
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.250.516.209	3.298.561.894	27.319.732.359	31.868.810.462
Khấu hao trong năm	793.556.901	646.421.853	4.001.056.709	5.441.035.463
Phân loại lại	(192.440.337)	-	192.440.337	-
Số dư cuối năm	1.851.632.773	3.944.983.747	31.513.229.405	37.309.845.925
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	84.379.260.680	3.165.656.667	60.180.951.268	147.725.868.615
Số dư cuối năm	80.372.605.397	2.519.234.814	59.476.364.421	142.368.204.632

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn phản ánh nhà cửa và cơ sở hạ tầng nắm giữ để cho thuê. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn.

Trong nguyên giá bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 7.541.595.410 VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 7.228.577.143 VND).

15. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bò dưới 16 tháng tuổi	82.393.992.187	65.283.282.436

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	824.432.512.321	537.872.350.628
Tăng trong năm	1.108.947.131.917	708.721.969.694
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.021.415.383.817)	(407.890.493.780)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(28.197.705.229)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(3.405.538.719)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(93.491.543.348)	(4.342.189.540)
Chuyển sang hàng tồn kho	(5.153.262.275)	(662.453.566)
Giảm khác	(25.242.167.757)	(6.187.823.150)
Chênh lệch chuyển đổi	1.405.530.974	326.690.754
Số dư cuối năm	761.285.112.786	824.432.512.321

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn đang thực hiện như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Máy móc thiết bị - Nhà máy Sữa Lam Sơn	202.058.180.116	3.884.781.060
Máy móc thiết bị - Trang trại bò sữa Hà Tĩnh	-	187.850.850.565
Trang trại bò sữa Tây Ninh	236.872.364.848	186.496.474.313
Trang trại bò sữa Thanh Hóa 2	66.371.324.594	122.067.031.079
Khác	255.983.243.228	324.133.375.304
	761.285.112.786	824.432.512.321

17. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	10.647.392.756	10.126.639.233
Chi phí bảo trì hệ thống và triển khai phần mềm trả trước	4.312.079.769	3.060.841.120
Chi phí cải tạo và sửa chữa trả trước	5.090.144.128	4.391.038.491
Chi phí thuê hoạt động trả trước	15.894.422.496	6.243.320.990
Chi phí quảng cáo trả trước	4.448.905.912	1.108.065.215
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	115.663.549.445	90.773.334.414
	156.056.494.506	115.703.239.463

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.419.837.879	105.048.416.556	74.036.996.399	183.505.250.834
Tăng trong năm	6.224.786.710	102.202.501.121	27.980.921.465	136.408.209.296
Phân loại lại (*)	143.715.659.285	-	-	143.715.659.285
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	255.087.917	-	255.087.917
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	66.965.910.638	10.647.268.311	15.878.364.399	93.491.543.348
Phân bổ trong năm	(12.247.273.773)	(72.244.006.630)	(56.436.158.976)	(140.927.439.379)
Giảm khác	(114.505.958)	-	-	(114.505.958)
Chênh lệch chuyển đổi	796.790.162	42.823.598	156.421.158	996.034.918
Số dư cuối năm	209.761.204.943	145.952.090.873	61.616.544.445	417.329.840.261

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004, ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45. Các chi phí đất trả trước này được phân loại lại từ tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	20% - 22%	683.950.320	226.023.828
Chi phí phải trả và dự phòng	20% - 22%	24.496.236.994	150.567.144.581
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		25.180.187.314	150.793.168.409

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Các khoản phải thu	40%	2.328.882.180	2.215.809.359
Hàng tồn kho	40%	1.157.574.623	1.101.371.596
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	40%	45.291.725.188	43.092.703.189
Chi phí phải trả	40%	6.071.249.187	5.776.475.462
Khác	40%	497.765.891	473.598.162
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		55.347.197.069	52.659.957.768
Dự phòng định giá	40%	(41.760.641.032)	(39.733.061.646)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		13.586.556.037	12.926.896.122
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Tài sản cố định và lợi thế thương mại	40%	(102.475.015.544)	(97.499.607.507)
Khác	40%	(145.658.743)	(138.592.215)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(102.620.674.287)	(97.638.199.722)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		(89.034.118.250)	(84.711.303.600)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Lợi thế thương mại

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	160.706.939.654	174.463.919.182
Điều chỉnh	-	4.604.945.068
Phân bổ trong năm	(18.361.924.596)	(18.361.924.596)
Số dư cuối năm	142.345.015.058	160.706.939.654

20. Phải trả người bán

a. Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp chính

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Truyền thông Đất Việt VAC	382.779.457.871	382.779.457.871	137.689.810.878	137.689.810.878
Các nhà cung cấp khác	1.810.823.351.390	1.810.823.351.390	1.760.839.582.046	1.760.839.582.046
	2.193.602.809.261	2.193.602.809.261	1.898.529.392.924	1.898.529.392.924

b. Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty liên kết		
Miraka Limited	74.684.584.840	53.275.711.500

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2015 VND	Phát sinh VND	Chi trả VND	Chênh lệch chuyển đối VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	97.748.080.575	1.825.859.646.803	(1.810.016.334.187)	569.931	113.591.963.122
Thuế thu nhập doanh nghiệp	396.387.038.231	1.471.975.323.593	(1.805.610.651.275)	38.239.461	62.789.950.010
Thuế thu nhập cá nhân	5.935.298.848	167.284.595.517	(141.630.896.180)	2.681.498	31.591.679.683
Thuế nhập khẩu	67.059.641	169.915.595.980	(166.799.273.605)	49.757.232	3.233.139.248
Thuế khác	2.505.599.009	22.908.336.276	(20.985.090.713)	172.234.379	4.601.078.951
	502.643.076.304	3.657.943.498.169	(3.945.042.245.960)	263.482.501	215.807.811.014

22. Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	303.628.936.160	372.271.399.616
Chi phí quảng cáo	54.006.437.728	43.092.205.601
Chi phí vận chuyển	58.991.919.668	58.016.454.874
Chi phí bảo trì và sửa chữa	47.714.730.252	15.277.558.615
Chi phí nhiên liệu	13.355.140.533	14.714.178.145
Chi phí nhân công thuê ngoài	34.667.035.675	16.259.721.436
Chi phí lãi vay	8.786.890.362	4.839.765.871
Chi phí thuê ụ, kệ trưng bày	740.454.553	530.000.015
Chi phí phải trả khác	71.594.042.996	107.990.052.846
	593.485.587.927	632.991.337.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải trả khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính (*)	448.007.419.155	448.007.419.155
Thuế nhập khẩu phải nộp	58.076.771.700	66.891.229.438
Phải trả ký quỹ ngắn hạn nhận được	63.776.967.568	51.454.636.092
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	1.246.476.469	1.582.702.277
Chi phiếu chưa thanh toán vượt mức số dư ngân hàng	22.824.654.805	16.833.321.089
Phải trả ngắn hạn khác	50.536.047.370	13.659.310.730
	644.468.337.067	598.428.618.781

(*) Phải trả khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính bao gồm một khoản nhận trả trước là 447.822.000.000 VND từ một bên thứ ba về việc chuyển nhượng trong tương lai một khoản đầu tư của Tập đoàn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Thuyết minh 7(a)). Tại ngày báo cáo, việc chuyển nhượng này vẫn chưa hoàn tất.

b. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Các khoản nhận ký quỹ dài hạn nhận được	-	3.534.408.218
Phải trả dài hạn khác	2.814.519.233	4.658.153.556
	2.814.519.233	8.192.561.774

24. Vay

a. Vay ngắn hạn

	1/1/2015 VND	Tăng thêm VND	Chi trả VND	Chênh lệch chuyển đổi VND	31/12/2015 VND
Vay ngắn hạn	1.258.848.534.840	3.942.825.130.654	(3.756.918.659.783)	8.871.901.497	1.453.626.907.208
Vay dài hạn đến hạn trả	20.676.480.000	-	-	1.055.120.000	21.731.600.000
	1.279.525.014.840	3.942.825.130.654	(3.756.918.659.783)	9.927.021.497	1.475.358.507.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay		Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	USD	1,28%	564.550.000.000	790.320.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ii)	USD	1,28%	677.460.000.000	320.400.000.000
Wells Fargo	(iii)	USD	2,353%	122.662.316.960	148.128.534.840
Deutsche Bank Polska Spółka Akcyjna					
• Khoản vay 1	(iv)	EUR	1,100%	21.336.313.870	-
• Khoản vay 2	(iv)	PLN	2,810%	67.618.276.378	-
				1.453.626.907.208	1.258.848.534.840

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 triệu USD và không được đảm bảo.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.300 tỷ VND và không được đảm bảo.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Driftwood Dairy Holdings Corporation, một công ty con, có giá trị ghi sổ là 71.923 triệu VND (1/1/2015: 55.533 triệu VND) và phải thu có giá trị ghi sổ là 226.111 triệu VND (1/1/2015: 232.502 triệu VND).
- (iv) Các khoản vay này có hạn mức tối đa là 4,5 triệu USD và không được đảm bảo.

b. Vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	389.901.778.853	367.060.066.552
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(21.731.600.000)	(20.676.480.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	368.170.178.853	346.383.586.552

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

		Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Wells Fargo						
• Khoản vay 1	(i)	USD	2,603%	2016	98.690.200.000	105.689.280.000
• Khoản vay 2	(i)	USD	2,603%	2016	33.436.603.450	14.734.790.160
Sumitomo Mitsui Banking Corporation	(ii)	USD	2,065%	2017	246.950.000.000	234.960.000.000
Các cá nhân khác	(ii)	VND	Không	2039	10.824.975.403	11.675.996.392
					389.901.778.853	367.060.066.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Driftwood Dairy Holdings Corporation, một công ty con, có giá trị ghi sổ là 465.456 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 476.546 triệu VND).

- (ii) Các khoản vay này không có đảm bảo.

25. Dự phòng phải trả

a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Sửa chữa tài sản cố định	2.420.017.605	4.122.882.763

b. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu năm	77.333.769.500
Tăng dự phòng trong năm	11.622.321.332
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.630.385.832)
Số dư cuối năm	87.325.705.000

26. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và nhân viên của các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	355.719.314.789	361.477.571.902
Trích quỹ trong năm	768.905.099.077	599.790.800.993
Sử dụng trong năm	(719.160.051.290)	(605.549.058.106)
Số dư cuối năm	405.464.362.576	355.719.314.789

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quy đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(5.068.507.959)	-	1.784.193.779.612	6.149.811.983.770	22.863.933.884	17.568.353.249.307
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	1.666.856.030.000	(1.276.994.100.000)	-	-	-	(389.861.930.000)	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(319.602.000)	-	-	-	-	(319.602.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	6.068.807.696.841	(604.730.533)	6.068.202.966.308
Trích quỹ vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	737.524.587.332	(737.524.587.332)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(599.790.800.993)	-	(599.790.800.993)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(3.333.740.644.000)	-	(3.333.740.644.000)
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	103.941.744.900	103.941.744.900
Điều chỉnh	-	-	-	-	-	(2.250.341)	(6.943.440.037)	(6.945.690.378)
Chênh lệch chuyển đổi	-	-	-	(161.099.075)	-	-	696.359.439	535.260.364
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	10.006.413.990.000	-	(5.388.109.959)	(161.099.075)	2.521.718.366.944	7.157.699.467.945	119.953.867.653	19.800.236.483.508
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	2.000.207.940.000	-	-	-	-	(2.000.207.940.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	7.773.409.631.243	(3.856.879.546)	7.769.552.751.697
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	769.488.863.029	(769.488.863.029)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(768.905.099.077)	-	(768.905.099.077)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(6.000.711.624.000)	(1.549.950.354)	(6.002.261.574.354)
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	107.476.398.854	107.476.398.854
Điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	1.863.569.438	1.863.569.438
Chênh lệch chuyển đổi	-	-	-	8.490.698.397	-	-	7.462.519.122	15.953.217.519
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	12.006.621.930.000	-	(5.388.109.959)	8.329.599.322	3.291.207.229.973	5.391.795.573.082	231.349.525.167	20.923.915.747.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.200.662.193	12.006.621.930.000	1.000.641.399	10.006.413.990.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.200.662.193	12.006.621.930.000	1.000.641.399	10.006.413.990.000
Cổ phiếu quỹ phổ thông				
Cổ phiếu phổ thông	(522.795)	(5.388.109.959)	(522.795)	(5.388.109.959)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.200.139.398	12.001.233.820.041	1.000.118.604	10.001.025.880.041

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	1.000.118.604	10.001.025.880.041	833.467.061	8.334.489.452.041
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	200.020.794	2.000.207.940.000	166.685.603	1.666.856.030.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	(34.060)	(319.602.000)
Số dư cuối năm	1.200.139.398	12.001.233.820.041	1.000.118.604	10.001.025.880.041

Ngày 7 tháng 9 năm 2015, Công ty đã phát hành 200.020.794 cổ phiếu thưởng (2014: 166.685.603 cổ phiếu thưởng) cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ một cổ phiếu mới cho mỗi năm cổ phiếu phổ thông đang nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Cổ tức

Ngày 27 tháng 4 năm 2015 và ngày 18 tháng 6 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức với tổng số tiền là 6.001 tỷ VND (2.000 VND/cổ phiếu cho đợt một và 4.000 VND/cổ phiếu cho đợt hai) (2014: 3.334 tỷ VND (2.000 VND/cổ phiếu cho mỗi đợt)).

30. Quỹ đầu tư phát triển

Theo điều lệ của Công ty, Công ty trích 10% lợi nhuận thuần sau thuế để mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai và được phản ánh như quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Khi quỹ này được dùng để mở rộng kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển vào vốn cổ phần.

31. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	25.336.827.248	20.449.178.598
Trong vòng hai đến năm năm	53.819.969.794	56.351.280.739
Sau năm năm	329.963.585.585	296.216.877.341
	409.120.382.627	373.017.336.678

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Ngoại tệ				
• USD	22.791.963	511.679.564.411	3.735.730	79.795.184.897
• EUR	19.731	481.733.342	20.792	537.979.711
		512.161.297.753		80.333.164.608

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

c. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	257.229.592.474	456.147.536.111

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
• Bán thành phẩm	39.316.828.133.077	34.424.778.249.081
• Bán hàng hóa	759.227.375.698	608.206.650.973
• Cho thuê bất động sản đầu tư	14.338.329.179	14.200.576.247
• Các dịch vụ khác	50.347.479.867	44.837.468.431
• Bán phế liệu	81.858.208.127	95.087.181.520
	40.222.599.525.948	35.187.110.126.252
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Chiết khấu thương mại	(613.913.938)	(649.046.494)
• Hàng bán bị trả lại	(2.169.545.595)	(41.084.348.017)
• Giảm giá hàng bán	(139.431.555.669)	(73.361.217.045)
	(142.215.015.202)	(115.094.611.556)
Doanh thu thuần	40.080.384.510.746	35.072.015.514.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
• Thành phẩm đã bán	23.327.208.246.282	23.120.145.461.318
• Hàng hoá đã bán	416.266.826.683	496.051.729.159
• Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê	8.283.134.306	6.891.621.743
• Dịch vụ khác	5.297.368.026	3.961.479.739
• Tổn thất hàng tồn kho	15.132.638.514	8.594.376.218
• Chi phí hoạt động dưới công suất	35.431.710.127	37.049.110.619
• Tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.349.644.572	7.503.098.580
	23.817.969.568.510	23.680.196.877.376

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	530.652.635.439	479.778.494.831
Lãi trái phiếu doanh nghiệp	27.693.150.666	11.682.191.784
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	90.139.210.435	39.024.405.066
Cổ tức	93.233.390	7.268.336.773
Lãi thanh lý chứng khoán	77.215.600	35.816.124.708
Khác	326.296.508	-
	648.981.742.038	573.569.553.162

35. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	31.277.451.964	39.581.737.758
(Hoàn nhập chiết khấu)/chi phí chiết khấu cho nhà phân phối	(273.015.418)	15.823.678.176
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	141.526.644.713	31.633.506.791
Chi phí lãi cho các khoản ký quỹ nhận được	2.263.051.997	898.188.327
Hoàn nhập dự phòng cho các khoản đầu tư	(12.262.610.768)	(6.336.355.435)
Khác	308.585.451	96.996.802
	162.840.107.939	81.697.752.419

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	532.045.832.820	473.726.239.410
Chi phí nguyên vật liệu	42.207.833.043	60.289.821.318
Chi phí công cụ, dụng cụ	83.076.859.040	118.604.903.127
Chi phí khấu hao	35.163.159.190	29.968.528.357
Chi phí bảo hành	27.852.721.760	16.809.808.460
Chi phí vận chuyển hàng	600.604.238.763	483.498.543.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.802.880.266	207.472.016.659
Chi phí quảng cáo	1.776.620.829.471	973.173.275.414
Chi phí nghiên cứu thị trường	30.511.902.087	20.580.121.049
Chi phí khuyến mãi	44.327.187.374	19.062.839.518
Chi phí trưng bày sản phẩm	476.578.494.551	408.465.064.965
Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối	2.341.714.681.768	872.747.686.203
	6.257.506.620.133	3.684.398.847.607

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	632.138.253.862	305.035.036.843
Chi phí vật liệu quản lý	18.028.724.493	18.098.831.201
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.633.222.516	19.321.652.371
Chi phí khấu hao	81.344.851.071	68.559.799.199
Thuế, phí và lệ phí	20.831.262.533	10.489.148.731
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng trợ cấp thôi việc	11.659.260.803	11.774.911.559
Chi phí vận chuyển	46.856.620.341	43.199.705.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.283.691.069	177.236.296.708
Chi phí nhập hàng	23.293.724.175	19.522.263.773
Công tác phí	35.496.668.568	28.670.584.358
Chi phí dịch vụ ngân hàng	8.687.186.125	9.598.551.683
Chi phí khác	110.469.112.485	83.858.284.323
	1.232.722.578.041	795.365.066.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	44.020.557.044	59.983.306.410
Thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	79.652.573.289	149.336.436.635
Bồi thường nhận từ các bên khác	11.881.210.135	16.347.305.098
Thu nhập khác	30.717.899.871	46.705.794.194
	166.272.240.339	272.372.842.337

39. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	56.205.337.362	72.216.913.769
Các khoản bị phạt do hủy hợp đồng	15.310.000	19.246.379.198
Các khoản phạt thuế	3.950.980.091	24.081.170.191
Chi phí khác	10.185.908.922	7.273.419.625
	70.357.536.375	122.817.882.783

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	18.812.311.104.227	20.799.884.242.627
Chi phí nhân công	2.080.852.727.244	1.630.921.219.016
Chi phí khấu hao	1.097.056.580.945	1.032.681.605.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.871.499.334.006	1.411.780.643.687
Chi phí khác	6.968.632.628.521	3.756.619.512.792

41. Thuế thu nhập

i. Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.483.785.417.085	1.578.444.341.029
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước	(11.810.093.492)	2.214.099.350
	1.471.975.323.593	1.580.658.440.379
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	125.612.981.095	(35.492.545.769)
Chi phí thuế thu nhập	1.597.588.304.688	1.545.165.894.610

ii. Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.367.141.056.385	7.613.368.860.918
Thuế theo thuế suất của Công ty	2.060.771.032.405	1.674.941.149.402
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất của các chi nhánh và nhà máy của Công ty	(34.272.183.507)	(87.942.917.362)
Thu nhập không bị tính thuế	(3.068.745.654)	(6.560.421.527)
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.830.967.388	6.834.356.033
Ưu đãi thuế	(441.328.763.137)	(40.169.077.694)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong kỳ trước	(11.810.093.492)	2.214.099.350
Giảm tài sản thuế hoãn lại do giảm thuế suất từ 25% xuống 22%	2.518.018.731	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	17.948.071.954	(4.151.293.592)
	1.597.588.304.688	1.545.165.894.610

iii. Thuế suất áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn chịu thuế thu nhập theo các mức thuế suất khác nhau từ 15% đến 40% tính trên thu nhập chịu thuế tùy thuộc vào ngành nghề kinh doanh. Trong Tập đoàn, Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam chưa có thu nhập chịu thuế. Công ty và các công ty con còn lại trong Tập đoàn có phát sinh chi phí thuế thu nhập.

42. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, được tính như sau:

i. Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015 VND	2014 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm - thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	7.773.409.631.243	6.068.807.696.841
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(767.737.571.176)	(600.958.328.894)
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	7.005.672.060.067	5.467.849.367.947

ii. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
Số lượng cổ phiếu phổ thông đầu năm	1.000.118.604	833.467.061
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	200.020.794	366.713.385
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(26.565)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	1.200.139.398	1.200.153.881

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

43. Quản lý rủi ro tài chính

a. Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

b. Khung quản lý rủi ro

Ban Điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

c. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

i. Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	1.357.221.465.843	1.526.525.470.187
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(iii)	8.751.188.500.000	7.249.996.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	(iv)	2.525.445.056.752	2.299.120.747.592
		12.633.855.022.595	11.075.642.217.779

ii. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và cho rằng các tổ chức tài chính này không thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

iii. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi có kỳ hạn. Rủi ro tín dụng của Tập đoàn từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng tổ chức phát hành công cụ. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tập đoàn phân tích độ tin cậy của tổ chức phát hành trước khi mua các công cụ này. Ban Điều hành đánh giá tổ chức phát hành có sổ sách theo dõi tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ này thấp. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, được giữ chủ yếu bởi các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và tin rằng các tổ chức tài chính này không thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

Không có khoản dự phòng giảm giá nào cho khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015.

iv. Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn từ phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt của Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét khi cần. Khách hàng không thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện thanh toán trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Quá hạn từ 1 - 30 ngày	96.899.185.010	78.962.614.586
Quá hạn từ 31 - 60 ngày	23.779.538.115	14.533.446.986
Quá hạn từ 61 - 90 ngày	3.602.627.830	6.495.649.478
Quá hạn trên 90 ngày	2.661.741.428	1.461.719.054
	126.943.092.383	101.453.430.104

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	5.917.834.434	7.387.087.909
Tăng dự phòng trong năm	36.939.471	2.619.847.532
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.905.930.653)	(4.145.965.258)
Chênh lệch chuyển đổi	163.120.871	56.864.251
Số dư cuối năm	3.211.964.123	5.917.834.434

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm lãi suất ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Phải trả người bán	2.193.602.809.261	2.193.602.809.261	2.193.602.809.261	-	-
Phải trả người lao động	452.476.117.228	452.476.117.228	452.476.117.228	-	-
Chi phí phải trả	593.485.587.927	593.485.587.927	593.485.587.927	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	644.468.337.067	644.468.337.067	644.468.337.067	-	-
Vay ngắn hạn	1.475.358.507.208	1.493.250.150.278	1.493.250.150.278	-	-
Phải trả dài hạn khác	2.814.519.233	2.814.519.233	-	2.814.519.233	-
Vay dài hạn	368.170.178.853	397.799.646.142	33.297.676.461	101.787.994.278	262.713.975.403
	5.730.376.056.777	5.777.897.167.136	5.410.580.678.222	104.602.513.511	262.713.975.403

Ngày 1 tháng 1 năm 2015

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Phải trả người bán	1.898.529.392.924	1.898.529.392.924	1.898.529.392.924	-	-
Phải trả người lao động	163.476.907.176	163.476.907.176	163.476.907.176	-	-
Chi phí phải trả	632.991.337.019	632.991.337.019	632.991.337.019	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	598.428.618.781	598.428.618.781	598.428.618.781	-	-
Vay ngắn hạn	1.279.525.014.840	1.302.655.532.729	1.302.655.532.729	-	-
Phải trả dài hạn khác	8.192.561.774	8.192.561.774	-	8.192.561.774	-
Vay dài hạn	346.383.586.552	391.252.736.516	49.911.587.702	48.205.580.041	293.135.568.773
	4.927.527.419.066	4.995.527.086.919	4.645.993.376.331	56.398.141.815	293.135.568.773

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

e. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, nhu tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

i. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Nợ gốc của các khoản vay ngân hàng bằng USD của Tập đoàn đều đã được dự phòng rủi ro tỷ giá hối đoái thông qua các hợp đồng kỳ hạn có ngày đáo hạn vào cùng thời điểm trả nợ của các khoản vay này.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.791.963	19.731	3.735.730	20.792
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	13.886.927	-	25.695.472	-
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	(24.515.508)	(1.363.805)	(20.657.877)	(523.391)
	12.163.382	(1.344.074)	8.773.325	(502.599)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày		
	31/12/2015 VND		1/1/2015 VND
	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán	Tỷ giá mua
1 USD	22.450	22.520	21.360
1 EUR	24.415	24.711	25.874

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
USD (mạnh thêm 5%)	10.582.721.426
EUR (yếu đi 6%)	1.554.660.914
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	
USD (mạnh thêm 1%)	1.461.659.878
EUR (yếu đi 11%)	1.115.763.242

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

ii. Rủi ro lãi suất

Các thay đổi lãi suất sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn.

iii. Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong hai năm vừa qua.

Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn sẽ cao/thấp hơn 76.172.039 VND (2014: 8.546.285.358 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

44. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	2015 VND	2014 VND
Miraka Limited	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	456.404.881.496	282.968.330.700
		Góp vốn	80.161.500.899	-
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và dịch vụ	510.424.095	11.024.603.438
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		Thù lao	67.282.713.861	60.064.426.741
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ đông	Cổ tức công bố	2.705.270.400.000	1.502.928.000.000

45. Số liệu so sánh

Nhu đề cập trong Thuyết minh 3, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 200 và Thông tư 202 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Kết quả là việc trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính thay đổi. Một số số liệu tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phân loại lại để phù hợp với yêu cầu về trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư 200 và Thông tư 202. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

a. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Chứng khoán kinh doanh	704.814.872.722	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	7.607.171.306.426
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	6.903.400.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	370.036.643.588	368.425.283.975
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.751.179.217	-
Hàng tồn kho	3.567.948.334.861	3.633.231.617.297
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.442.538.830
Phải thu từ cho vay dài hạn	7.395.303.671	-
Phải thu dài hạn khác	14.570.604.026	7.395.303.671
Tài sản dở dang dài hạn	65.283.282.436	-
Xây dựng cơ bản dở dang	824.432.512.321	803.688.210.258

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh	317.972.437.657	325.220.122.483
Đầu tư dài hạn khác	-	380.012.236.959
Đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác	11.628.368.600	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	346.596.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	7.242.919.200
Chi phí phải trả	632.991.337.019	637.114.219.782
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	77.333.769.500
Dự phòng ngắn hạn	4.122.882.763	-
Dự phòng dài hạn	77.333.769.500	-
Quỹ đầu tư phát triển	2.521.718.366.944	1.550.028.784.604
Quỹ dự phòng tài chính	-	971.689.582.340

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 VND (phân loại lại)	2014 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.187.110.126.252	35.703.776.176.355
Các khoản giảm trừ doanh thu	115.094.611.556	726.847.843.179
Giá vốn hàng bán	23.680.196.877.376	22.668.451.134.488
Chi phí bán hàng	3.684.398.847.607	4.696.142.714.715
Thu nhập khác	272.372.842.337	367.460.023.857
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.556	6.068

Ngày 29 tháng 2 năm 2016

Người lập:



Lê Thành Liêm

Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRỤ SỞ

10 Tân Trào, Phường Tân Phú,
Quận 7, TP. HCM
ĐT: (+84.8) 54 155 555
Fax: (+84.8) 54 161 226
Email: vinamilk@vinamilk.com.vn
Website: www.vinamilk.com.vn

CHI NHÁNH BÁN HÀNG

1. CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà
Handi Resco, 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh,
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
ĐT: (+84.4) 37 246 019
Fax: (+84.4) 37 246 005

2. CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG

12 Chi Lăng, Phường Hải
Châu II, Quận Hải Châu,
TP. Đà Nẵng
ĐT: (+84.511) 3 584 848
Fax: (+84.511) 3 897 223

3. CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ

86D Hùng Vương, Phường
Thới Bình, Quận Ninh Kiều,
TP. Cần Thơ
ĐT: (+84.710) 6 256 555
Fax: (+84.710) 3 827 334



CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

1. CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU THỰC PHẨM Á CHÂU SÀI GÒN

Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3,
Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (+84.650) 3 510 175
Fax: (+84.650) 3 510 176
Website: www.afil.vn

2. CÔNG TY TNHH MIRAKA

108 Tuwharetoa St, Taupo,
New Zealand, PO Box 740,
Taupo, 3351, New Zealand
ĐT: +64 7 376 0075
Fax: +64 7 377 0694
Website: www.miraka.co.nz

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

Lô 46, Khu Công nghiệp Trà Nóc I,
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy,
TP. Cần Thơ
ĐT: (+84.710) 6 258 555
Fax: (+84.710) 6 255 998

2. NHÀ MÁY SỮA TRƯỜNG THỌ

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+84.8) 62 527 555
Fax: (+84.8) 38 966 884

3. NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

12 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+84.8) 625 29 555
Fax: (+84.8) 62 88 57 27

4. NHÀ MÁY SỮA SÀI GÒN

Lô 1-18 Khu G1- KCN Tân Thới Hiệp,
Hương lộ 80, Phường Hiệp Thành, Q.12,
TP. HCM
ĐT: (+84.8) 62 528 555
Fax: (+84.8) 37 176 353

5. NHÀ MÁY SỮA DIELAC

Xa lộ Hà Nội, KCN Biên Hòa 1, Phường
An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: (+84.61) 6 256 555
Fax: (+84.61) 3 836 015

6. NHÀ MÁY SỮA BỘT VIỆT NAM

Số 9, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam -
Singapore 1, Thị xã Thuận An,
Tỉnh Bình Dương
ĐT: (+84.65) 37 99 628
Fax: (+84.65) 37 99 625

7. NHÀ MÁY SỮA VIỆT NAM

Lô A-4-CN, A-5-CN, A-6-CN, A-7-CN,
KCN Mỹ Phước 2, Huyện Bến Cát, Tỉnh
Bình Dương
ĐT: (+84.65) 3 55 99 88
Fax: (+84.65) 3 55 99 60

8. NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM

Lô A, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2,
Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh
Bình Dương
ĐT: (+84.650) 3 55 68 39
Fax: (+84.650) 3 55 68 90

9. NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG

Lô Q, Đường số 7, KCN Hòa Khánh,
Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên
Chiểu, TP. Đà Nẵng
ĐT: (+84.0511) 62 59 777
Fax: (+84.0511) 62 59 555

10. NHÀ MÁY SỮA BÌNH ĐỊNH

87 Hoàng Văn Thụ, Phường Quang
Trung, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
ĐT: (+84.56) 6 253 555
Fax: (+84.56) 3 746 065

11. NHÀ MÁY SỮA NGHỆ AN

Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, Thị
Xã Cửa Lò, Nghệ An
ĐT: (+84.38) 6 259 555
Fax: (+84.38) 3 824 717

12. NHÀ MÁY SỮA TIỀN SƠN

Khu Công nghiệp Tiên Sơn,
Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du,
Tỉnh Bắc Ninh
ĐT: (+84.241) 3 739 568
Fax: (+84.241) 3 714 814

13. XÍ NGHIỆP KHO VẬN HCM

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 62 526 555
Fax: (+84.8) 38 960 804

14. XÍ NGHIỆP KHO VẬN HÀ NỘI

Km 10, Quốc lộ 5, Xã Dương Xá,
Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
ĐT: (+84.4) 36 789 489
Fax: (+84.4) 38 276 966

15. PHÒNG KHÁM AN KHANG

184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P.6,
Quận 3, TP. HCM
ĐT: (+84.8) 3930 2785
Fax: (+84.8) 3930 2708

CÁC CÔNG TY CON

1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM
ĐT: (+84.8) 54 155 555
Fax: (+84.8) 54 161 226

2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỮA LAM SƠN

Khu Công nghiệp Lễ Môn, TP. Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (+84.37) 3 912 540
Fax: (+84.37) 3 912 541

3. CÔNG TY TNHH BÒ SỮA THỐNG NHẤT THANH HÓA

Khu phố 1, Thị trấn Nông trường Thống
Nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (+84.37) 35 14 020
Fax: (+84.37) 35 99 008

4. DRIFTWOOD DAIRY HOLDINGS CORPORATION

10724 E. Lower Azusa Road, El Monte,
California 91731-1390, United States
ĐT: (+626) 444 9591
Website: www.driftwooddairy.com

5. ANGKOR DAIRY PRODUCTS CO., LTD.

Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế Phnom
Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Khan PoSenChey,
Thủ đô Phnom Penh, Campuchia
ĐT: (+855) 23217424
Fax: (+855) 23217424
Website: www.angkormilk.com.kh

6. CÔNG TY TNHH VINAMILK CHÂU ÂU

Gwiazdzista 7a/4, 01-065 Warszawa, Ba Lan
ĐT: (+48) 22 118 59 76
Fax: (+48) 22 416 48 29
Website: <http://vinamilk.pl>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Số 10, Đường Tân Trào, Phường Tân Phú,

Quận 7, TP. HCM

Tel: (08) 54 155 555

Fax: (08) 54 161 226

www.vinamilk.com.vn